PHẠM THỊ THU HÀ

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG
TIẾNG VIỆT

TẬP MỘT

(Tái bản có chỉnh lí theo
Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời nói đầu

Để đáp ứng yêu cầu dạy – học theo chương trình sách giáo khoa (SGK) Tiểu học mới, năm học 2005 – 2006, chúng tôi đã xuất bản cuốn ***Thiết kế bài giảng Tiếng Việt 1***, tập một và tập hai. Thời gian qua, bộ sách đã được đông đảo các bạn đồng nghiệp gần xa đón nhận, sử dụng tham khảo cho các bài soạn của mình. Không những thế, nhiều bạn còn gửi thư góp ý, nhận xét mong cuốn sách hoàn thiện hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ!

Thể theo nhu cầu của bạn đọc khắp mọi miền đất nước, năm học 2007 – 2008, chúng tôi tiếp tục tái bản bộ sách này. Trong lần tái bản này, nội dung sách đã được sửa chữa cho phù hợp với Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh (HS) tiểu học, ban hành theo công văn số 896/BGD&ĐT-GDTH ngày 13/02/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, khi thực hiện điều chỉnh việc dạy và học giáo viên (GV) cần chú ý tuân thủ các yêu cầu sau :

– Cần trao đổi kĩ trong Tổ chuyên môn và Ban giám hiệu nhà trường để cụ thể hoá nội dung và phương pháp dạy một cách phù hợp nhất với thực tế HS của mình.

– Sử dụng các nội dung được điều chỉnh một cách linh hoạt (có thể giảm tải với HS kém nhưng chuyển thành nội dung tự chọn với HS khá, …).

– Không đưa thêm nội dung ngoài chương trình SGK vào bài giảng.

Chúng tôi hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, giúp các thầy, cô giáo giảng dạy môn Tiếng Việt 1 nâng cao hiệu quả bài giảng của mình. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa cho cuốn sách.

TÁC GIẢ

Phần một
GIỚI THIỆU HƯỚNG DẪN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Phụ lục kèm theo công văn số 896/BGD&ĐT-GDTH ngày 13/02/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi các Sở Giáo dục các tỉnh, thành phố đã nêu rõ khi dạy - học môn Tiếng Việt lớp 1, GV có thể có những điều chỉnh như sau:

I. PHẦN ÂM VÀ CHỮ GHI ÂM

1. Từ tuần 1 đến tuần 6, đối với những bài có các phụ âm ghi bằng 2, 3 con chữ (ví dụ: *th, ch, ngh*, …), từ tuần 7 đến tuần 22, đối với nhừng bài vần có nguyên âm đôi (ví dụ: *uôi – ươi, ưu – ươu, iên – yên*) GV có thể giảm nhẹ yêu cầu luyện nói và căn cứ vào trình độ tiếp thu của HS để phân bổ thời gian dạy từng phần nội dung cho phù hợp.
2. Đối với những bài ôn tập có nội dung dài: GV cần tập trung rèn luyện hai kĩ năng đọc, viết các âm, vần và chữ ghi âm, vần đã học trong tuần, giảm nhẹ yêu cầu luyện nói (kể chuyện).
3. Đối với phần luyện nói: GV cần hạn chế những câu hỏi dài, câu hỏi khó; giảm nhẹ yêu cầu luyện nói đối với những bài có phần khó học, bài có nội dung dài nêu trên.
4. Đối với phần Tập viết: Căn cứ trình độ viết tối đa của HS trong lớp, GV có thể yêu cầu HS viết cả dòng hoặc nửa dòng trong vở Tập viết 1 (giảm số lượng cần viết cho phù hợp điều kiện, thời gian luyện tập trên lớp, có thể khuyến khích HS luyện viết ở nhà).

II. PHẦN LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

A. TẬP ĐỌC

1. HS cần đạt yêu cầu tối thiểu sau:

   – Đọc đúng và tìm được tiếng trong bài đọc có vần cần ôn luyện.

   – Tốc độ đọc giữa học kì II là 25 tiếng/phút; cuối học kì II là 30 tiếng/phút.

   Với những yêu cầu khác thực hiện như sau:

Trả lời câu hỏi tìm hiểu bài: HS có thể trả lời bằng cách đọc lại các câu thơ, câu văn trong bài.

Ôn luyện âm, vần: Nếu bài học yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài có chứa vần cần ôn và nói câu có tiếng chứa vần cần ôn thì thực hiện một trong hai yêu cầu đó. Ví dụ: trong bài tập đọc *Trường em* (trang 46, 47 *Tiếng Việt 1 tập hai*) có bài tập 2 (tìm tiếng ngoài bài có chứa vần *ai, ay*), bài tập 3 (nói câu có chứa vần *ai, ay*), dưới mỗi bài tập đều có từ mẫu, câu mẫu thì HS có thể chỉ thực hiện 1 trong 2 bài tập hoặc chỉ đọc ví dụ (từ mẫu, câu mẫu) đã nêu trong SGK (kí hiệu M).

Tuỳ khả năng đọc của HS mà có thể lấy một phần thời gian của mục Luyện nói để tăng cường thời gian luyện đọc.

B. TẬP VIẾT

1. Yêu cầu tối thiểu đối với HS lớp 1 là biết viết đúng mẫu các chữ cái viết thường và biết tô chữ cái viết hoa.
2. Trên lớp, HS thực hiện phần A trong vở Tập viết 1, tập hai; còn phần B, GV khuyến khích HS luyện viết thêm.

C. CHÍNH TẢ

1. HS cần đạt yêu cầu tối thiểu sau:

   – Viết đúng chính tả, không mắc quá 5 lỗi trong bài tập chép hoặc nghe – viết.

   – Tốc độ viết giữa học kì II là 25 chữ/15 phút; cuối học kì II là 30 chữ/15 phút.
2. Đối với các bài tập chép, nghe – viết có số chữ lớn hơn số chữ quy định tốc độ chuẩn, GV có thể cho HS viết trên 15 phút và giảm bớt bài tập về chính tả.

D. KỂ CHUYỆN

1. Yêu cầu tối thiểu HS cần đạt là dựa theo tranh, kể lại được một đoạn của câu chuyện được nghe kể trên lớp.
2. Đối với các bài tập kể lại toàn bộ câu chuyện, GV có thể yêu cầu vài HS kể nối tiếp nhau, mỗi HS chỉ kể một đoạn để hợp thành cả câu chuyện.

Phần hai
GỢI Ý CÁC THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

Bài 1 E

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *e,* ghi õm *e* trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong th□c t□.

• □□c, vi□t (tụ) □□□c ch□ *e*.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung cỏc tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: L□p h□c.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1, v□ T□p vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to ho□c mụ hỡnh, v□t m□u cỏc ti□ng: *bộ, me, xe, ve*.

• Tranh minh h□a ph□n Luy□n núi (phúng to n□u cú □i□u ki□n).

• Nh□ng □o□n dõy nh□, ng□n.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

I. TIẾT 1

1. Gi□i thi□u bài

GV □n □□nh t□ ch□c l□p, gi□i thi□u □□ HS làm quen v□i m□nh và cho HS t□ gi□i thi□u làm quen v□i nhau.

GV ki□m tra sỏch v□, □□ dựng h□c t□p c□a HS.

Nh□n xột s□ chu□n b□ c□a HS.

– H□□ng d□n HS cỏch gi□ gỡn sỏch v□, □□ dựng h□c t□p: khụng làm qu□n mộp, khụng vi□t, v□ vào sỏch, gi□ sỏch nh□ nhàng, h□c xong c□t sỏch v□, □DHT □ừng n□i quy □□nh.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV treo tranh minh h□a trong SGK ho□c cho HS xem m□u v□t và h□i:

+ Tranh v□ ai, v□ cỏi gỡ? (*bộ, me, ve, xe*).

– Vi□t lờn b□ng cỏc ch□ mà HS v□a nói.

– Gi□i thi□u: Cỏc em v□a nói □□□c cỏc ti□ng: *bộ, me, ve, xe*. Nh□ng cỏch vi□t cỏc ti□ng □y nh□ th□ nào? Chỳng ta ph□i h□c cỏc ch□ cỏi và cỏc d□u thanh. B□t □□u t□ bài h□c này cụ (th□y) s□ giỳp cỏc em.

2.2. D□y ch□ ghi õm e

• *Nh□n di□n ch□ e*

H□i: + Ch□ *e* □□□c vi□t b□i nột nào? (1 nột th□t).

+ Ch□ *e* gi□ng hỡnh cỏi gỡ? (hỡnh s□i dõy v□t chộo).

• □□*c õm e*

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c õm *e* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□ e*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *e* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *e* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *e* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nói). Ch□ *e* cao 2 li. Khi vi□t ta □□t ph□n □ bờn d□□i c□a dũng k□ 2 c□a li th□ nh□t m□t chỳt, kộo lờn h□t li th□ nh□t, □i□m d□ng bỳt □ trờn □□□ng k□ th□ 3 c□a li th□ 2.

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– H□i HS v□ □i□m □□t ph□n □ □õu? Cỏch kộo lờn nh□ th□ nào? □i□m d□ng bỳt □ □õu?

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *e* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *e* trờn b□ng con. (L□u ý: tr□□c gi□ h□c GV □ó h□□ng d□n HS cỏch c□m ph□n, cỏch gi□ b□ng, h□ b□ng nờn khụng c□n ph□i nh□c l□i.)

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *e*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *e* trong B□ ch□ H□c v□n th□c hành Ti□ng Vi□t.

– H□i: Nột th□t c□a ch□ *e* n□m □ v□ trớ nào?

II. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 5 – 7 HS đọc lại õm *e*, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV yờu cầu HS lấy chữ *e* trong Bộ chữ Học vần thực hành Tiếng Việt.

+ Hỏi: Chữ e được viết bởi nột nào?

– GV gọi HS đọc lại õm *e*, chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú).

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS lấy vở Tập viết, tập 1 và tụ chữ *e* trong vở.

– Lưu ý: GV nờn cú thời gian để hướng dẫn HS tư thế ngồi học, cỏch cầm bỳt để HS dần quen với tỏc phong học tập.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK.

– GV chỉ vào từng bức tranh và hỏi:

+ Trang bờn phải của sỏch cú mấy bức tranh? (1 HS trả lời).

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? (5 HS trả lời tiếp nối: Tranh 1: Chim mẹ dạy con tập hút. Tranh 2: Đàn ve đang hỏt kộo đàn vi ụ lụng. Tranh 3: Đàn ếch đang học bài. Tranh 4: Thầy giỏo gấu đang dạy bài chữ *e*. Tranh 5: HS đang tập đọc chữ *e*).

+ Trong cỏc bức tranh này, mỗi người, mỗi vật cựng đang làm gỡ? (đang học).

+ Bài học của nhửng lớp học đú là gỡ? (5 HS trả lời tiếp nối: chim học hút; ve học đàn; gấu, ếch, cỏc bạn HS học đọc học viết).

+ Lớp học của bạn nào cú bài học giống của chỳng ta? (Bạn gấu).

– Kết luận: Học tập là một cụng việc rất quan trọng. Đi học cỏc em học được nhiều điều bổ ớch và cú nhiều bạn bố. Khi đi học chỳng ta phải chăm chỉ thỡ mới nhanh biết đọc, biết viết.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS chơi trũ chơi: Ai nhanh hơn?

– Cỏch tiến hành:

+ Chia lớp thành 2 đội.

+ H□□ng d□n HS: Trong 3 phỳt thành viờn c□a m□i □□i n□i ti□p nhau tỡm ch□ *e* trong B□ ch□ HVTV, khi 1 HS mang ch□ *e* lờn bàn GV v□ ch□, 1 HS khỏc m□i b□t □□u tỡm ch□ khỏc.

+ T□ng k□t cu□c thi, tuyờn d□□ng nhúm tỡm □□□c nhi□u ch□ e.

– G□i HS □□c l□i õm *e* (3 – 5 HS).

– G□i HS tỡm cỏc ti□ng mà em bi□t cú õm *e* (phỏt bi□u theo v□n ngụn ng□ c□a mỡnh).

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS cú hi□u bi□t, cú v□n ngụn ng□ phong phỳ.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 2 B

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *b*, ghi õm *b* trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong th□c t□.

• Ghộp ch□ *b* v□i õm *e* t□o thành ti□ng *be*.

• Vi□t □□□c ch□ *b* và ti□ng *bộ*.

Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung cỏc tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Vi□c h□c c□a m□i ng□□i.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ b vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to ho□c mụ hỡnh, v□t m□u cỏc ti□ng: *bộ, bờ, bà, búng*.

• Tranh minh h□a ph□n Luy□n núi (phúng to n□u cú □i□u ki□n).

• Nh□ng □o□n dõy nh□, ng□n.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

III. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 5 HS □□c õm *e*.

– GV vi□t cỏc ti□ng: *bộ, me, ve, xe* và g□i 5 HS lờn b□ng ch□ ch□ *e* cú trong cỏc ti□ng □ú.

– H□i: Ch□ *e* □□□c vi□t b□i nột nào?

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: Cỏc em □ó □□□c h□c õm gỡ? (õm *e*).

– GV treo tranh minh h□a trong SGK ho□c cho HS xem m□u v□t và h□i:

+ Tranh v□ ai, v□ cỏi gỡ? (*bộ, bà, bờ, búng*).

+ Cỏc ti□ng này cú gỡ gi□ng nhau? (cựng cú õm *b*).

– Vi□t lờn b□ng cỏc ch□ mà HS v□a núi.

– Gi□i thi□u: Cỏc em v□a núi □□□c cỏc ti□ng: *bộ, bà, bờ, búng*. Hụm nay chỳng ta s□ h□c õm và ch□ *b*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

• *Nh□n di□n ch□ b*

– GV vi□t b□ng ch□ b và núi: □õy là ch□ b.

– H□i: Ch□ *b* □□□c vi□t b□i nột nào? (1 nột li□n g□m nột khuy□t và nột mỳc).

– □□c õm *b* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV dựng s□i dõy th□t nỳt sau □ú v□t chộo thành hỡnh ch□ *b*.Yờu c□u HS quan sỏt.

• *Ghộp ch□ và □□c*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *b* và õm *e*.

– GV v□a ghộp ti□ng *be* v□a núi: Âm *b* ghộp v□i õm *e* ta □□□c ti□ng *be*.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *be* theo hỡnh thức: Cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– Hỏi: Vị trớ của chữ *b* và chữ *e* nhỡ thế nào trong tiếng *be*? (chữ *b* đứng trước chữ *e*).

– Chỉ bảng cho HS đọc tiếng *be* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhửng HS phỏt õm đỳng.

• *Viết chữ*

– GV viết lờn bảng chữ *b* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ b viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ b trong khung chữ (vừa tụ vừa nói). Chữ gồm 5 li. Khi viết ta đặt phấn tỡ dũng kẻ thứ 2, kộo nột khuyết trờn cao 4 li sau đú kộo xuống li thứ nhất, viết nột thật cao 2 li sao cho điểm dừng chỉm vào dũng kẻ thứ 3 của li thứ 2.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– Hỏi HS vị điểm đặt phấn ở đõu? Cỏch kộo lờn nhỡ thế nào? điểm dừng bỳt ở đõu?

– GV hửng dẫn HS viết chữ b bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *b* trờn bảng con, GV đi hửng dẫn nhửng HS gặp khú khăn, nhắc HS cỏch viết nột thật của chữ *b* sao cho nhỏ, gọn.

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS viết đỳng, đẹp chữ *b*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

* *Hửng dẫn viết tiếng be*

– GV yờu cầu HS viết chữ *b*.

– GV viết mẫu tiếng *be* sau đú yờu cầu HS viết. Lưu ý HS viết chữ e cỏch chữ *b* khoảng nửa ụ vuụng con.

IV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 5 – 7 HS đọc lại õm b và tiếng be, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be* tỡ Bộ chữ HVTV.

+ H□i: Ch□ *b* □□□c vi□t b□i nột nào?

– GV g□i HS □□c l□i õm *b*, ti□ng *be*, ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú).

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS tụ *be* trong v□ T□p vi□t.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– GV ch□ vào t□ng b□c tranh và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? (5 HS tr□ l□i ti□p n□i: Tranh 1: Chim non □ang h□c bài. Tranh 2: G□u □ang t□p vi□t. Tranh 3: Voi □ang □□c sỏch. Tranh 4: Bộ □ang t□p k□. Tranh 5: Hai b□n □ang ch□i trũ ch□i x□p hỡnh).

+ Trong cỏc b□c tranh này, m□i ng□□i, m□i v□t cựng □ang làm gỡ? (□ang h□c).

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ vi□c h□c c□a b□n voi? (b□n voi c□m ng□□c sỏch).

+ Vỡ sao b□n voi l□i làm nh□ v□y? (vỡ b□n ch□a bi□t ch□).

+ B□n g□u □ang vi□t ch□ gỡ?

+ Cỏc b□n trong tranh cú t□p trung vào cụng vi□c c□a mỡnh khụng?

– K□t lu□n: Khi h□c, khi ch□i cỏc em ph□i ch□m ch□, t□p trung thỡ m□i □□t □□□c k□t qu□ t□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS ch□i trũ ch□i: Ong tỡm ch□.

– Cỏch ti□n hành:

+ Vi□t lờn b□ng nh□ng ch□ trong □ú cú nh□ng ch□ cú õm *b*.

+ H□□ng d□n HS dựng ph□n màu g□ch chõn d□□i nh□ng ti□ng cú õm *b* và õm *e*.

+ T□ng k□t cu□c thi, tuyờn d□□ng HS tỡm □□□c nhi□u ti□ng.

– G□i HS □□c l□i õm *b* và ti□ng *be* (3 – 5 HS).

– G□i HS tỡm cỏc ti□ng mà em bi□t cú õm b (phỏt bi□u theo v□n ngụn ng□ c□a mỡnh).

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS cú hi□u bi□t, cú v□n ngụn ng□ phong phỳ.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 3

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c d□u và thanh s□c (/) trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong th□c t□.

• Ghộp ti□ng *be* v□i thanh s□c □□ t□o thành ti□ng *bộ*.

• Vi□t □□□c d□u s□c và ti□ng *bộ*.

Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung cỏc tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: *Cỏc ho□t □□ng c□a em khi □ tr□□ng và □ nhà*.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Gi□y ụ li phúng to ho□c b□ng k□ ụ li.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to ho□c mụ hỡnh, v□t m□u cỏc ti□ng: bộ, lỏ, cỏ, kh□, chú.

• Cỏc v□t cú hỡnh gi□ng d□u s□c.

• Tranh minh h□a ph□n Luy□n nói (phúng to n□u cú □i□u ki□n).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

V. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 5 HS □□c õm *b* và ti□ng *be*.

– GV vi□t cỏc ti□ng: *bộ, bờ, búng, bà* và g□i 5 HS lờn b□ng ch□ ch□ b cú trong cỏc ti□ng □ú.

– GV gọi 3 HS lờn bảng viết tiếng *be*.

– Hỏi HS dưới lớp: Chữ *b* được viết bởi nột nào?

– Nhận xột chữ viết, cõu trả lời và cho điểm tửng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Hỏi: + Cỏc em đó được học õm gỡ? (õm *e, b)*

+ Ghộp 2 õm vừa học với nhau ta được tiếng gỡ?

– Giới thiệu: Tiếng khi ghộp với dấu thanh ta được nhửng tiếng mới. Hụm nay lớp mỡnh học dấu thanh đầu tiờn đú là dấu sắc.

– GV treo tranh minh họa trong SGK hoặc cho HS xem mẫu vật và hỏi:

+ Tranh vẽ ai, vẽ cỏi gỡ? (*bộ, cỏ, lỏ, khỉ, chú*).

+ Cỏc tiếng này cú bộ phận nào giửng nhau? (cựng cú dấu sắc).

– Viết lờn bảng cỏc chữ mà HS vừa núi.

2.2. Dạy dấu thanh

• *Nhận diện dấu thanh*

– GV viết bửng dấu sắc và núi: Đõy là dấu sắc.

– Hỏi: Dấu sắc gồn giửng nột nào? (nột xiờn phải).

– Yờu cầu HS lấy dấu sắc trong Bộ chữ HVTV.

– GV dựng thước kẻ hoặc bỳt chỡ đặt nghiờng về bờn phải để được dấu sắc.Yờu cầu HS quan sỏt.

• *Ghộp chữ và đọc tiếng*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be*.

– GV vừa ghộp tiếng bộ trờn bửng gài (hoặc viết trờn bửng lớp) vừa núi: Tiếng be ghộp với dấu sắc ta được tiếng *bộ*.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lửng nghe khi GV phỏt õm.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng be theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bộ*.

– Hỏi: Hóy phõn tớch tiếng *bộ*? (Lưu ý: GV giửng cho HS thấy nào là phõn tớch tiếng: Núi xem tiếng đú gồm nhửng õm nào, dấu thanh nào ghộp lại, vị trớ

của cỏc õm trong tiếng. Vớ dụ: Tiếng bộ gồm õm *b* ghộp với õm *e* và dấu sắc, õm *b* đứng trước, õm *e* đứng sau và dấu sắc đặt trờn õm *e*)

– GV nhắc HS: Dấu thanh đặt vào li thứ 3 ở trờn đầu chữ *e*.

– Chỉ bảng cho HS đọc tiếng *bộ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS nói nội dung của từng bức tranh. (5 HS tiếp nối nhau trỡnh bày, GV ghi bảng: *bộ bũ, gấu, con cỏ, lỏ chuối, quả khế, con chú*).

– GV yờu cầu 5 HS tiếp nối nhau lờn bảng gạch chõn cỏc tiếng cú dấu sắc.

• *Viết dấu thanh và chữ*

– GV viết lờn bảng dấu sắc trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu viết dấu sắc trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại dấu sắc trong khung chữ (vừa tụ vừa nói). Khi viết dấu sắc ta đặt phấn tỳ dũng kẻ đầu tiờn kộo nghiờng vố bờn phải và dựng lại ở bờn trờn dũng kẻ thứ 2.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– Hỏi HS về điểm đặt phấn ở đõu? Cỏch kộo nhỏ thế nào? Điểm dừng ở đõu?

– GV hướng dẫn HS viết dấu sắc bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết dấu sắc trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn, nhắc HS cỏch viết dấu sắc sao cho khụng quỏ dài hoặc quỏ ngắn, khụng quỏ đứng nhỏ nột sổ thẳng, khụng quỏ nằm nhỏ nột ngang.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đặp dấu sắc, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đặp.

* *Hướng dẫn viết tiếng bộ*

– GV yờu cầu HS viết tiếng *bộ* vào bảng con.

– GV viết mẫu tiếng *bộ*, yờu cầu HS quan sỏt cỏch đặt dấu thanh và viết tiếng *bộ*.

VI. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 5 – 7 HS đọc tiếng bộ, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng bộ từ Bộ chữ HVTV.

– GV yêu cầu HS phân tích tiếng *bộ*.

– GV gọi HS đọc tiếng *bộ* theo hình thức cả nhân, nhóm, lớp, chỉnh sửa lỗi phát âm cho HS (nếu cần).

• *Luyện viết*

– GV yêu cầu HS tự *be, bộ* trong vở Tập viết.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh hoạ (nếu cần) hoặc cho HS quan sát tranh minh hoạ trong SGK.

– GV chỉ vào từng bức tranh và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gì? (4 HS trả lời tiếp nối: Tranh 1: Các bạn đang học bài trong lớp. Tranh 2: Các bạn gái đang chơi nhảy dây. Tranh 3: Bạn gái đang cắm bó hoa. Tranh 4: Bạn gái đang tưới rau).

+ Tranh vẽ hoạt động của những ai?

+ Hoạt động của các bạn diễn ra ở đâu? (ở trong lớp, trong giờ ra chơi và ở nhà).

+ Các bạn trong tranh học, chơi, làm việc nhà như thế nào? (rất tập trung).

+ Ngoài giờ học em thường làm gì giúp gia đình?

– Kết luận: ở trường trong giờ ra chơi các em nên chơi cho thoải mái, chơi những trò chơi phù hợp với lứa tuổi, khi về nhà các em có thể làm những cụng việc phù hợp để giúp đỡ gia đình.

3. Củng cố, dặn dò

– Gọi HS bài.

– Gọi HS tìm các tiếng mà em biết có dấu sắc (phát biểu theo vốn ngụn ngữ của mình).

– Nhận xột, khen ngợi những HS cú hiểu biết, cú vốn ngụn ngữ phong phỳ.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 4 ?, .

I. MỤC TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c d□u và thanh h□i (?), n□ng (•) trong c□c ti□ng g□i t□n s□ v□t trong SGK và trong th□c t□.

• Ghộp ti□ng be v□i thanh h□i, n□ng □□ t□o thành ti□ng *b□*, *b□*.

• Vi□t □□□c d□u h□i, n□ng và ti□ng *b□*, *b□*.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung c□c tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ho□t □□ng b□ c□a m□i ng□□i.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Gi□y ụ li ho□c b□ng k□ ụ li.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to ho□c mụ hỡnh, v□t m□u c□c ti□ng: *gi□*, *h□*, *m□ chim*, *kh□*, *th□*, *n□*, *c□*, *g□m*, *c□*, *v□t*.

• C□c v□t cú hỡnh gi□ng d□u h□i, d□u n□ng.

• Tranh minh h□a ph□n Luy□n núi (phúng to n□u cú □i□u ki□n).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

VII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 5 HS □□c c□c ti□ng cú d□u s□c □ bài tr□□c.

– GV vi□t c□c ti□ng: *be, bộ* và g□i 5 HS l□n b□ng ch□ d□u s□c cú trong c□c ti□ng *bộ, cỏ, lỏ, kh□, chú* .

– GV g□i 2 HS l□n b□ng vi□t ti□ng *be*, 2 HS vi□t ti□ng *bộ*.

– H□i HS d□□i l□p phõn tớch ti□ng *bộ*.

– Nh□n x□t ch□ vi□t, cõu tr□ l□i và cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: + C□c em □ó □□□c h□c d□u thanh nào?

+ Ghộp 2 õm v□a h□c v□i nhau và v□i d□u s□c ta □□□c ti□ng g□?

– Giới thiệu: Tiếng khi ghộp với dấu thanh ta được nhưng tiếng mới. Hụm nay lớp mỡnh học dấu hỏi và dấu nặng.

** Dấu hỏi*

– GV treo tranh minh họa trong SGK hoặc cho HS xem mẫu vật cú dấu hỏi và hỏi:

+ Tranh vẽ ai, vẽ cỏi gỡ? (khỉ đang trốo cõy, cỏi giỏ cua, con hổ, mỏ chim, thỏ).

– Viết cỏc tiếng: *khỉ, giỏ, hổ, mỏ, thỏ* lờn bảng và hỏi:

+ Cỏc tiếng này cú bộ phận nào giống nhau? (cựng cú dấu thanh).

– Giới thiệu: Cỏc tiếng này giống nhau là cựng cú dấu hỏi.

– GV đọc mẫu và yờu cầu HS đọc cỏc tiếng cú dấu hỏi trờn bảng.

** Dấu nặng*

– GV treo tranh minh họa trong SGK hoặc cho HS xem mẫu vật cú dấu nặng và hỏi:

+ Tranh vẽ ai, vẽ cỏi gỡ? (nụ hoa hồng, cụ già chống gậy, con ngựa đang gặm cỏ, cõy cọ, con vịt).

– Viết cỏc tiếng: *nụ, cỏ, gặm, cọ, vịt* lờn bảng và hỏi:

+ Cỏc tiếng này cú bộ phận nào giống nhau? (cựng cú dấu thanh).

– Giới thiệu: Cỏc tiếng này giống nhau là cựng cú dấu nặng.

– GV đọc mẫu và yờu cầu HS đọc cỏc tiếng cú dấu nặng.

2.2. Dạy dấu thanh

• Nhận diện dấu thanh

** Dấu hỏi (?)*

– GV viết bảng dấu hỏi và núi: Đõy là dấu hỏi. Dấu hỏi là một nột múc. GV cú thể đưa ra cỏc vật mẫu cú hỡnh giống dấu hỏi cho HS quan sỏt và nhận diện.

– Yờu cầu HS lấy dấu hỏi trong Bộ chữ HVTV.

– GV viết dấu hỏi lờn bảng.Yờu cầu HS quan sỏt.

** Dấu nặng (•)*

– GV viết bảng dấu nặng và núi: Đõy là dấu nặng.

– Hỏi: Dấu nặng giống vật nào? (giống hũn bi ve).

– Yờu cầu HS lấy dấu nặng trong Bộ chữ HVTV.

– GV viết dấu nặng lờn bảng.Yờu cầu HS quan sỏt.

• *Ghộp chữ và đọc tiếng*

* *Dấu hỏi (?)*

– GV yờu cầu HS đọc cỏc tiếng mà em đó học.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be*.

– GV vừa ghộp tiếng *bẻ* trờn bảng gài (hoặc viết trờn bảng lớp) vừa nói: Tiếng *be* ghộp với dấu hỏi ta được tiếng *bẻ*.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *bẻ* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bẻ*.

– Hỏi: + Hóy phõn tớch tiếng *bẻ*.

+ Dấu hỏi của tiếng *bẻ* nằm ở vị trớ nào?

– GV nhắc HS: Dấu thanh đặt vào li thứ 3 ở trờn đầu chữ *e*.

– Cho bảng cho HS đọc tiếng *bẻ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS núi nội dung của từng bức tranh. (5 HS tiếp nối nhau trỡnh bày, GV ghi bảng: *khỉ, giẻ, hẻ, mẻ, thẻ).*

– GV yờu cầu 5 HS tiếp nối nhau lờn bảng gạch chõn cỏc tiếng cú dấu hỏi.

* *Dấu nặng (•)*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be*.

– GV vừa ghộp tiếng *bẻ* trờn bảng gài (hoặc viết trờn bảng lớp) vừa nói: Tiếng *be* ghộp với dấu nặng ta được tiếng *bẹ*.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *bẹ* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bẹ*.

– Hỏi: + Hóy phõn tớch tiếng *bẹ*.

+ Dấu thanh của tiếng *bẹ* nằm ở vị trớ nào?

– GV nhắc HS: Dấu thanh đặt vào li thứ 3 ở dưới chữ *e*.

– Cho bảng cho HS đọc tiếng *bẹ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS núi nối dung của từng bức tranh. (5 HS tiếp nối nhau trỡnh bày, GV ghi bảng: *nụ, cỏ, gấm, cỏ, vọt).*

– GV yờu cầu 5 HS tiếp nối nhau lờn bảng gạch chõn cỏc tiếng cú dấu nặng.

– GV yờu cầu HS tỡm tờn người, tờn cỏc vật, sự vật, hoạt động cú dấu nặng.

– Hỏi: Tiếng *bộ* và tiếng *bố* giống và khỏc nhau ở điểm nào?

– Nhận xột cõu trả lời của HS.

• *Viết dấu thanh và chữ*

* *Dấu hỏi (?)*

– GV viết lờn bảng dấu hỏi trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu viết dấu hỏi trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại dấu hỏi trong khung chữ (vừa tụ vừa núi). Khi viết dấu hỏi ta đặt bỳt ở bờn dưới dũng kẻ của li sau đú kộo nột múc xuống gần chạm vào dũng kẻ dưới của li thỡ dừng lại.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– Hỏi HS vị trớ điểm đặt bỳt ở đõu? Cỏch kộo nhỏ thế nào? Điểm dừng ở đõu?

– GV hướng dẫn HS viết dấu hỏi bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết dấu hỏi trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn, nhắc HS cỏch viết dấu hỏi sao cho khụng quỏ dài hoặc quỏ ngắn.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đặp dấu hỏi, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đặp.

* *Hướng dẫn viết tiếng bộ*

– GV yờu cầu HS viết tiếng *bộ* vào bảng con.

– GV viết mẫu tiếng *bộ*, yờu cầu HS quan sỏt cỏch đặt dấu thanh và viết tiếng *bộ*.

* *Dấu nặng (•)*

Tiến hành tương tự cỏch hướng dẫn viết dấu nặng và tiếng *bộ*.

VIII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 5 – 7 HS đọc tiếng *bờ*, *bê*, sau đó cả lớp đọc đồng thanh.

– GV yêu cầu HS ghộp tiếng *bờ*, *bê* tờ Bộ chữ HVTV.

– GV yêu cầu HS phõn tớch và so sỏnh hai tiếng *bờ*, *bê*.

– GV gọi HS đọc tiếng *bờ*, *bê* theo hỗnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp, chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú).

• *Luyện viết*

– GV yêu cầu HS tụ *bờ*, *bê* trong vở Tập viết.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh hỏa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK.

– GV chỉ vào từng bức tranh và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? (3 HS trả lời tiếp nối: Tranh 1: Mẹ đang bế cỏ ỏo cho bộ trước khi đi học. Tranh 2: Bỏc nụng dõn đang bế ngụ. Tranh 3: Bỏn gỏi đang bế bỏnh đa chia cho cỏc em).

+ Tranh vẽ hoạt động của những ai?

+ Hoạt động của mỗi người giống nhau ở điểm nào?

+ Tiếng *bờ* cũn cú trong trường hợp nào? (bờ gúy, bờ cỏi, bờ ngún tay).

3. Củng cố, dặn dũ

– Gọi HS đọc lại bài.

– Tổ chức cho HS chơi trũ chơi: Ghộp dấu thanh với tiếng

– Cỏch tiến hành: GV đưa ra một số tờ trong đú cú tiếng cú dấu sắc, dấu hỏi, dấu nặng nhưng chưa viết, yờu cầu HS viết dấu thanh vào chỗ cũn thiếu. Vớ dụ: *be bộp be núi, be đỏi, bộ mặng, mẹ be cỏ ỏo cho be, be viờn phấn,…*

– Nhận xột, khen ngợi những HS điền đỳng dấu vào tiếng cũn thiếu.

– Nhận xột tiết học

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 5 \, ~

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c d□u và thanh huy□n (\), ngó (~) trong c□c ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong th□c t□.

• Ghộp ti□ng *be* v□i thanh huy□n, ngó □□ t□o thành ti□ng *bố, b□*.

• Vi□t □□□c d□u h□i, n□ng và ti□ng *bố, b□*.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung c□c tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Bố và tỏc d□ng c□a nú trong cu□c s□ng c□a con ng□□i.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Gi□y ụ li ho□c b□ng k□ ụ li.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to ho□c mụ hỡnh, v□t m□u c□c ti□ng: *d□a, cũ, gà, mốo, vừ, vừng, g□, v□*.

• C□c v□t cú hỡnh gi□ng d□u huy□n, d□u ngó.

• Tranh minh h□a ph□n Luy□n nói (phúng to n□u cú □i□u ki□n).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

IX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 5 HS □□c c□c ti□ng cú d□u h□i và n□ng □ bài tr□□c và nh□ng ti□ng mà em bi□t.

– GV vi□t c□c ti□ng: *b□, b□* và g□i 2 HS lờn b□ng ch□ d□u thanh cú trong c□c ti□ng *th□ th□, c□ c□i, qu□ v□i, th□t l□n, cỏi k□o, ...*.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t ti□ng *b□*, 2 HS vi□t ti□ng *b□*.

– H□i HS d□□i l□p so sỏnh ti□ng *b□* và *b□*.

– Nhận xột chữ viết, cõu trả lời và cho điểm tửng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Hỏi: + Cỏc em đó được học dấu thanh nào?

+ Ghộp tiếng *be* với dấu hỏi và nửng ta được tiếng gỡ?

– Giới thiệu: Tiếng khi ghộp với dấu thanh ta được nhửng tiếng mới. Hụm nay lớp mỡnh học dấu huyền và dấu ngó.

** Dấu huyền*

– GV treo tranh minh họa trong SGK hoặc cho HS xem mẫu vật cú dấu hỏi và hỏi:

+ Tranh vẽ con gỡ, cõy gỡ? (con cũ, con gà, con mốo, cõy dừa).

– Viết cỏc tiếng: *cũ, gà, mốo, dừa* lờn bửng và hỏi:

+ Cỏc tiếng này cú bộ phận nào giửng nhau? (cựng cú dấu thanh).

– Giới thiệu: Cỏc tiếng này giửng nhau là cựng cú dấu huyền. Đõy là dấu huyền.

– GV đọc mẫu và yờu cầu HS đọc cỏc tiếng cú dấu huyền trờn bửng.

** Dấu ngó*

– GV treo tranh minh họa trong SGK hoặc cho HS xem mẫu vật cú dấu ngó và hỏi:

+ Tranh vẽ ai, vẽ cỏi gỡ? (bộ tập vừ, cỏi vừng, khỳc gỗ, bộ tập vẽ).

– Viết cỏc tiếng: *vừ, vừng, gỗ, vẽ* lờn bửng và hỏi:

+ Cỏc tiếng này cú bộ phận nào giửng nhau? (cựng cú dấu thanh).

– Giới thiệu: Cỏc tiếng này giửng nhau là cựng cú dấu ngó. Đõy là dấu ngó.

– GV đọc mẫu và yờu cầu HS đọc cỏc tiếng cú dấu ngó.

2.2. Dạy dấu thanh

• *Nhận diện dấu thanh*

** Dấu huyền (\)*

– GV viết bửng dấu huyền và nói: Đõy là dấu huyền. Dấu huyền là một nột xiờn. GV cú thể đưa ra cỏc vật mẫu cú hỡnh giửng dấu huyền cho HS quan sỏt và nhận diện.

– Yờu cầu HS lấy dấu huyền trong Bộ chữ HVTV.

– GV viết dấu huyền lờn bảng.Yờu cầu HS quan sỏt và so sỏnh sự khỏc nhau giữa dấu huyền và dấu sắc.

* *Dấu ngó (~)*

– GV viết bảng dấu ngó và núi: Đõy là dấu ngó.

– Yờu cầu HS lấy dấu ngó trong Bộ chữ HVTV.

– GV viết dấu ngó lờn bảng.Yờu cầu HS quan sỏt

• *Ghộp chữ và đọc tiếng*

* *Dấu huyền (\)*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be*.

– GV vừa ghộp tiếng *bờ* trờn bảng gài (hoặc viết trờn bảng lớp) vừa núi: Tiếng *be* ghộp với dấu huyền ta được tiếng *bề*.

– GV đọc mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *bờ* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bề*.

– Hỏi: + Hóy phõn tớch tiếng *bề*.

+ Dấu thanh của tiếng *bề* nằm ở vị trớ nào?

– GV nhắc HS: Dấu thanh đặt vào li thứ 3 ở trờn đầu chữ *e*.

– Chỉ bảng cho HS đọc tiếng *bờ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS núi nội dung của từng bức tranh (5 HS tiếp nối nhau trỡnh bày, GV ghi bảng: con cũ, con gà, con mốo, cõy dừa).

– GV yờu cầu 5 HS tiếp nối nhau tỡm cỏc tiếng cú dấu huyền.

* *Dấu ngó (~)*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be*.

– GV vừa ghộp tiếng *bẽ* trờn bảng gài (hoặc viết trờn bảng lớp) vừa núi: Tiếng *be* ghộp với dấu hỏi ta được tiếng *bẽ*.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *b□* theo h□nh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *b□*.

– H□i: + Hóy phõn tớch ti□ng *b□*.

+ D□u thanh c□a ti□ng *b□* n□m □ v□ trớ nào?

– GV nh□c HS: D□u thanh □□t vào li th□ 3 tròn ch□ *e*.

– Ch□ b□ng cho HS □□c ti□ng *b□* theo h□nh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS núi n□i dung c□a t□ng b□c tranh (5 HS ti□p n□i nhau trỡnh bày, GV ghi b□ng: bộ t□p vừ, cỏi vừng, khỳc g□, bộ t□p v□).

– GV yờu c□u 5 HS ti□p n□i nhau lờn b□ng g□ch chõn cỏc ti□ng cú d□u ngó.

– GV yờu c□u HS tỡm tờn ng□□i, tờn cỏc v□t, s□ v□t, ho□t □□ng cú d□u n□ng.

– H□i: Ti□ng *bố* và ti□ng *b□* gi□ng và khỏc nhau □ □i□m nào?

– Nh□n xột cõu tr□ l□i c□a HS.

• *Vi□t d□u thanh và ch□*

* *D□u huy□n (\)*

– GV vi□t lờn b□ng d□u huy□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u vi□t d□u h□i trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i d□u huy□n trong khung ch□ (v□a tụ v□a núi). Khi vi□t d□u huy□n ta □□t bỳt t□ trờn cao kộo xu□ng. D□u huy□n cú □□ cao g□n 1li.

– H□i HS v□ □i□m □□t bỳt □ □õu? Cỏch kộo nh□ th□ nào? □i□m d□ng □ □õu?

– GV h□□ng d□n HS vi□t d□u huy□n b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t d□u huy□n trờn b□ng con. GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n, nh□c HS cỏch vi□t d□u huy□n sao cho khụng quỏ dài ho□c quỏ ng□n, khụng quỏ □□ng nh□ nột s□ th□ng, khụng quỏ nghiờng v□ bờn trỏi nh□ nột ngang.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p d□u huy□n, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

* *H□□ng d□n vi□t ti□ng bố*

– GV vi□t m□u ti□ng *bụ*, yờu c□u HS quan sỏt cỏch □□t d□u thanh và vi□t ti□ng *b□*.

– GV yêu cầu HS viết tiếng *bố* vào bảng con.

* *Dấu ngó (~)*

– GV viết lờn bảng dấu ngó trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu viết dấu hỏi trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại dấu ngó trong khung chữ (vừa tụ vừa núi). Khi viết dấu ngó ta lưu ý điểm đặt bỳt và dũng bỳt cựng nằm trờn một đường kẻ ngang. Dấu ngó cú chiều rộng khoảng 1/3 ụ..

– Hỏi HS về điểm đặt bỳt ở dõu? Cỏch kộo nhỏ thế nào? điểm dừng ở dõu?

– GV hướng dẫn HS viết dấu ngó bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết dấu ngó trờn bảng con. GV đi hướng dẫn nhắng HS gặp khú khăn.

– Nhận xột, khen ngợi nhắng HS viết đỳng, đặp dấu ngó, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đặp.

* *Hướng dẫn viết tiếng bố*

– GV viết mẫu tiếng *bố*, yờu cầu HS quan sỏt cỏch đặt dấu thanh và viết tiếng *bố*.

– GV yờu cầu HS viết tiếng *bố* vào bảng con.

X. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc tiếng *bố*,*bố* sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bố, bố* tỏ Bố chữ HVTV.

– GV yờu cầu HS phõn tớch và so sỏnh hai tiếng *bố, bố*.

– GV gọi HS đọc tiếng *bố, bố* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp, chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú). GV cú thể cho HS luyện phỏt õm cỏc tiếng cú dấu ngó mà cỏc em thường núi trong cuộc sống.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS tụ \,~ , *bố, bố* trong vở Tập viết.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK.

– GV chỉ vào từng bức tranh và hỏi:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? (HS tr□ l□i ti□p n□i: tranh v□ chi□c bố trờn sụng.).

+ Theo em, bố th□□ng làm b□ng gỡ?

+ Bố dựng □□ làm gỡ?

+ M□i ng□□i trong tranh □ang làm gỡ?

+ Bố và thuy□n gi□ng và khỏc nhau □ □i□m nào?

– GV gi□ng: Bố là m□t kh□i hỡnh t□m g□m nhi□u thõn cõy nh□ g□, tre, n□a ghộp l□i, t□o thành v□t cú th□ di chuy□n trờn n□□c và v□n chuy□n hàng húa. Bố khụng cú khoang nh□ thuy□n, nú cú th□ v□n chuy□n □□□c nhi□u và nú di chuy□n b□ng s□c n□□c là chớnh.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i bài.

– Yờu c□u HS tỡm cỏc ti□ng cú d□u huy□n và d□u ngó.

– Nh□n xột ti□t h□c

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 6 BE, BÈ, BÉ, BẺ, BẼ, BẸ

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c cỏc ti□ng và cỏc d□u thanh □ó h□c trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong th□c t□.

• Ghộp □□□c ti□ng *be* v□i cỏc d□u thanh □□ t□o thành cỏc ti□ng m□i.

• Vi□t □□□c cỏc ti□ng *be, bố, bộ, b□, b□, b□*.

Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung cỏc tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Cỏc d□u thanh và cỏc t□ cú d□u thanh.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sách Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn: b, e, be, \, \, ?, ~,•.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to hoặc mụ hỡnh, vật mẫu cỏc tiếng: *be, bố, bộ, bờ, bề, bễ*.

• Tranh minh hỏa phần Luyện núi (phúng to nếu cú điều kiện).

• Cỏc đồ vật nhỏ nhẹ: quyển sỏ, quả cam, quả búng,…

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

XI. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 1 HS đọc cỏc tiếng đó học.

– 5 HS lờn bảng, mỗi HS viết một tiếng: *be, bố, bộ, bờ, bề, bễ*. 1 HS lờn bảng viết cỏc dấu thanh đó học.

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối nhỡng tiếng đó học.

– Nhận xột, cho điểm tỡng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Hỏi: + Cỏc em đó được học õm gỡ?

+ Hóy nỳi tờn cỏc dấu thanh đó học.

+ Hóy đọc cỏc tiếng đó học.

– GV ghi bảng cỏc tiếng và dấu thanh đó học lờn bảng.

– GV treo tranh minh hỏa trong SGK hoặc cho HS xem mẫu vật và hỏi:

+ Tranh vẽ ai, vẽ cỏi gỡ? (em bộ, ngưới đang bộ ngụ, bộ cau, bố trờn sụng).

– Yờu cầu 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng bờn cạnh mỗi bức tranh.

– Giới thiệu: Cỏc em vừa được học cỏc tiếng ghộp từ õm *b* õm *e* và cỏc dấu thanh. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn tập nhỡng kiến thức đó học.

2.2. Luyện tập

• *Chỉ, õm e, b và ghộp e, b thành tiếng be*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *be*.

– Nhận xột bài làm của HS.

– GV dựng bảng gài hoặc viết lời bảng *b – e – be*.

– Gọi HS tiếp nối nhau đọc: *b – e – be*..

• *Ghộp tiếng be với cỏc dấu thanh*

– GV ghộp bảng ụn trang 14 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV chỉ bảng cho HS đọc tiếp nối cỏc tiếng như sau: *be huyền bố, be sắc bộ,...*

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng vừa ghộp theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉ bảng khụng theo thứ tự đỳng HS đọc.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS đọc đỳng.

• *Cỏc tổ tạo nờn tiếng e, b và cỏc dấu thanh*

– Hỏi: + Từ õm *e, b* và cỏc dấu thanh ta cú thể ghộp được cỏc tiếng nào?

+ Với cỏc tiếng đó học ta cú thể ghộp được cỏc tiếng nào?

– GV ghi bảng cỏc tiếng HS ghộp được (nếu cú) hoặc viết cỏc tiếng: *be be, bố bố, be bộ.*

– Lưu ý: GV cú thể cho HS giải thớch cỏc tiếng ngộ vừa tỡm được bằng cỏch cõu hỏi: + *Be be* là tiếng kờu của con vật nào?

+ *Bố bố, be bộ* gợi tả điều gỡ?

Nếu HS khụng giải thớch được GV cú thể giải thớch cho HS hiểu.

– Tổ chức cho HS đọc *e, be be, bố bố, be bộ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. GV chỉnh sửa phỏt õm cho HS.

* *Hướng dẫn viết tiếng*

– GV viết mẫu cỏc tiếng *be, bố, bộ, bẻ, bẽ, bẹ* lờn bảng, vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV yờu cầu HS viết từng tiếng.

– GV nhận xột, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

– Tổ chức cho HS tập tụ trong vở Tập viết.

XII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV g□i 5 – 7 HS □□c l□i cỏc ti□ng, t□ □ bài ụn, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

* L□u ý: GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ trỏnh cho HS □□c v□t.

– GV treo tranh minh h□a *be bộ* và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? (em bộ □ang ch□i □□ ch□i).

+ Em th□y cỏc □□ ch□i c□a em bộ nh□ th□ nào? (r□t nhi□u, nh□ và □□p).

+ □□ ch□i c□a em bộ g□m nh□ng gỡ?

– GV g□i HS □□c t□ d□□i b□c tranh theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS tụ cỏc ti□ng cũn l□i trong v□ T□p vi□t.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK, sau □ú yờu c□u HS quan sỏt t□ng c□p tranh theo chi□u d□c.

– GV ch□ vào t□ng b□c tranh và h□i theo t□ng c□p tranh. Vớ d□:

+ Tranh th□ nh□t v□ gỡ? (con dờ).

+ Tranh th□ hai v□ gỡ? (con d□).

+ Khi cú ti□ng *dò* làm th□ nào □□ cú ti□ng *d□*? (thờm d□u s□c).

– GV yờu c□u HS ch□ theo tranh và □□c: *dờ s□c d□*.

– Ti□n hành t□□ng t□ v□i cỏc c□p tranh cũn l□i: *d□a/d□a; c□/c□; vú/vừ.*

– H□i: + Nh□ng s□ v□t, hành □□ng nào □□□c nói □□n trong ch□ □□ luy□n nói hụm nay?

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS luy□n nói theo t□ng tranh d□a vào cỏc cõu h□i sau:Vớ d□ tranh 1

+ Em nhỡn th□y con dờ □ □õu?

+ Con dờ kờu nh□ th□ nào?

+ Dờ □n gỡ?

+ Con dờ cú □□c □i□m gỡ?

Vớ d□ tranh 3:

+ □õy là qu□ gỡ?

+ Qu□ d□a dựng □□ làm gỡ?

+ Qu□ d□a □n cú ngon khụng?

+ Ru□t qu□ d□a màu gỡ?

+ H□t d□a màu gỡ?

T□□ng t□ v□i cỏc tranh cũn l□i.

– GV nói: *đờ thờm s□c* ta □□□c *d□*. V□y ai cú th□ vi□t cỏc d□u cõu cú trong t□ng b□c tranh. (6 HS ti□p n□i nhau lờn b□ng ghi d□u thanh d□□i m□i tranh).

– Nh□n xột, khen ng□i HS làm □ỳng.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Yờu c□u HS tỡm nh□ng t□ cú cỏc ti□ng, cỏc d□u thanh □ó h□c.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS cú hi□u bi□t, cú v□n ngụn ng□ phong phỳ.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 7 Ê, V

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *ờ, v*, trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong v□n b□n.

• Ghộp ch□ *b,v* v□i õm *e, ò* và cỏc d□u thanh □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *ờ,v, bờ, vờ.*

Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung cỏc tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: b□ bộ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *v* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1HS □□c. Vớ d□: *be, bộ, b□*,.., 1 HS vi□t cỏc d□u thanh □ó h□c.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: Cỏc em □ó □□□c h□c õm gỡ? (õm *e,b*).

– Gi□i thi□u: T□ õm *e,b* và cỏc d□u thanh chỳng ta ghộp □□□c nhi□u ti□ng cú ngh□a. Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c hai õm m□i □ú là: *ờ,v* – ghi b□ng.

– GV treo tranh minh h□a trong SGK và h□i:

+ Tranh con gỡ? (con bờ, con ve).

– GV ghi b□ng *bờ, ve* và □□c bờ, ve, HS d□□i l□p □□c theo.

– H□i: Trong ti□ng *bờ, ve* nh□ng õm nào em □ó h□c?

2.2. D□y ch□ ghi õm

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *ò* và núi: □õy là ch□ *ờ*.

– H□i: + Ch□ *ò* gi□ng và khỏc ch□ e □ i□m nào?

+ D□u m□ c□a ch□ *ò* □□□c vi□t nh□ th□ nào?

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *e* và d□u m□.

– □□c m□u õm *ò* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV v□a ghộp ti□ng *bò* v□a núi: Âm *b* ghộp v□i õm *ò* ta □□□c ti□ng *bờ*.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *bò* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tỏch ti□ng *bờ*.

– GV □ỏnh v□n m□u: *b□ – ờ – bờ*.

– Cho bng cho HS ỏnh vn ting *bò* theo hnh thc cỏ nhõn, nhúm, lp.

– GV chnh sa li phỏt õm cho HS (nu cú), nhn xột khen ngi nhng HS phỏt õm ỳng.

• *Vit ch*

* *Ch ò*

– GV vit lờn bng ch *ò* tht ln trong khung k ụ li hoc treo bng mu ch *ò* vit trong khung ch.

– GV vit mu lờn bng hoc tụ li ch *ò* trong khung ch (va tụ va nỳi). Ch *ò* c vit bi 2 nột, nột 1 ging ch *e,* nột 2 ta lia bt lờn u ch *e* vit du m. Du m gm 2 nột xiờn trỏi và xiờn phi ni vi nhau, t chớnh gia trờn u ch *e*.

– Lu ý: GV nhc HS chỳ ý quan sỏt cỏch vit.

– GV hng dn HS vit ch *ò* bng ngún tay tr trờn khụng trung.

– T chc cho HS vit ch *ò* trờn bng con, GV i hng dn nhng HS gp khú khn, nhc HS cỏch vit nột tht ca ch *b* sao cho nh, gn.

– GV cm bng ca 1 s HS HS khỏc nhn xột rỳt kinh nghim hoc hc tp theo bn.

– Nhn xột, khen ngi nhng HS vit ỳng, p ch *ò*, chnh sa cho HS vit chỳa ỳng, chỳa p.

* *Hng dn vit ting bờ*

– GV yờu cu HS vit ch *b*.

– GV vit mu ting *bờ* sau ú yờu cu HS vit. Lu ý HS vit ch ờ cỏch ch *b* khong nha ụ vuụng con.

– Nhn xột và chỳa li cho HS.

* *Ch v* (tin hành tng t).

Lu ý:

– Ch *v* gm mt nột múc 2 u và mt nột tht nh.

– Ch *v*: + ging ch *b* nột tht im kt thỳc.

+ khỏc nhau: ch *v* khụng cú nột khuyt.

– Cỏch vit: t ng t bỳt thp hn ng k trờn mt chỳt, vit nột múc trỏi trc gn ti ng k ngang di thỡ ln cong, chm vào ng ngang di sau ú vũng lờn trờn ti gn ng k ngang trờn thỡ ln sang trỏi vit nột tht. im dng bỳt di ng k ngang trờn mt chỳt.

– Khoảng cách giữa chữ *v, e* khoảng một ụ vuụng con.

• *Đọc tiếng ứng dụng*

– GV viết cỏc tiếng ứng dụng lờn bảng: *bờ, bộ, bế, ve, vố, vụ*.

– GV yờu cầu HS đỏnh vần, đọc trơn, theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS phõn tớch tiếng.

– Nhận xột, chỉnh sửa lỗi cho từng HS.

XIV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 5 – 7 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV gọi HS đọc bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch một số tiếng.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? (cỏc bạn đang vẽ con bờ).

– Giới thiệu: Bức tranh minh họa cho cõu ứng dụng: *bộ vẽ bờ*. Đọc và chỉ vào từng chữ.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *ờ, vờ, bò* trong vở Tập viết.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chỗ đú luyện nói hụm nay là gỡ? (*bế bộ*).

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Em bộ trong tranh nhỡn nhẹ thế nào?

+ Em bộ cú vui khụng khi được mẹ bế?

+ Mẹ thường làm gỡ khi bế bộ?

+ Em bộ cú nặng nếu khụng?

+ Em cú thớch chơi với em bộ khụng? Vỡ sao?

– K□t lu□n: T□ khi l□t lũng, m□ □ó r□t v□t v□ □□ nuụi chỳng ta. V□y cỏc em ph□i ngoan, ch□m h□c □□ cha m□ vui lũng.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS ch□i trũ ch□i: Thi ghộp ch□

– Cỏch ti□n hành:

+ GV chia l□p thành 2 □□i, m□i □□i c□ 3 □□i di□n tham gia ch□i.

+ H□□ng d□n HS dựng b□ ch□ HVTV ghộp nhanh nh□ng ti□ng, t□ ho□c cõu em □ó h□c.

+ T□ng k□t cu□c thi, tuyờn d□□ng □□i ghộp □□□c nhi□u ti□ng.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 8 Ê, V

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *ờ, v,* trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong v□n b□n.

• Ghộp ch□ *ờ, v* v□i õm *b* và cỏc d□u thanh □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *ờ, v, bờ, ve*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng *bộ v□ bờ*.

Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: le le.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *ờ, v* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú)

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 6.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1HS □□c.Vớ d□: *be bộ, bố bố, be be,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c cõu □ng d□ng và ch□ □□ c□a ph□n luy□n nói.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: Bài tr□□c cỏc em □ó □□□c h□c õm gỡ?

– GV treo tranh minh h□a trong SGK và h□i:

+ Tranh v□ gỡ? (con bờ, con ve).

– GV ghi b□ng *ờ, v* và □□c ờ – vờ, HS d□□i l□p □□c theo.

– H□i: Trong ti□ng *bờ, ve* nh□ng õm nào em □ó h□c?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm *ờ, v*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) ờ

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *ò* và nói: □õy là ch□ *ờ*.

– H□i: + Ch□ *ò* gi□ng ch□ nào □ó h□c? (ch□ *e*).

+ Hóy so sỏnh ch□ *l* và ch□ *b* vi□t th□□ng.

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ l trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *l*.

– □□c m□u õm *l* – *l□* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p. Chỳ ý: □õy là õm nhi□u □□a ph□□ng hay m□c l□i, do v□y ph□i nh□c HS: khi phỏt õm *l*, l□□i cong lờn ch□m vào l□i, h□i □i ra phớa hai bờn rỡa l□□i, x□t nh□.

– GV v□a ghộp ti□ng *lò* v□a nói: Âm *l* ghộp v□i õm *ò* ta □□□c ti□ng *lờ*.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *lò* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– Yờu cầu HS phõn tớch tiếng *lờ*.

– GV đỏnh vần mẫu: *lờ – ờ – lờ*.

– Chỉ bảng cho HS đỏnh vần tiếng *lò* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

• *Viết chữ*

* *Chữ ờ*

– GV viết lờn bảng chữ *l* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *l* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ *l* trong khung chữ (vừa tụ vừa nói). Chữ *l* cao 5 li được viết liền bởi 1 nột khuyết xuụi và nột mút ngược phải. Điểm đặt bỳt bắt đầu tụ dũng kẻ thứ 2 đến hai chộo sang phải hướng lờn phớa trờn chạm đường kẻ ngang trờn cựng lượn vũng xuống dưới viết nột mút ngược phải. Điểm dừng bỳt ngang với điểm đặt bỳt.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– GV hướng dẫn HS viết chữ *l* bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *l* trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn.

– GV cầm bảng của 1 số HS để HS khỏc nhận xột rỳt kinh nghiệm hoặc học tập theo bạn.

– GV tổ chức cho HS viết *lờ*. Lưu ý nhắc HS điểm dừng của õm *l* thấp để nối sang õm *ờ*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp chữ *lờ*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) h (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Chữ *h* gồm 2 nột: nột khuyết xuụi và nột mút hai đầu.

– Chữ *h* giống chữ *l* cú cựng nột khuyết xuụi.

– Cỏch viết: viết nột khuyết trờn kộo thẳng chõn xuống đường kẻ ngang, rờ bỳt ngược lờn đường kẻ thứ hai viết nột múc 2 đầu, điểm dừng bỳt ở dũng thứ hai.

• *Đọc tiếng ứng dụng*

– GV viết cỏc tiếng ứng dụng lờn bảng: *lờ, lẻ, lẽ, he, hố, hẻ*.

– GV yờu cầu HS đỏnh vần, đọc trơn, theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS phõn tớch tiếng và giải thớch 1 số từ (nếu cú thời gian).

– Nhận xột, chỉnh sửa lỗi cho từng HS.

XVI. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 5 – 7 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV gọi HS đọc bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch một số tiếng.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? (cỏc bạn đang bắt ve đồ chơi).

+ Ve thường kờu vào mựa nào?

+ Ve kờu bỏo hiệu điều gỡ?

+ Tiếng ve kờu nhỏ thế nào?

– Giới thiệu: Bức tranh thể hiện mựa hố, cõu ứng dụng của bài học hụm nay là: *ve ve ve, hố về*. Đọc và chỉ vào từng chữ.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Lưu ý nhắc HS nghỉ hơi sau dấu phẩy.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *l, h, lờ, hô* trong vở Tập viết.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ? (*le le*)

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? (Đàn le le đang bơi trờn sụng).

+ Những con vật trong tranh đang làm gỡ?

+ Trụng chỳng giống con gỡ?

+ Lụng của chỳng màu gỡ?

+ Theo em th□c □n c□a le le là gì?

+ Theo em, le le □□ tr□ng hay □□ con?

– Gi□i thi□u: Tranh v□ □àn le le. Le le cú h□nh dỏng bờn ngoài g□n gi□ng con v□t nh□ng nú nh□ h□n, m□ nh□n h□n. Nú ch□ cú □ m□t s□ vựng □ n□□c ta.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS ch□i trũ ch□i: Tỡm ch□.

– Cỏch ti□n hành:

+ GV □□a ra m□t cõu sau □ú yờu c□u HS tỡm cỏc ti□ng □ó h□c cú trong □o□n v□n □ú.

+ T□ng k□t cu□c thi, tuyờn d□□ng □□i tỡm □ỳng nhi□u ti□ng.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 9 O, C

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *o,c* trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong v□n b□n.

• Ghộp õm *o,c* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *o, c ,bũ, c□*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng *bo, bũ, bú, co, cũ, c□, bũ bờ cú bú c□, vú bố.*

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: vú bố.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *o, c* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 8.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1HS □□c.Vớ d□: *lờ, l□, hố, v□,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c cõu □ng d□ng và ch□ □□ c□a ph□n luy□n nói.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: Bài tr□□c cỏc em □ó □□□c h□c õm gỡ?

– GV treo tranh minh h□a trong SGK và h□i:

+ Tranh v□ gỡ? (con bũ và □àn bũ □ang g□m c□).

– GV ghi b□ng *o, c* và □□c o – c□, HS d□□i l□p □□c theo.

– H□i: Trong ti□ng *bũ, c□* nh□ng õm nào em □ó h□c?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm *o,c*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) o

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *o* và núi: □õy là ch□ *o*. Ch□ *o* g□m 1 nột cong kớn. H□i: + Ch□ *o* gi□ng hỡnh gỡ?

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *o* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *o*.

– □□c m□u õm *o* và cho HS □□c l□i theo h□nh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u h□nh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *bũ*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *bũ* theo hõnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *bũ*.

– GV □ỏnh v□n m□u: *b□ – o – bo – huy□n – bũ*.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng *bũ* theo hõnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

* *Ch□ o*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *o* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *o* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *o* trong khung ch□ (v□a tụ v□a núi). Ch□ *o* cao 2 li □□□c vi□t b□i 1 nột cong kớn. T□ □i□m □□t bỳt th□p h□n □□□ng k□ ngang trờn, vi□t nột cong ch□m □□□ng k□ ngang r□i l□□n sang trỏi ch□m □□□ng k□ ngang d□□i vũng lờn. □i□m d□ng bỳt ch□m □i□m □□t bỳt.

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *o* b□ng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *o* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *bũ*. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *b* th□p □□ n□i sang õm *o*, d□u huy□n □□t trờn õm *o*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *bũ*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) c (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *c* g□m 1 nột cong trỏi.

– Ch□ *c* gi□ng ch□ *o* cú cựng nột cong.

– Cỏch vi□t: vi□t gi□ng ch□ *o* □i□m d□ng bỳt n□m trờn □□□ng k□ ngang th□ 2.

• *□□c ti□ng □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *bo* và *co* sau □ú dựng cỏc d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *bo, bũ, bú, co, cũ, cú.*

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n, theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng và gi□i thớch 1 s□ t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 5 – 7 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? (bỏc □ang cho m□ con nhà bũ □n c□).

+ Th□c □n ch□ y□u c□a bũ là gỡ?

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ m□ con nhà bũ trong b□c tranh?

– Gi□i thi□u: B□c tranh v□ c□nh m□t ng□□i □ang cho bũ, bờ □n c□. □ú chớnh là n□i dung cõu □ng d□ng c□a bài h□c hụm nay: *bũ bờ cú bú c□*. □□c và ch□ vào t□ng ch□.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *o, c, bũ, c□* trong v□ T□p vi□t.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ? (*vú bố*).

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? (m□t ng□□i □ang c□t vú bố trờn sụng).

+ Vỡ sao em cho r□ng □õy là vú bố? (cú vú kộo cỏ và cỏi bố).

+ Vú bố th□□ng □□t □ □õu?

+ Vú bố dựng □□ làm gỡ?

+ Em □ó nhõn th□y cỏi vú bố bao gi□ ch□a? □ □õu?

+ Ng□□i ta kộo vú bố b□ng cỏch nào?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS cú ki□n th□c th□c t□.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 10 Ô, Ơ

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *ụ*, □ trong cỏc ti□ng g□i tờn s□ v□t trong SGK và trong v□n b□n.

• Ghộp õm *ụ*, □ v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *ụ*, □, *cụ*, *c□*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: b□ h□.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *ụ*, □ vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

• Lỏ c□ T□ qu□c và quy□n v□ v□.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 9.

– G□i 3 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1 HS □□c.Vớ d□: *bũ bờ, bú c□, vú bố.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c cõu □ng d□ng và ch□ □□ c□a ph□n luy□n nói và phõn tớch m□t s□ ti□ng □ó h□c.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

GV treo tranh minh h□a trong SGK và h□i:

+ Tranh v□ gỡ? (cụ giỏo d□y HS t□p vi□t).

– GV □□a ra lỏ c□ T□ qu□c và h□i: □õy là gỡ?

– GV ghi b□ng *ụ*, □ và □□c ụ, □. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm *ụ*, □.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) ụ

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *ụ* và nói: □õy là ch□ *ụ*.

– H□i: + Ch□ *ụ* gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh ch□ *ụ* và ch□ *o*.

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *ụ* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *ụ*.

– □□c m□u õm *ụ* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *cụ*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *cụ* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– Yờu cầu HS phõn tớch tiếng *cụ*.

– GV đỏnh vần mẫu: *cờ – ụ – cụ*.

– Chỉ bảng cho HS đỏnh tiếng *cụ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

• *Viết chữ*

* *Chữ ụ*

– GV viết lờn bảng chữ *ụ* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *ụ* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ *ụ* trong khung chữ (vừa tụ vừa nói). Chữ *ụ* gồm 2 nột: Nột 1 viết nhỏ chữ *o*, nột 2 là dấu mũ gồm 2 nột xiờn phải và xiờn trỏi nối với nhau được đặt vào chớnh giữa chữ *o*.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– GV hướng dẫn HS viết chữ *ụ* bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *ụ* trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn.

– GV cầm bảng của 1 số HS để HS khỏc nhận xột rỳt kinh nghiệm hoặc học tập theo bạn.

– GV tổ chức cho HS viết *cụ*. Lưu ý nhắc HS cỏch nối từ õm *c* thẳng sang õm *ụ*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp chữ *cụ*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) Ô (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Chữ Ô gồm 1 gồm nột cong kớn và nột rõu.

– Chữ Ô giống chữ *o* cú cựng nột cong.

– Cỏch viết: viết giống chữ *o*, điểm dựng bỳt nằm trờn đường kẻ ngang thứ 2 sau đú lia bỳt viết nột rõu. Lưu ý nột rõu nhỏ dấu hỏi nhỏ đặt chạm vào chữ *o*.

• *Đọc tiếng ụng dụng*

– GV yêu cầu HS ghộp tiếng *cụ c*. sau đú ghộp tiếng *hụ, b* và dựng cỏc dấu thanh ghộp thành cỏc tiếng cú nghĩa.

– GV gọi HS đọc cỏc tiếng HS ghộp được và viết cỏc tiếng ứng dụng lờn bảng: *hụ, h, h, b, b, b*.

– GV yờu cầu HS đỏnh vần, đọc trơn, theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS phõn tớch tiếng và giải thớch 1 số tỉ (nếu cú thời gian).

– Nhận xột, chỉnh sửa lỗi cho từng HS.

XX. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV gọi HS đọc bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch một số tiếng.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Bạn nhỏ trong tranh cú vui khụng? Vỡ sao em biết?

+ Bức tranh trong vở của bạn nhỏ thế nào?

– Giới thiệu: Bức tranh vẽ cảnh một bạn nhỏ đang khoe quyển vở vẽ của mỡnh. Đú chớnh là nội dung cõu ứng dụng của bài học hụm nay: *bộ cú vở vẽ*. Đọc và chỉ vào từng chữ.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *ụ, ễ, cụ, cễ* trong vở Tập viết.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ? (*bộ hộ*)

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Cảnh trong tranh vào mựa nào trong năm? Vỡ sao em biết điều đú?

+ Mọi người thường ra bộ hộ để làm gỡ?

+ Em □ó □□□c ra b□ h□ ch□i ch□a?

+ C□m giỏc c□a em khi d□o ch□i quanh b□ h□ nh□ th□ nào?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– GV t□ ch□c cho HS □□c thu□c lũng cõu: o trũn nh□ qu□ tr□ng gà, ụ th□i □□i m□, □ già thờm rõu

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 11 ÔN TẬP

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Ghộp □□□c cỏc õm v□i cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành cỏc ti□ng m□i.

• □□c, vi□t □ỳng, □□p t□t c□ cỏc ti□ng □ó h□c.

• □□c □□□c cỏc ti□ng, t□ ng□, cõu cú trong bài h□c.

• Nghe, hi□u và k□ l□i theo tranh truy□n k□ h□

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• B□ng ụn trong SGK.

• Tranh minh h□a trong SGK.

• Tranh minh h□a cho truy□n k□.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS □□c ti□p n□i cỏc ti□ng □ó h□c trong bài 10.

– 2 HS lờn b□ng vi□t m□t ti□ng: *hụ, h□, b□, b□,....*

– G□i HS d□□i l□p □□c ti□p n□i toàn b□ bài 10.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: + Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng õm gỡ?

+ Hóy nói tờn cỏc d□u thanh □ó h□c.

– GV ghi b□ng cỏc ti□ng và d□u thanh HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a □□□c h□c cỏc ti□ng ghộp t□ õm *b, e, v, ờ, l, h, o, ụ, □, c* và cỏc d□u thanh. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc ch□ và õm □ó h□c*

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn 1.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm do GV □□c ch□.

• *Ghộp ch□ thành ti□ng*

– GV treo b□ng ụn 1 trang 24 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: L□y t□ng ch□ □ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc ti□ng. Vớ d□: *b* ghộp v□i *e* ta □□oc ti□ng *be*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV gi□i thi□u: Trong b□ng ụn, c□t d□c ghi ph□ õm, hàng ngang ghi nguyờn õm. Khi ghộp ta l□u ý ph□ õm □□ng tr□□c nguyờn õm.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn 1.

– GV treo bng ụn 2 trang 24 SGK hoc dựng bng gài.

– GV yờu cu HS c tip ni cỏ nhõn theo tay mỗnh ch trong bng ụn 2.

– Gi 2 HS lờn bng ch du thanh và ting do GV c.

• *Ghộp ting vi cỏc du thanh.*

– GV nỳi: Ly tng ting hàng dc ghộp vi tng du thanh hàng ngang ta s c cỏc ting mi. Vớ d: *be* ghộp vi du huyn ta c ting *bố.*

– GV gi HS tip ni nhau c cỏc ting ghộp c theo th t tng hàng.

– GV ch bng khụng theo th t HS c cỏc ting va ghộp c.

– GV chnh sa li phỏt õm cho HS (nu cú), nhn xột khen ngi nhng HS c ỳng.

– GV cú th gii thớch 1 s t HS chưa hiu.

– GV gi 2 HS tip ni nhau c toàn bng ụn 2.

XXII. TIẾT 2

2.3. Luyn tp

• *c t ng ng dng*

– GV t chc cho HS c cỏc t ng dng trong SGK trang 24.

– Lu ý: GV cú th cho HS gii thớch cỏc t ng va tõm c bng cõu hi: *lũ cũ, v cỏ* gi t hot ng nh th nào?

Nu HS khụng gii thớch c, GV cú th gii thớch cho HS hiu. *Lũ cũ* là co 1 chõn lờn và nhy bng chõn cũn li tng quúng ngn; *v cỏ* là gom cỏ li 1 ch.

– T chc cho HS c t ng dng theo hỡnh thc cỏ nhõn, nhúm, lp. GV chnh sa phỏt õm cho HS.

• *Hng dn vit t ng ng dng*

– GV vit mu *lũ cũ, v cỏ* lờn bng.

– GV yờu cu HS vit bng con tng t.

– GV nhn xột, chnh sa ch vit cho HS.

– T chc cho HS tp vit *lũ cũ* trong v Tp vit hoc vit toàn b trong v tp vit tựy theo trỡnh ca HS.

• *c cõu ng dng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh ha và hi:

+ Tranh v gỡ?

+ Trờn tay bạn nhỏ cầm bức vẽ gỡ?

– Tranh vẽ bạn nhỏ khoe bức tranh mỡnh vẽ. Đú là nội dung cõu minh hỏa: *bộ vẽ cụ, bộ vẽ cỏ*. Đọc tồng tiếng rừ ràng.

– GV tổ chức cho HS đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Lưu ý nhắc HS nghỉ hơi sau dấu phẩy.

• *Kể chuyện: hổ*

– GV treo tranh minh hỏa truyện kể (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK.

– Hỏi: Tranh vẽ nhồng con vật nào?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng nghe cụ (thầy) kể chuyện *hổ*. Đõy là cõu chuyện được lấy tờ truyện *Mốo dạy hổ*.

– GV kể toàn bộ cõu chuyện lần 1.

– GV kể chuyện lần 2 theo tranh minh hỏa và hỏi để HS nắm được nội dung truyện của tồng tranh vẽ là gỡ. GV cú thể ghi bồng để HS ghi nhớ được (Tranh 1: Hổ đến xin mốo truyền cho vừ nghề. Mốo nhận lời; Tranh 2: Hồng ngày, hổ chuyờn cần đến lớp học vừ; Tranh 3: Một lần hổ phục sẵn, khi thấy mốo đi qua, nú liền nhảy ra vồ mốo đỡnh ăn thịt; Tranh 4: Nhõn lỳc hổ sơ ý, mốo nhảy tút lờn một cõy cao. Hổ đứng dưới đất gầm gào, bất lực)

– GV tổ chức cho HS kể chuyện theo tranh.

– Cỏch tiến hành:

+ Chia lớp thành cỏc nhúm nhỏ, mỗi nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm dựa vào tranh minh hỏa và nội dung của tranh để kể lần.

+ HS tiếp nối nhau kể trong nhúm.

+ Tổ chức cho HS cả lớp thi kể chuyện theo hỡnh thức nối tiếp (mỗi nhúm kể 1 tranh).

+ Gọi 1 HS khỏ kể lần toàn bộ cõu chuyện.

– Hỏi: Em cú nhận xột gỡ về tớnh cỏch của hổ và mốo?

– Nhận xột khen ngợi HS kể chuyện tốt, HS chỳ ý lắng nghe và thuộc truyện nhanh.

Nội dung cõu chuyện:

Mốo dạy Hổ

Xưa kia, Mốo nổi tiếng là một thầy dạy vừ cao siờu. Hổ to lớn phục phịch nhưng khụng biết vừ. Nú cậy mỡnh cú hỡnh dỏng giống mốo liền lốn la đến làm quen và cuối cựng xin Mốo truyền cho vừ nghề. Mốo nhận lời.

H□ng ngày, H□ □□n l□p, h□c t□p chuyên c□n. Nú mu□n nhanh chúng n□m h□t bớ quy□t vì thu□t c□a Mốo □□ làm chỳa t□. Th□y H□ ham h□c h□i, Mốo c□ng khụng ti□c cụng s□c và th□i gian, d□y d□ nú r□t t□n tỡnh. Th□m thoỏt H□ □ó theo g□n h□t khúa h□c. Nú □□c chớ v□ kh□ n□ng vừ thu□t c□a mỡnh và ngh□ r□ng v□n c□a th□y nú □ó c□n r□i.

M□t l□n, H□ ph□c s□n, khi th□y Mốo □i qua, nú li□n nh□y ra v□ Mốo □□nh □n th□t. Mốo li□n ch□ng tr□ r□t quy□t li□t. Nhỡn lỳc H□ s□ ý, Mốo nh□y tút lờn m□t cỗy cao. H□ □□ng d□□i □□t g□m gào, b□t l□c. □□n lỳc □ú H□ m□i ti□c là ch□a h□c h□t cỏc mụn vừ c□a th□y.

Sau tr□n □y, H□ x□u h□ quỏ. Nú ch□y th□t xa vào r□ng và khụng bao gi□ dỏm g□p Mốo n□a.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

Bài 12 I, A

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *i,a* trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *i,a* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *i, a, bi, ca.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: lỏ c□.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *i,a* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh họa trong SGK phúng to (nếu cú).

• Lỏ cờ Tổ quốc và, cờ đội, cờ Hội và một số viờn bi ve.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

XXIII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng đó học của bài 11.

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc chữ đó học do 1 HS đọc: *lũ cũ, vở cỏ,*

– Gọi 4 HS dưới lớp nối tiếp nhau kể chuyện *hổ.*

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– GV treo tranh minh họa trong SGK và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

– GV đưa viờn bi và hỏi: Đõy là gỡ?

– GV ghi bảng *bi, ca.*

– GV ghi bảng *i,a* và đọc i – a. HS dưới lớp đọc theo.

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học õm *i, a.*

2.2. Dạy chữ ghi õm

a) i

• *Nhận diện chữ*

– GV viết bảng chữ *i* và nói: Đõy là chữ *i.* Chữ *i* in là 1 nột số thường.

– GV yờu cầu HS tỡm chữ *i* trong bộ chữ HVTV.

• *Phỏt õm và đỏnh vần tiếng*

– GV yờu cầu HS lấy trong bộ chữ HVTV õm *i.*

– Đọc mẫu õm *i* và cho HS đọc lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bi.*

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *bi* theo h□nh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *bi*.

– GV □ỏnh v□n m□u: *b□ – i – bi*.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh v□n ti□ng *bi* theo h□nh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *i* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *i* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *i* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nói). Ch□ *i* g□m 2 nột. T□ □i□m □□t bỳt d□□i □□□ng k□ ngang th□ 2 vi□t nột xiờn ph□i ch□m □□□ng k□ ngang 2 sau □ú vi□t nột múc ph□i. □i□m d□ng bỳt ch□m □□□ng k□ ngang 2, lia bỳt lờn chớnh gi□a □□u ch□ *i* vi□t d□u ch□m.

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *i* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *i* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột r□t kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *bi*. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *b* sang õm *i*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *bi*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

*b)*a (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *a* g□m 2 nột: Nột 1 là ch□ *c*, nột 2 là nột múc ph□i.

– Cỏch vi□t: Khi vi□t nột cong □i□m □□t bỳt th□p h□n □i□m □□t bỳt vi□t ch□ *o* sau □ú lia bỳt lờn □□□ng k□ ngang trờn vi□t nột múc ph□i.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *bi, cỏ,* sau □ú ghộp õm *i,a* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *bi, ba, vi, va, li, la, bi ve, ba lụ.*

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n, theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tỏch ti□ng và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XXIV. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tỏch m□t s□ ti□ng.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

+ B□n bu□c túc hai bờn mu□n khoe v□i b□n mỡnh □i□u gỡ?

+ Hai b□n cú vui khụng? Vỡ sao em bi□t?

– Gi□i thi□u: B□c tranh v□ c□nh b□n Hà □ang khoe quy□n v□ ụ li c□a mỡnh. □ú chớnh là n□i dung cõu □ng d□ng c□a bài h□c hụm nay: *bộ hà cú v□ ụ li*. □□c và ch□ vào t□ng ch□.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS.

– GV cú th□ cho HS phõn tỏch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *i, a ,bi, cỏ* trong v□ T□p vi□t.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ? (*lỏ c□*)

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ □ú là nh□ng c□ gỡ?

+ C□ T□ qu□c n□m □ v□ trớ nào trong tranh? Hóy nói nh□ng □i□u em bi□t v□ c□ T□ qu□c. (màu s□c, hỡnh dỏng, n□i treo).

– T□□ng t□ v□i c□ □□i và c□ H□i.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 13 N, M

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *n, m* trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *n, m* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *n, m, n□, me*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: b□ m□, ba mỏ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *n, m* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

• M□t cỏi n□ bu□c tỳc và qu□ me.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 12.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1 HS □□c: *i, a, bi, cỏ,*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 12.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV □□a ra chi□c n□, qu□ me và h□i: □õy là gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *n□*, *me* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *n, m* và □□c n□ – m□. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm *n, m*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) n

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và nói: □õy là ch□ *n* .

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *n* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *n*.

– □□c m□u õm *n* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *n□*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *n□* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tỏch ti□ng *n□*.

– GV □ỏnh v□n m□u: n□ – □ – n□.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng *n□* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng. Lưu ý: Đõy là õm nhiều địa phương thường mắc lỗi, đỏ phỏt õm chuẩn đều lưỡi chạm lợi, hơi thoỏt ra cả miệng và mũi.

• *Viết chữ*

– GV viết lờn bảng chữ *n* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *n* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ *n* trong khung chữ (vừa tụ vừa nói). Chữ *n* gồm 2 nột. Từ điểm đặt bỳt trờn đường kẻ ngang thứ 2 viết nột múc xuụi đến đường kẻ ngang dưới rờ bỳt ngược lờn viết nột múc hai đều. Điểm dừng bỳt nằm trờn đường kẻ ngang thứ 2.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– GV hướng dẫn HS viết chữ *n* bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *n* trờn bảng con, GV đi hướng dẫn nhắc nhở HS gặp khú khăn.

– GV cầm bảng của 1 số HS đỏ HS khỏc nhận xột rỳt kinh nghiệm hoặc học tập theo bạn.

– GV tổ chức cho HS viết *nỏ*. Lưu ý nhắc HS cỏch nối từ õm *n* sang õm ỏ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp chữ *nỏ*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) m (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Chữ *m* gồm 3 nột: 2 nột múc xuụi và nột múc hai đều.

– So sỏnh với chữ *n*: Giống nhau: đều cú nột múc xuụi và nột múc hai đều

– Lưu ý: nột múc xuụi thứ 2 rộng gấp hai lần nột múc xuụi thứ nhất.

• *Đọc tiếng, từ ứng dụng*

– GV yờu cầu HS ghộp õm *n, m* với cỏc õm và dấu thanh ghộp thành cỏc tiếng, từ cú nghĩa.

– GV gọi HS đọc cỏc tiếng, từ HS ghộp được và viết cỏc tiếng ứng dụng lờn bảng: *no, nụ, nỏ, mo, mụ, mỏ, ca nụ, bú mỏ,*

– GV yờu cầu HS đỏnh vần, đọc trơn, theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS phõn tớch tiếng, từ và giải thớch 1 số tiếng, từ (nếu cú thời gian).

* L□u ý: GV nờn cho HS □□c phõn bi□t *l*/*n* vỡ õy là õm d□ l□n □ r□t nhi□u □□a ph□□ng: *lo*/*no; l□*/*n□*,...

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XXVI. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: B□c tranh v□ m□ con nhà bũ □ang □n c□ trờn cỏnh □□ng. Hai m□ con nhà bũ b□ng c□ng trũn vỡ □□□c □n □□ c□. □ú chớnh là n□i dung cõu □ng d□ng c□a bài h□c hụm nay: *bũ bờ cú c□, bũ bờ no nờ*. □□c và ch□ vào t□ng ch□.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *n, m, n□, me* trong v□ T□p vi□t.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ? (*b□ m□, ba mỏ*)

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ B□ m□, ba mỏ là cỏch g□i nh□ng ng□□i cú quan h□ v□i em nh□ th□ nào?

+ Em cú bi□t cũn cỏch g□i ng□□i sinh ra m□nh là gỡ n□a khụng? (tớa, b□m, u, b□, m□).

+ Hỏy k□ v□ gia □□nh em (nhà em cú m□y ng□□i, là nh□ng ai, b□ m□ em làm ngh□ gỡ, em cú yờu b□ m□ khụng).

+ Em th□□ng làm gỡ □□ cha m□ vui lũng?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Cho cả lớp hỏt bài *Cả nhà thương nhau* hoặc *Ba ngọn nến lung linh*.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 14 D, Đ

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Nhận diện được chữ *d*, đ trong cỏc tiếng cú trong vần bản.

• Ghộp õm *d*, đ với cỏc õm và cỏc dấu thanh để học đỏnh tạo thành từ cú nghĩa.

• Đọc và viết được *d*, đ, *dờ*, *đũ*.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: dế, cỏ cờ, bi ve, lỏ đa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Chữ *d*, đ viết to trong khung chữ (nếu cú).

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 13.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1 HS □□c: *n, m ,n□, me, m□, mụ, m□,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 13.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *dờ, □ũ* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *d,* □ và □□c d□ – □□. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *d,* □.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) d

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và nói: □õy là ch□ *d* .

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *d* trong b□ ch□ HVTV.

– H□i: + Ch□ *d* g□n gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *a* và ch□ *d.*

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *d.*

– □□c m□u õm *d* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *dờ.*

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *dò* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yêu cầu HS phõn tớch tiếng *dờ*.

– GV đỏnh vần mẫu: dờ – ờ – dờ.

– Chỉ bảng cho HS đỏnh vần tiếng *dò* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

• *Viết chữ*

– GV viết lờn bảng chữ *d* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *d* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ *d* trong khung chữ (vừa tụ vừa núi). Chữ *d* cú độ cao 4 li gồm 2 nột. Nột 1 viết nột cong nhỏ chữ *a*, sau đú lia bỳt lờn đường kẻ ngang thứ 5 viết nột múc. Điểm dừng bỳt nằm trờn đường kẻ ngang thứ 2.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– GV hướng dẫn HS viết chữ *d* bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *d* trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn.

– GV cầm bảng của 1 số HS để HS khỏc nhận xột rỳt kinh nghiệm hoặc học tập theo bạn.

– GV tổ chức cho HS viết *dò*. Lưu ý nhắc HS cỏch nối từ õm *d* sang õm *ờ*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp chữ *dò*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) Đ (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Chữ Đ gồm 3 nột: nột cong trỏi, nột múc ngược và nột ngang nhỏ.

– So sỏnh với chữ *d*: Giống nhau: cựng cú nột cong trỏi, nột múc ngược; khỏc nhau: chữ Đ cú thờm nột ngang.

– Cỏch viết: viết nhỏ chữ *d* sau đú lia bỳt lờn dũng kẻ ngang thứ 5 viết nột ngang.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV yờu cầu HS ghộp õm *d*, đ với cỏc õm và dấu thanh ghộp thành cỏc tiếng, từ cú nghĩa.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *da, de, do, □a, □e, □o, da dờ, □i b□.*

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XXVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: □õy chớnh là n□i dung cõu □ng d□ng c□a bài h□c hụm nay: *dỡ na □i □ũ, bộ và m□ □i b□.* □□c và ch□ vào t□ng ch□.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *d, □, dờ, □ũ* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏch ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏch ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ? (*d□, cỏ c□, bi ve, lỏ □a*).

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Bi ve dựng □□ làm gỡ?

+ Em cú hay ch□i bi ve khụng? Cỏch ch□i nh□ th□ nào?

+ Cỏ cú gỡ khỏc nhưng con cỏ khỏc? (màu sắc, hỡnh dỏng, nơi sống, ớch lợi).

+ Em biết gỡ về con dế? (hỡnh dỏng, nơi sống, thức ăn, tiếng kờu).

+ Lỏ ủa trong hỡnh giống con gỡ?

– Kết luận: Chỳ ếch luyện nỳi hụm nay nỳi về những đồ chơi, trũ chơi rất lý thỳ của trẻ em. Chỳng rất dễ tỡm, gần gũi với tuổi thơ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỳ luyện nỳi.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 15 T, TH

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Nhận diện được chữ *t, th* trong cỏc tiếng cú trong văn bản.

• Ghộp õm *t, th* với cỏc õm và cỏc dấu thanh ủó học để tạo thành tiếng cú nghĩa.

• Đọc và viết được *t, th, tổ, thỏ*.

• Đọc được cỏc tiếng ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nỳi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: ổ, tổ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Ch□ *t, th* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 14.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1 HS □□c: *d, □, dờ, □ũ, da dờ, □i □ũ,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 14.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *t□, th□* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *t, th* và □□c t□ – th□. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *t, th*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) t

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và nỳi: □õy là ch□ *t* .

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *t* trong b□ ch□ HVTV.

– H□i: + Ch□ *t* g□n gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *t* và ch□ □. (gi□ng nhau: cựng cú nột mỳc ng□□c và nột ngang; khỏc nhau: ch□ □ cú nột cong trũi)

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *t*.

– □□c m□u õm *t* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *t*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *t* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– Yờu cầu HS phõn tớch tiếng *t*.

– GV đỏnh vần mẫu: tờ – ụ – tụ – hỏi – tổ.

– Chỉ bảng cho HS đỏnh tiếng *t* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

• *Viết chữ*

– GV viết lờn bảng chữ *t* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *t* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ *t* trong khung chữ (vừa tụ vừa núi). Chữ *t* cú độ cao 3 li gồm 2 nột. Từ điểm đặt bỳt trờn đường kẻ ngang thứ 2, viết nột xiờn phải sau đú lia bỳt lờn đường kẻ thứ 4 viết nột múc ngược, lia bỳt lờn đường kẻ thứ 3 viết nột ngang nhỏ chữ t.

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– GV hướng dẫn HS viết chữ *t* bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *t* trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn.

– GV cầm bảng của 1 số HS để HS khỏc nhận xột rỳt kinh nghiệm hoặc học tập theo bạn.

– GV tổ chức cho HS viết *t*. Lưu ý nhắc HS cỏch nối từ õm *t* sang õm *ụ*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp chữ *t*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) th (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Chữ *th* gồm chữ *t* và chữ *h* .

– So sỏnh với chữ *t*: Giống nhau: cú cựng chữ *t*; khỏc nhau: chữ *th* cú thờm chữ *h*.

– Cỏch viết: viết nhỏ chữ *t* sau đú rờ bỳt viết chữ *h*.

• *Đọc tiếng, từ ứng dụng*

– GV yêu cầu HS ghộp õm *t, th* với cỏc õm và dấu thanh ghộp thành cỏc tiếng, từ cú nghĩa.

– GV gọi HS đọc cỏc tiếng, từ HS ghộp được và viết cỏc tiếng ứng dụng lờn bảng: *to, tỏ, ta, tho, thỏ, tha, ti vi, thợ mỏ*.

– GV yờu cầu HS đỏnh vần, đọc trơn cỏc tiếng, từ ngữ theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS phõn tớch tiếng, từ và giải thớch 1 số tiếng, từ (nếu cú thời gian).

– Nhận xột, chỉnh sửa lỗi cho từng HS.

XXX. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV gọi HS đọc bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch một số tiếng.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Đõy chớnh là nội dung cõu ứng dụng của bài học hụm nay: *bỏ thỏ cỏ mố, bộ thỏ cỏ cờ*. Đọc và chỉ vào từng chữ.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu phẩy.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *t, th, tỏ, thỏ* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ? (*Bộ, tỏ*)

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Con gỡ cú □?

+ Con nào th□□ng t□ làm t□?

+ Con gà cú t□ làm □□□c □ khụng?

+ □ và t□ là n□i con v□t th□□ng làm gỡ?

– K□t lu□n: Con v□t cú t□, □ □□ □ c□ng gi□ng nh□ con ng□□i cú nhà. Cú nh□ng con v□t t□ làm □□□c t□, cú nh□ng con v□t ph□i ng□□i làm cho. Chỳng ta ph□i bi□t ch□m súc và b□o v□ nh□ng loài v□t cú ớch.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 16 ÔN TẬP

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Ghộp □□□c cỏc õm v□i cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành cỏc ti□ng m□i.

• □□c, vi□t □ỳng, □□p t□t c□ cỏc ti□ng □ó h□c.

• □□c □□□c cỏc ti□ng, t□ ng□, cõu cú trong bài h□c.

• Nghe, hi□u và k□ l□i theo tranh truy□n k□: Cũ □i lũ dũ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• B□ng ụn trong SGK.

• Tranh minh họa trong SGK.

• Tranh minh họa cho truyện kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

XXXI. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng đó học trong bài 15.

– 2 HS lờn bảng viết: *t, th, thỏ cỏ, thỏ, thỏ mốo*,...

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối toàn bộ bài 15.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Hỏi: Cỏc em đó được học những õm gỡ trong tuần qua?

– GV ghi bảng cỏc õm HS nhắc lại lờn bảng.

– GV treo bảng ụn và giới thiệu: Cỏc em vừa được học cỏc õm: *i, a, n, m, d, đ, t, th*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn tập những kiến thức đó học.

2.2. Ổn tập

• *Cỏc chữ và õm đó học*

– GV yờu cầu HS đọc tiếp nối cỏ nhõn theo tay mỡnh chỉ trong bảng ụn 1.

– Gọi 2 HS lờn bảng chỉ õm do GV đọc chữ.

• *Ghộp chữ thành tiếng*

– GV treo bảng ụn 1 trang 24 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV nói: Lấy từng chữ ở hàng dọc ghộp với từng chữ ở hàng ngang ta sẽ được cỏc tiếng. Vớ dụ: *n* ghộp với *ụ* ta được tiếng *nụ*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng ghộp được theo thứ tự từng hàng.

– GV chỉ bảng khụng theo thứ tự để HS đọc cỏc tiếng vừa ghộp được.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS đọc đỳng.

– GV giới thiệu: Trong bảng ụn, cột dọc ghi phụ õm, hàng ngang ghi nguyờn õm. Khi ghộp ta lưu ý phụ õm đứng trước nguyờn õm.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn 1.

– GV treo b□ng ụn 2 trang 24 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỗnh ch□ trong b□ng ụn 2.

• *Ghộp ti□ng v□i cỏc d□u thanh.*

– GV nỳi: L□y t□ng ti□ng □ hàng d□c ghộp v□i t□ng d□u thanh □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc ti□ng m□i. Vớ d□: *m□* ghộp v□i d□u huy□n ta □□□c ti□ng *m□*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV cú th□ gi□i thớch 1 s□ t□ HS ch□a hi□u. (m□: là v□ c□a c□u em m□; tà: cỏch g□i khỏc c□a tà ỏo; tỏ: dựng □□ ch□ s□ l□□ng là 12)

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn 2.

XXXII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *□□c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 34.

– L□u ý: GV cú th□ cho HS gi□i thớch cỏc t□ ng□ v□a tỡm □□□c b□ng cỏc cõu h□i: *mũ, tha* là ho□t □□ng nh□ th□ nào?

N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV cú th□ gi□i thớch cho HS hi□u.

– T□ ch□c cho HS □□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS.

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ t□p vi□t tựy theo trỡnh □□ c□a HS.

• *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Cỏc thành viờn trong gia □ỡnh nhà cũ □ang làm gỡ?

– Tranh minh h□a cho cõu □ng d□ng: *cũ b□ mũ cỏ, cũ m□ tha cỏ v□ t□.*

□□c t□ng ti□ng rừ ràng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hõnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. L□u ý nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

• *K□ chuy□n:Cũ □i lũ dũ*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú), ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *cũ □i lũ dũ* □õy là cõu chuy□n □□□c l□y t□ truy□n *Anh nụng dõn và con cũ.*

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i □□ HS n□m □□□c n□i dung truy□n c□a t□ng tranh v□ là gỡ. Vớ d□ cõu h□i:

+ Anh nụng dõn b□t g□p chỳ cũ trong hoàn c□nh nào?

+ Con cũ □ó làm gỡ giỳp anh nụng dõn?

+ Nhỡn □àn cũ □ang bay, con cũ c□m th□y th□ nào?

+ K□t thỳc cõu chuy□n ra sao?

GV cú th□ ghi b□ng □□ HS ghi nh□ □□□c (tranh 1: Anh nụng dõn mang cũ v□ nhà ch□y ch□a và nuụi n□ng; tranh 2: Con cũ trụng nhà. Nú □i lũ dũ kh□p nhà b□t ru□i, quột d□n nhà c□a; tranh 3: Th□y □àn cũ bay li□ng, con cũ b□ng th□y nh□ nh□ng ngày thỏng s□ng cựng b□ m□ và anh ch□ em; tranh 4: Anh nụng dõn cho cũ ra □□ng).

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hõnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– H□i: Cõu chuy□n cho em bi□t □i□u gỡ? (tỡnh c□m chõn thành, □ỏng quý gi□a anh nụng dõn và con cũ).

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Cũ □i lũ dũ

Cú m□t anh nụng dõn, trờn □□□ng □i làm v□ b□t g□p m□t chỳ cũ con, cũ cũn nh□ quỏ, ch□a □□ lụng, cỏnh, l□i b□ r□t t□ trờn cõy cao xu□ng nờn gúy m□t m□t chõn. Anh li□n □em cũ v□ nhà ch□y ch□a và nuụi n□ng. Cũ nhanh chúng tr□ l□i bỡnh th□□ng và nú r□t bi□t □n anh. H□ng ngày, anh □i ra □□ng làm vi□c, cũ con trụng nhà. Nú □i lũ dũ kh□p nhà r□i b□t ru□i, quy□t d□n nhà c□a. Khi □□p tr□i, anh nụng dõn cho cũ cựng mỡnh ra □□ng, cũ tha th□n ch□i, th□nh tho□ng l□i cỳi xu□ng mũ tụm cỏ. Tỡnh ngh□a gi□a anh nụng dõn và cũ th□t th□m thi□t.

M□t hụm, cũ nhỡn lờn b□u tr□i, nú b□ng th□y t□ng □àn cũ bay li□ng vui v□. Nú nh□ l□i nh□ng ngày cũn □ang vui s□ng cựng b□ m□ và anh ch□ em. Cũ bu□n l□m, nh□ng khụng n□ chia tay ng□□i c□u s□ng mỡnh. Bi□t chuy□n, anh nụng dõn khuyờn cũ s□m tr□ v□ gia □ỡnh. Lỳc □□u cũ khụng ch□u, nh□ng anh c□ khuyờn mói nú □ành ph□i nghe theo.

Cũ bay tr□ v□ v□i b□y □àn c□a mỡnh vào m□t ngày □□p tr□i. M□i khi cú d□p, nú cựng c□ □àn kộo t□i th□m anh nụng dõn và cỏnh □□ng c□a anh.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 17 U, Ư

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *u*, □ trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *u*, □ v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *u*, □, *n□*, *th□*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: thỏ ụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Chữ *u*, ỏ viết to trong khung chữ (nếu cú).

• Tranh minh họa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

XXXIII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng đó học của bài 16.

– Gọi 4 HS nối tiếp nhau kể lời cõu chuyện *cũ ới lũ dũ*.

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc chữ đó học do 1HS đọc: *mỏ, thỏ, ụ, thỏ*,,...

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc tờ, cõu ứng dụng của bài 16.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa từ khúa và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Hỏi: Trong tiếng *nỏ, thỏ* cú õm nào đó học?

– GV ghi bảng *u*, ỏ và đọc u – nỏ; ỏ – thỏ. HS dưới lớp đọc theo.

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học õm mới là õm *u*, ỏ.

2.2. Dạy chữ ghi õm

a) u

• *Nhận diện chữ*

– GV viết bảng chữ và nói: đõy là chữ *u* .

– GV yờu cầu HS tỡm chữ *u* trong bộ chữ HVTV.

– H□i: + Ch□ *t* g□n gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *u* và ch□ *i*. (gi□ng nhau: cựng cú nột xiờn ph□i và nột múc ng□□c; khỏc nhau: ch□ *u* cú hai nột múc ng□□c và khụng cú d□u ch□m trờn □□u).

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *u*.

– □□c m□u õm *u* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *n□*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *n□* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *n□*.

– GV □ỏnh v□n m□u: n□ – u – nu – n□ng n□.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng *n□* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *u* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *u* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *u* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nói).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *u* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *u* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *n□*. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *n* sang õm *u*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *n□*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □ (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ □ g□m ch□ *u* và nột rõu .

– So sỏnh v□i ch□ *u*: Gi□ng nhau: cú cựng ch□ *u*; khỏc nhau: ch□ □ cú thờm nột rõu.

– Cỏch vi□t: vi□t nh□ ch□ *u* sau □ú lia bỳt vi□t nột rõu.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *u*, □ v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc t□ □ng d□ng lờn b□ng: *cỏ thu, th□ t□, □u □□, c□ t□*.

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tỏch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XXXIV. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tỏch m□t s□ ti□ng.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: □õy chớnh là n□i dung cõu □ng d□ng c□a bài h□c hụm nay: *th□ t□, bộ hà thi v□*. □□c và ch□ vào t□ng ch□.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tỏch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *u, □, n□, th□* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luyn núi*

– GV treo tranh minh ha (nu cú) hoc cho HS quan sỏt tranh minh ha trong SGK và hi: Ch luyn núi hụm nay là gỡ? (*th ụ*)

– GV ch vào bc tranh và t chc cho HS luyn núi da theo cỏc cõu hi sau:

+ Tranh v gỡ?

+ Th ụ nc ta tờn là gỡ?

+ Mi nc cú my th ụ?

+ Chựa Mt Ct õu?

+ Em ó c i thm th ụ Hà Ni chưa?

+ K nhng iu em bit v th ụ Hà Ni.

– Nhn xột, khen ngi nhng HS hng hỏi phỏt biu, chm ch luyn núi.

3. Cng c, dn dũ

– GV t chc cho HS c li toàn bài.

– Nhn xột tit hc.

– Dn HS v nhà hc bài, làm bài và chun b bài sau.

Bài 18 X, CH

I. MC TIấU

Sau bài hc, HS bit:

• Nhn din c ch *x, ch* trong cỏc ting cú trong vn bn.

• Ghộp õm *x, ch* vi cỏc õm và cỏc du thanh ó hc to thành t cú ngha.

• c và vit c *x, ch, xe, chú.*

• c c cỏc t ng và cõu ng dng cú trong SGK.

• Phỏt trin li núi t nhiờn theo ni dung tranh v trong SGK vi ch : xe bũ, xe lu, xe ụ tụ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• S□ch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *x, ch* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXXV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 17.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1HS □□c: *th□ cỏ, l□ th□, □u □□, c□ t□*,...

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng c□a bài 17.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *xe, chú* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *x, ch* và □□c x – xe; ch – chú. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *x, ch*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) x

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và nói: □õy là ch□ *x* .

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *x* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *x*.

– □□c m□u õm *x* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sỏt khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *xe*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *xe* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– Yờu cầu HS phõn tớch tiếng *xe*.

– GV đỏnh vần mẫu: xờ – e – xe.

– Chỉ bảng cho HS đỏnh vần tiếng *xe* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng. Lưu ý đõy là õm nhiều đứa phương hay sai chớnh tả, GV nhắc HS khi phỏt õm đầu lưỡi tạo với mụi rộng một khe hẹp, hơi thoỏt ra xỏt nhẹ, khụng cú tiếng thanh.

• *Viết chữ*

– GV viết lờn bảng chữ *x* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *x* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lỗi chữ *x* trong khung chữ (vừa tụ vừa nói).

– Lưu ý: GV nhắc HS chỳ ý quan sỏt cỏch viết.

– GV hướng dẫn HS viết chữ *x* bằng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– Tổ chức cho HS viết chữ *x* trờn bảng con, GV đi hướng dẫn những HS gặp khú khăn.

– GV cầm bảng của 1 số HS để HS khỏc nhận xột rỳt kinh nghiệm hoặc học tập theo bạn.

– GV tổ chức cho HS viết *xe*. Lưu ý nhắc HS cỏch nối từ õm *x* sang õm *e*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp chữ *xe*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ch (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Âm *ch* gồm õm *c* và õm *h*.

– Cỏch viết: viết chữ *c* sau đú rờ bỳt viết chữ *h*.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV yờu cầu HS ghộp õm *x, ch* với cỏc õm và dấu thanh ghộp thành cỏc tiếng, từ cú nghĩa.

– GV gọi HS đọc cỏc từ HS ghộp được và viết cỏc từ ngữ dựng lờn bảng: *thợ xẻ, xa xa, chỡ đỏ, chữ cỏ* .

– GV yêu cầu HS đọnh vần, đọc trơn cỏc tiếng, từ ngữ theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS phõn tớch tiếng, từ và giải thớch 1 số từ (nếu cú thời gian).

– Nhận xột, chỉnh sửa lỗi cho từng HS.

XXXVI. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lỗi toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV gọi HS đọc bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch một số tiếng.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Đõy chớnh là nội dung cõu ứng dụng của bài học hụm nay: *xe ụ tụ chở cỏ vở thỏ xớ*. Đọc và chỉ vào từng chữ.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *x, ch, xe, chú* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ? (*thỏ rụ*)

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Vỡ sao em biết đõy là xe bũ?

+ Xe lu dựng để làm gỡ?

+ Em cũn biết những loại xe nào nữa?

+ Hóy kể về một loại xe mà em biết.

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chỉm chỉ luyện nói.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 19 S, R

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *s, r* trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *s, r* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *s, r, s□, rỏ*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: r□, rỏ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *s,r* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• M□t c□ hành cú r□, cỏi r□, rỏ.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 18.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc ch□ □ó h□c do 1HS □□c: *th□ x□, ch□ cỏ,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng c□a bài 18.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa, c□ hành và h□i: Tranh v□ gỡ? □õy là b□ ph□n nào c□a c□a hành?

– H□i: Trong ti□ng *s□, r□* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *s, r* và □□c s□ – s□; r□ – r□. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *s,r*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) s

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và nói: □õy là ch□ *s* .

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *s* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *s*.

– □□c m□u õm *s* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *s□*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *s□* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tỏch ti□ng *s□*.

– GV □ỏnh v□n m□u: s□ – e – h□i – s□.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng *s□* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng. L□u ý □õy là õm nhi□u □□a ph□□ng hay sai chớnh t□.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *s* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *s* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *s* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nói).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *s* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *s* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *s*□. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *s* sang õm *e*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *s*□, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) r (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *r* g□m nột xiờn ph□i, nột th□t và nột mỳc ng□□c.

– So sỏnh v□i ch□ *s:* gi□ng: cú nột xiờn ph□i và nột th□t; khỏc: k□t thỳc ch□ *r* là nột mỳc ng□□c.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *s,r* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc t□ □ng d□ng lờn b□ng: *su su, ch□ s□, r□ rổ, cỏ rụ* .

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c trờn cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XXXVIII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Cõu ứng dụng của bài học hụm nay: *bộ tụ cho rừ chữ và sỏ*. Đọc và chỉ vào từng chữ.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *s, r, sỏ, rỏ* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện núi hụm nay là gỡ? (*rổ, rỏ*)

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện núi dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Vỡ sao em cú thể phõn biệt được cỏi rổ và cỏi rỏ?

+ Rổ, rỏ thường được làm bằng gỡ?

+ Rổ, rỏ dựng để làm gỡ?

+ Hóy kể tờn những dụng cụ được làm từ mõy, tre.

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 20 K, KH

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *k, kh* trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *k, kh* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *k, kh, k□, kh□*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: cỏc õm thanh.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *k, kh* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XXXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 19.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ó h□c do 1 HS □□c: *su su, r□ rỏ, cỏ rụ,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 19.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– GV cho HS quan sát tranh minh họa từ khúa và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Hỏi: Trong tiếng *kẻ*, *khỉ* cú õm nào đó học?

– GV ghi bảng *k, kh* và ca – kẻ; khỉ – khỉ. HS đọc lớp đọc theo.

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học õm mới là õm *k, kh*.

2.2. Dạy chữ ghi õm

a) k

• *Nhận diện chữ*

– GV viết bảng chữ và núi: đõy là chữ *k* .

– GV yờu cầu HS tỡm chữ *k* trong bộ chữ HVTV.

– Hỏi: + Chữ *k* gồn giống chữ nào đó học?

+ So sỏnh sự giống nhau và khỏc nhau giữa chữ *k* và chữ *h*. (giống nhau: cựng cú nột khuyết xuụi; khỏc nhau: chữ *k* cú nột thắt).

• *Phỏt õm và đỏnh vần tiếng*

– GV yờu cầu HS lấy trong bộ chữ HVTV õm *k*.

– Đọc mẫu õm *k* và cho HS đọc lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV phỏt õm mẫu to, rừ ràng. Nhắc HS chỳ ý quan sát khẩu hỡnh và lắng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *kẻ*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc tiếng *kẻ* theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– Yờu cầu HS phõn tớch tiếng *kẻ*.

– GV đỏnh vần mẫu: ca – e – ke – hỏi – kẻ.

– Cho bảng cho HS đỏnh tiếng *kẻ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

• *Viết chữ*

– GV viết lờn bảng chữ *k* thật lớn trong khung kẻ ụ li hoặc treo bảng mẫu chữ *k* viết trong khung chữ.

– GV viết mẫu lờn bảng hoặc tụ lại chữ *k* trong khung chữ (vừa tụ vừa nói).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *k* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *k* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *k*□. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *k* sang õm *e*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *k*□, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) kh (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *kh* g□m ch□ *k* và ch□ *h* .

– So sỏnh v□i ch□ *k*: Gi□ng nhau: cú cựng ch□ *k*; khỏc nhau: ch□ *kh* cú thờm ch□ *h*.

– Cỏch vi□t: vi□t nh□ ch□ *k* sau □ú rờ bỳt vi□t ch□ *h*.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *k, kh* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *k□ h□, kỡ c□, khe □ỏ, cỏ kho*.

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XL. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ỏng dỏng và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giỏi thiỏu: Đõy chớnh là nỏi dung cõu ỏng dỏng cỏa bài hỏc hụm nay: *chỏ kha kẻ vẽ cho bộ hà và bộ lờ*. Đỏc và chỏ vào tỏng chỏ.

– GV gỏi HS tiỏp nỏi nhau đỏc cõu ỏng dỏng theo hỡnh thỏc cỏ nhõn, nhúm, lỏp. Chỏnh sỏa lỏi phỏt õm cho HS.

– GV cú thỏ cho HS phõn tỏch mỏt sỏ tiỏng trong cõu ỏng dỏng.

• *Luyỏn viỏt*

– GV yờu cỏu HS viỏt *k, kh, kẻ, khẻ* trong vẽ Tỏp viỏt.

– Lỏu ý nhỏc HS cỏc chỏ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc tiỏng cỏch nhau 1 con chỏ o.

• *Luyỏn nỳi*

– GV treo tranh minh hỏa (nỏu cú) hoỏc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK và hỏi: Chỏ đỏ luyỏn nỳi hụm nay là gỡ? (*ự ự, vo vo, vự vự, ro ro, tu tu*).

– GV chỏ vào bỏc tranh và tỏ chỏc cho HS luyỏn nỳi dỏa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Mỏi vỏt trong tranh vẽ cú tiỏng kờu nhỏ thỏ nào?

+ Em cũn biỏt nhỏng tiỏng kờu nào nỏa?

+ GV tỏ chỏc cho HS bỏt chđỏc nhỏng õm thanh mà em thớch.

– Kỏt luỏn: Xung quanh ta cú nhiỏu ỏiỏu thỳ vẽ, mỏi đỏ vỏt, con vỏt đỏu cú tiỏng nỳi riờng. Nỏu chỳ ý quan sỏt, lỏng nghe chỳng ta sẽ thỏy đỏoc ỏiỏu ỏú.

– Nhỏn xột, khen ngỏi nhỏng HS hỏng hỏi phỏt biỏu, chỏm chỏ luyỏn nỳi.

3. Cỏng cỏ, dỏn dũ

– GV tỏ chỏc cho HS đỏc lỏi toàn bài.

– Nhỏn xột tiỏt hỏc.

– Dỏn HS vẽ nhà hỏc bài, làm bài và chuỏn bỏ bài sau.

Bài 21 ÔN TẬP

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Ghộp □□□c cỏc õm v□i cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành cỏc ti□ng m□i.

• □□c, vi□t □ỳng, □□p t□t c□ cỏc ti□ng □ó h□c.

• □□c □□□c cỏc ti□ng, t□ ng□, cõu cú trong bài h□c.

• Nghe, hi□u và k□ l□i theo tranh truy□n k□ *Th□ và s□ t□*.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• B□ng ụn trong SGK.

• Tranh minh h□a trong SGK.

• Tranh minh h□a cho truy□n k□.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XLI. <u>TIếT 1</u>

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS □□c ti□p n□i cỏc ti□ng □ó h□c trong bài 20.

– 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□: *k□ h□, khe □ỏ, kha khỏ, ki bo,...*

– G□i HS d□□i l□p □□c ti□p n□i toàn b□ bài 20.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng õm gỡ trong tu□n qua?

– GV ghi bảng cỏc õm HS nhắc lại lờn bảng.

– GV treo bảng ụn và giới thiệu: Cỏc em vừa được học cỏc õm:*u, ơ, x, ch, s, r, k, kh*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn tập những kiến thức đó học.

2.2. Ễn tập

• *Cỏc chữ và õm đó học*

– GV yờu cầu HS đọc tiếp nối cỏ nhõn theo tay mỡnh chỉ trong bảng ụn 1.

– Gọi 2 HS lờn bảng chỉ õm do GV đọc chỉ.

• *Ghộp chữ thành tiếng*

– GV treo bảng ụn 1 trang 44 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV nói: Lấy từng chữ ở hàng dọc ghộp với từng chữ ở hàng ngang ta sẽ được cỏc tiếng. Vớ dụ: *x* ghộp với *e* ta được tiếng *xe*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng ghộp được theo thứ tự từng hàng.

– GV chỉ bảng khụng theo thứ tự để HS đọc cỏc tiếng vừa ghộp được.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS đọc đỳng.

– GV giới thiệu: Trong bảng ụn, cột dọc ghi phụ õm, hàng ngang ghi nguyờn õm. Khi ghộp ta lưu ý phụ õm đứng trước nguyờn õm. Những ụ màu tớm là những ụ khụng ghộp được tiếng hoặc những tiếng ớt dựng.

– GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc toàn bảng ụn 1.

– GV treo bảng ụn 2 trang 44 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV yờu cầu HS đọc tiếp nối cỏ nhõn theo tay mỡnh chỉ trong bảng ụn 2.

• *Ghộp tiếng với cỏc dấu thanh.*

– GV nói: Lấy từng tiếng ở hàng dọc ghộp với từng dấu thanh ở hàng ngang ta sẽ được cỏc tiếng mới. Vớ dụ: *ru* ghộp với dấu huyền ta được tiếng *rự*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng ghộp được theo thứ tự từng hàng.

– GV chỉ bảng khụng theo thứ tự để HS đọc cỏc tiếng vừa ghộp được.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS đọc đỳng.

– GV cú thể giải thớch 1 số từ HS chưa hiểu.

– GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc toàn bảng ụn 2.

XLII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Đọc từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK trang 44.

– Lưu ý: GV cú thể cho HS giải thớch cỏc từ ngữ vừa tỡm được bằng cỏc cõu hỏi. VD: xe chỉ là làm nhỏ thế nào?

Nếu HS khụng giải thớch được, GV cú thể giải thớch cho HS hiểu.

– Tổ chức cho HS đọc từ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. GV chỉnh sửa phỏt õm cho HS.

• *Hướng dẫn viết từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS viết chữ cũn lại trong vở Tập viết tựy theo trỡnh độ của HS.

• *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Tranh minh họa cho cõu ứng dụng: *xe ụ tụ chở khỏch và sư tử và sư thỳ.*

Đọc từng tiếng rừ ràng.

– GV tổ chức cho HS đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

• Kể chuyện:*Thỏ và sư tử*

– GV treo tranh minh họa truyện kể (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK.

– Hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng nghe cụ (thầy) kể chuyện *Thỏ và sư tử*.

– GV kể toàn bộ cõu chuyện lần 1.

– GV kể chuyện lần 2 theo tranh minh họa và hỏi HS nội dung của từng tranh về là gỡ. Vớ dụ:

+ Chuyện gỡ xảy ra với khu rừng?

+ Thỏ gặp sư tử vào thời điểm nào?

+ Chỳng nú với nhau những gỡ?

+ Nhỡn xu□ng d□□i gi□ng s□ t□ th□y gỡ?

+ S□ t□ ch□t nh□ th□ nào?

+ B□n th□ □ỏng khen □ □i□m nào?

GV cú th□ ghi b□ng □□ HS ghi nh□ □□□c (tranh 1: Th□ □□n g□p s□ t□ th□t mu□n; tranh 2: Cu□c □□i □ỏp gi□a th□ và s□ t□; tranh 3: Th□ và s□ t□ cựng ra gi□ng, s□ t□ nhỡn xu□ng gi□ng g□m gào gi□n d□; tranh 4: Cỏi ch□t c□a s□ t□).

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hỡnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– H□i: Cõu chuy□n cho em bi□t □i□u gỡ? (nh□ng k□ gian ỏc và kiờu c□ng bao gi□ c□ng b□ tr□ng ph□t thớch □ỏng).

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Th□ và s□ t□

□ m□t khu r□ng n□, cú m□t con s□ t□ r□t hung d□ và kiờu ng□o. M□i ngày, m□t con thỳ nh□ ph□i t□ n□p mỡnh cho nú. □õu □õu trong r□ng c□ng ch□ nghe ti□ng than khúc. Th□m tho□t c□ng □□n l□□t th□ ph□i n□p mỡnh. Th□ quy□t tõm h□ g□c s□ t□.

Th□ □□n g□p s□ t□ th□t mu□n. V□a th□y búng th□, s□ t□ □ó g□m lờn:

– Sao mày □□n mu□n th□?

Th□ bỡnh t□nh □ỏp:

– Tụi v□a ra kh□i c□a thỡ cú m□t ụng s□ t□ khỏc c□ gi□ tụi l□i và □ũi □n th□t. Tụi núi khú mói m□i □□□c v□ □õy g□p ụng.

S□ t□ gào lờn:

– *Sao l□i cú k□ to gan dỏm trờu ta. Hóy □□a ta □□n g□p nú.*

Th□ d□n s□ t□ □□n m□t cỏi gi□ng. S□ t□ nhỗn xu□ng gi□ng th□y m□t con su t□ hung d□ nhỗn ch□m ch□m vào mỗnh. S□ t□ □□a tay ra d□a thỡ con su t□ kia c□ng gi□ tay ra. T□c mỗnh, nú li□n nh□y xu□ng □□nh cho con s□ t□ kia m□t tr□n. S□ t□ gióy gi□a mói r□i s□c n□□c mà ch□t.

Th□ □i bỏo tin m□ng cho c□ khu r□ng. Ai c□ng m□n ph□c tài trớ c□a th□.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 22 P – PH, NH

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *p, ph, nh* trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *ph, nh* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *p, ph, nh, ph□ xỏ, nhà lỏ.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: ch□, ph□, th□ xó.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *p, ph, nh* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XLIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 21.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ó h□c do 1 HS □□c: *r□ kh□, c□ s□, su t□*,...

– G□i HS ti□p n□i nhau k□ l□i chuy□n *Th□ và s□ t□*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 21.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *ph□, nhà* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *p, ph, nh* và p□ – ph□ – ph□; nh□ – nhà. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *p, ph, nh*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) p

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *p* và núi: □õy là ch□ *p*.

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *p* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– Khi □□c ch□ *p* u□n l□□i □□ h□i thoỏt m□nh, khụng cú ti□ng thanh.

b) ph

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và núi: □õy là ch□ *ph* .

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *ph* trong b□ ch□ HVTV.

– H□i: + Ch□ *ph* g□n gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *p* và ch□ p*h*.

• *Phỏt õm và ỏnh vn ting*

– GV yờu cu HS ly trong b ch HVTV õm *ph*.

– c mu õm *ph* và cho HS c li theo hỡnh thc cỏ nhõn, nhúm, c lp.

– GV phỏt õm mu to, rừ ràng. Nhc HS chỳ ý quan sỏt khu hỡnh và lng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu cu HS ghộp ting *ph*.

– GV gi HS tip ni nhau c ting *ph* theo hỡnh thc: cỏ nhõn, nhúm, c lp.

– Yờu cu HS phõn tớch ting *ph*.

– GV ỏnh vn mu: ph – ụ – phụ – sc – ph.

– Ch bng cho HS ỏnh ting *ph* theo hỡnh thc cỏ nhõn, nhúm, lp.

– GV chnh sa li phỏt õm cho HS (nu cú), nhn xột khen ngi nhng HS phỏt õm ỳng.

• *Vit ch*

– GV vit lờn bng ch *p* tht ln trong khung k ụ li hoc treo bng mu ch *p* vit trong khung ch.

– GV vit mu lờn bng hoc tụ li ch trong khung ch (va tụ va nỳi).

– Lu ý: GV nhc HS chỳ ý quan sỏt cỏch vit.

– GV hng dn HS vit ch *p* bng ngún tay trỏ trờn khụng trung.

– T chc cho HS vit ch *p, ph* trờn bng con, GV i hng dn nhng HS gp khú khn.

– GV cm bng ca 1 s HS HS khỏc nhn xột rỳt kinh nghim hoc hc tp theo bn.

– GV t chc cho HS vit *ph*. Lu ý nhc HS cỏch ni t õm *ph* sang õm *ụ*.

– Nhn xột, khen ngi nhng HS vit ỳng, p ch *ph*, chnh sa cho HS vit cha ỳng, cha p.

c) nh (quy trỡnh tng t).

Lu ý:

– Ch *nh* gm ch *n* và ch *h* .

– So sỏnh vi ch *ph*: Ging nhau: cú cựng ch *h*; khỏc nhau: ch *nh* cú õm *n*, ch *ph* cú õm *p*..

– Cỏch vit: vit nh ch *n* sau ú rờ bỳt vit ch *h*.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yêu c□u HS ghộp õm *nh, ph* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *ph□ bũ, phở c□, nho khụ, nh□ c□.*

– GV yêu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yêu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XLIV. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: □õy chớnh là n□i dung cõu □ng d□ng c□a bài h□c hụm nay: *nhà dỡ na □ ph□, nhà dỡ cú chú xụ.* □□c và ch□ vào t□ng ch□. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yêu c□u HS vi□t *p, ph, nh, ph□ xỏ, nhà lỏ* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ? (*ch□, ph□, th□ xó*).

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh là c□nh □ □õu?

+ C□nh v□t m□i n□i nh□ th□ nào?

+ Ng□□i ta □□n ch□ □□ làm gỡ?

+ Hóy k□ nh□ng □i□u em bi□t v□ ph□ hay th□ xó.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 23 G, GH

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Nh□n di□n □□□c ch□ *g, gh* trong cỏc ti□ng cú trong v□n b□n.

• Ghộp õm *g, gh* v□i cỏc õm và cỏc d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành t□ cú ngh□a.

• □□c và vi□t □□□c *g, gh, gà ri, gh□ g□*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: gà ri, gà gụ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *g, gh* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XLV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng □ó h□c c□a bài 22.

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ó h□c do 1 HS □□c: *ph□ bũ, nho khụ,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 22.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *gà, gh□* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *g, gh* và g□ – gà; g□ – gh□. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *g, gh*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) g

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ và nói: □õy là ch□ *g*

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *g* trong b□ ch□ HVTV.

– H□i: + Ch□ *g* g□n gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *g* và ch□ c.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *g*.

– □□c m□u õm *g* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *gà*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *gà* theo h□nh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *gà*.

– GV □ỏnh v□n m□u: g□ – a – ga – huy□n – gà.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng v□n ti□ng *gà,* □□c tr□n *gà gụ* theo h□nh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *g* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *g* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *g* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nói).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *g* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *g,* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *gà*. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *g* sang õm *a*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *gà*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) gh (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *gh* g□m ch□ *g* và ch□ *h* .

– So sỏnh v□i ch□ *ph*: Gi□ng nhau: cú c□ng ch□ *h*; khỏc nhau: ch□ *gh* cú õm *g*, ch□ *ph* cú õm *p*..

– Cỏch vi□t: vi□t nh□ ch□ *g* sau □ú rờ b□t vi□t ch□ *h*.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *g, gh* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *g□ gh□, gh□ g□*.

L□u ý: Nh□c HS ch□ *g* g□i là õm g□ □□n, ch□ *gh* g□i là g□ ghộp.

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS.

XLVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *nhà bà cú t□ g□, gh□ g□* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *g, gh, gà ri, gh□ g□* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 □ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ? (*gà ri, gà g□*).

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ m□y lo□i gà? Tờn chỳng là gỡ?

+ Con gà nào là gà g□, con gà nào là gà ri?

+ Ng□□i ta nuụi gà □□ làm gỡ?

+ Th□c □n c□a gà là gỡ?

+ Em cũn bi□t nh□ng lo□i gà nào khỏc?

+ Con gà th□□ng cú nh□ng b□ ph□n nào?

+ Gà tr□ng và gà mỏi cú gỡ khỏc nhau?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 24 Q – QU, GI

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• □□c và vi□t □□□c *q, qu, gi, ch□ quờ, c□ già.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: quà quờ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *q* vi□t to trong khung ch□ (n□u cú).

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XLVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i HS phõn bi□t 2 õm *g* và *gh*..

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ó h□c do 1 HS □□c: *gà gụ, g□ gh□*,...

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 23.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ c□nh gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *quờ, già,* cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *q – qu; gi* và □□c qu□ – quờ; gi – già. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i là õm *q – qu; gi*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) q – qu

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *q – qu* và núi: □õy là ch□ *q – qu*

– GV yờu c□u HS tỡm ch□ *q – qu* trong b□ ch□ HVTV.

– H□i: + Ch□ *q* g□n gi□ng ch□ nào □ó h□c?

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *q* và ch□ *c*.

+ So sỏnh s□ gi□ng nhau và khỏc nhau gi□a ch□ *q* và ch□ *qu*.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV õm *q – qu*.

– □□c m□u õm *q – qu* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *quờ*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *quò* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *quờ.*

– GV □ỏnh v□n m□u: qu□ – ờ – quờ.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng v□n ti□ng *quờ,* □□c tr□n *ch□ quờ* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *q* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *g* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *q* trong khung ch□ (v□a tụ v□a núi).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– GV h□□ng d□n HS vi□t ch□ *q* b□ng ngún tay tr□ trờn khụng trung.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *q – qu* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n. L□u ý HS nột n□i gi□a ch□ *q* và ch□ *u*.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *quờ*. L□u ý nh□c HS cỏch n□i t□ õm *u* sang õm *ờ.*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *quờ*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) gi (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *gi* g□m ch□ *g* và ch□ *i* .

– So sỏnh v□i ch□ *g*: Gi□ng nhau: cú cựng ch□ *g*; khỏc nhau: ch□ *gi* cú ch□ *i*.

– Cỏch vi□t: vi□t nh□ ch□ *g* sau □ú rờ bỳt vi□t ch□ *i*.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *qu; gi* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *qu□ th□, qua □ũ, gi□ cỏ, gió giũ,...*

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yêu cầu HS phõn tớch tiếng, từ và giải thớch 1 số tiếng, từ (nếu cú thời gian).

– Nhận xột, chỉnh sửa lỗi cho tổng HS.

XLVIII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh.

– GV gọi HS đọc bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch một số tiếng.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng: *chỳ tễ ghộ qua nhà, cho bộ giũ cỏ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu phẩy.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *q, qu, gi, chữ quờ, cỏ già* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Mỗi chỳ về mua quà cho hai chỳ em là những thứ gỡ?

+ Vỡ sao nhón, múa lại gọi là quà quờ?

+ Em cũn biết những thứ quà nào ở quờ?

+ Hóy kể về một thứ quà quờ mà em thớch nhất?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 25 NG, NGH

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• □□c và vi□t □□□c *ng, ngh, cỏ ng□, c□ ngh□*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: bờ, nghe, bộ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XLIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ó h□c do 1 HS □□c: *gió giũ, qu□ th□, qu□ m□, gi□ th□*,...

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 24.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– H□i: Trong ti□ng *ng□*, *ngh□*, cú õm nào □ó h□c?

– GV ghi b□ng *ng, ngh* và □□c ng□ – ng□; ng□ – ngh□. HS d□□i l□p □□c theo.

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i *ng, ngh*.

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) ng

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *ng* và núi: □õy là ch□ *ng□*.

– GV yờu c□u HS ghộp ch□ *ng* trong b□ ch□ HVTV.

– H□i: + Ch□ *ng* □□□c ghộp b□i nh□ng con ch□ nào?

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yờu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV ch□ *ng*..

– □□c m□u *ng* và cho HS □□c l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hỡnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *ng□*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c ti□ng *ng□* theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *ng□*.

– GV □ỏnh v□n m□u: ng□ – □ – ng□ – huy□n – ng□.

– Ch□ b□ng cho HS □ỏnh ti□ng v□n ti□ng *ng□*, □□c tr□n *cỏ ng□* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *ng* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *ng* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *ng* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nỳi).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *ng* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n. L□u ý HS nột n□i gi□a ch□ *n* và ch□ *g*.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ng□*. L□u ý nh□c HS c□ch n□i t□ õm *ng* sang õm □ sau □ú lia bỳt vi□t d□u huy□n trờn □□u õm □.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p ch□ *ng□*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) ngh (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *ngh* g□m ch□ *n, g* và ch□ *h* ghộp l□i .

– So sỏnh v□i ch□ *ng*: Gi□ng nhau: cú cựng ch□ *ng*; khỏc nhau: ch□ *ngh* cú thờm ch□ *h*.

– C□ch vi□t: vi□t nh□ ch□ *ng* sau □ú rờ bỳt vi□t ch□ *h* li□n 1 nột.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *ng, ngh* v□i c□c õm và d□u thanh ghộp thành c□c ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c c□c ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t c□c ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *ngó t□, ng□ nh□, ngh□ s□, nghộ □*,...

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n c□c ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS. Nh□c HS: ch□ *ng* g□i là ng□ □□n, ch□ *ngh* g□i là ng□ ghộp.

L. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK c□ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *ngh□ hố, ch□ kha ra nhà bộ nga* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luyện viết*

– GV yêu cầu HS viết *ng, ngh, cỏ ngỗ, cỗ nghỗ* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh hỏa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK và hỏi: Chỗ đỗ luyện núi hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện núi dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Em phõn biệt con nghộ và con bờ bằng cỏch nào?

+ Nghộ là con của con gỡ?

+ Bờ là con của con gỡ?

+ Thức ăn chớ yờu của bờ và nghộ là gỡ?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS chơi trũ chơi: Ong tỡm chữ.

– Cỏch tiến hành:

+ Chia lớp thành 2 đội.

+ Trong 5 phỳt HS của cỏc đội nối tiếp nhau tỡm cỏc tiếng, tổ cú õm *ng, ngh*.

+ Tổng kết cuộc thi.Tuyờn dương nhúm thắng cuộc.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 26 Y, TR

I. MỤC TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• □□c và vi□t □□□c *y, tr, y tở, tre ngà.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: nhà tr□.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Ch□ *y* vi□t trong khung ch□.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ó h□c do 1 HS □□c: *ngụ nghờ, ngừ nh□ ,ngh□ s□, ngó ba,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 25.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c õm m□i *y, tr*.

– H□i: + Y tỏ là ng□□i làm gỡ? (ch□m súc b□nh nhõn theo ch□ d□n c□a bỏc s□).

+ Tre ngà là lo□i tre nh□ th□ nào? (thõn màu vàng, k□ s□c xanh th□□ng dựng □□ làm c□nh).

2.2. D□y ch□ ghi õm

a) y

• *Nh□n di□n ch□*

– GV vi□t b□ng ch□ *y* và núi: □õy là ch□ *y*.

– GV yêu c□u HS tõm ch□ *y* trong b□ ch□ HVTV.

• *Phỏt õm và □ỏnh v□n ti□ng*

– GV yêu c□u HS l□y trong b□ ch□ HVTV ch□ *y*..

– □□c m□u *y* và cho HS □□c l□i theo hõnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV phỏt õm m□u to, rừ ràng. Nh□c HS chỳ ý quan sỏt kh□u hõnh và l□ng nghe khi GV phỏt õm.

– GV yêu c□u HS ghộp ti□ng *y*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c t□ *y tỏ* theo hõnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yêu c□u HS phõn tớch t□ *y tỏ*.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV vi□t lờn b□ng ch□ *y* th□t l□n trong khung k□ ụ li ho□c treo b□ng m□u ch□ *y* vi□t trong khung ch□.

– GV vi□t m□u lờn b□ng ho□c tụ l□i ch□ *y* trong khung ch□ (v□a tụ v□a nói).

– L□u ý: GV nh□c HS chỳ ý quan sỏt cỏch vi□t.

+ So sỏnh ch□ *y* v□i ch□ *i*.

– T□ ch□c cho HS vi□t ch□ *y* trờn b□ng con, GV □i h□□ng d□n nh□ng HS g□p khú kh□n.

– GV c□m b□ng c□a 1 s□ HS □□ HS khỏc nh□n xột rỳt kinh nghi□m ho□c h□c t□p theo b□n.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *y tỏ*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p *y tỏ*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) tr (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– Ch□ *tr* g□m ch□ *t* và ch□ *r* ghộp l□i .

– So sỏnh v□i ch□ *r*: Gi□ng nhau: cú cựng ch□ *r*; khỏc nhau: ch□ *tr* cú thờm ch□ *t*.

– Cỏch vi□t: vi□t nh□ ch□ *t* sau □ú rờ bỳt vi□t ch□ *r* li□n 1 nột.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV yờu c□u HS ghộp õm *y, tr* v□i cỏc õm và d□u thanh ghộp thành cỏc ti□ng, t□ cú ngh□a.

– GV g□i HS □□c cỏc ti□ng, t□ HS ghộp □□□c và vi□t cỏc ti□ng □ng d□ng lờn b□ng: *y t□, chỳ ý, cỏ trờ. trớ nh□,...*

– GV yờu c□u HS □ỏnh v□n, □□c tr□n cỏc ti□ng, t□ ng□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS phõn tớch ti□ng, t□ và gi□i thớch 1 s□ ti□ng, t□ (n□u cú th□i gian).

– Nh□n xột, ch□nh s□a l□i cho t□ng HS. Nh□c HS cỏch □□c 2 õm *tr/ch*

LII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i HS □□c bài trong SGK cỏ nhõn và phõn tớch m□t s□ ti□ng.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ M□ b□ em b□ □i □õu?

+ Khi nào ph□i □□a b□ □□n tr□m y t□ xó?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *b□ b□ ho, m□ cho b□ ra y t□ xó* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *y, tr, y tỏ, tre ngà* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh hoạ (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hoạ trong SGK và hỏi: Chỗ đồi luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ ở đõu?

+ Cụ giỏo đang làm gỡ?

+ Cỏc em bộ đang làm gỡ?

+ Đi nhà trẻ cú gỡ vui?

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS hửng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 27 ÔN TẬP

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp được cỏc õm với cỏc dấu thanh để học đọc tạo thành cỏc tiếng mới.

• Đọc, viết đỳng, đẹp tất cả cỏc tiếng đó học.

• Đọc được cỏc tiếng, từ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Tre ngà*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh họa trong SGK.

• Tranh minh họa cho truyện kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LIII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng đó học trong bài 26.

– 2 HS lờn bảng viết cỏc từ: *cỏ trờ, tre ngà, chỳ ý, y sĩ,...*

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối toàn bộ bài 26.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Hỏi: Cỏc em đó được học những õm gỡ trong tuần qua?

– GV ghi bảng cỏc õm HS nhắc lại lờn bảng.

– GV treo bảng ụn và giới thiệu: Cỏc em vừa được học cỏc õm:*p – ph, nh, g, gh, q – qu, gi, ng, ngh*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn tập những kiến thức đó học.

2.2. Ôn tập

• *Cỏc chữ và õm đó học*

– GV yờu cầu HS đọc tiếp nối cỏ nhõn theo tay mỡnh chỉ trong bảng ụn 1.

– Gọi 2 HS lờn bảng chỉ õm do GV đọc chỉ.

• *Ghộp chữ thành tiếng*

– GV treo bảng ụn 1 trang 56 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV nói: Lấy từng chữ ở hàng dọc ghộp với từng chữ ở hàng ngang ta sẽ được cỏc tiếng. Vớ dụ: *ph* ghộp với *o* ta đọc tiếng *pho*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng ghộp được theo thứ tự từng hàng.

– GV chỉ bảng khụng theo thứ tự để HS đọc cỏc tiếng vừa ghộp được.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS đọc đỳng.

– GV giới thiệu: Trong bảng ụn, cột dọc ghi phụ õm, hàng ngang ghi nguyờn õm. Khi ghộp ta lưu ý phụ õm đứng trước nguyờn õm. Nhưng ụ màu tớm là nhưng ụ khụng ghộp được tiếng hoặc nhưng tiếng ớt dựng.

– GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc toàn bảng ụn 1.

– GV treo bảng ụn 2 trang 56 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV yờu cầu HS đọc tiếp nối cỏ nhõn theo tay mỗnh chọ trong bảng ụn 2.

• *Ghộp tiếng với cỏc dấu thanh.*

– GV nỳi: Lấy từng tiếng ở hàng dọc ghộp với từng dấu thanh ở hàng ngang ta sẽ được cỏc tiếng mới. Vớ dụ: *i* ghộp với dấu huyền ta được tiếng *õ*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc tiếng ghộp được theo thứ tự từng hàng.

– GV chọ bảng khụng theo thứ tự để HS đọc cỏc tiếng vừa ghộp được.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhưng HS đọc đỳng.

– GV cú thể giải thớch 1 số từ HS chưa hiểu.

– GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc toàn bảng ụn 2.

LIV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Đọc từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK trang 44.

– Lưu ý: GV cú thể cho HS giải thớch cỏc từ ngữ vừa tỡm được bằng cỏc cõu hỏi.

– Nếu HS khụng giải thớch được, GV cú thể giải thớch cho HS hiểu.

– Tổ chức cho HS đọc từ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. GV chỉnh sửa phỏt õm cho HS.

• *Hướng dẫn viết từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS viết chữ cỡn lỗi trong vở Tập viết tựy theo trỡnh độ của HS.

• *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Mỗi người đang làm gỡ?

– Tranh minh hoạ cho cõu ứng dụng: *quờ bộ hà cú nghỉ xỗ gỗ, phỗ bộ nga cú nghỉ gió giũ.*

– Đọc tổng tiếng rừ ràng.

– GV tổ chức cho HS đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

• Kể chuyện: *Tre ngà*

– GV treo tranh minh hoạ truyện kể (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hoạ trong SGK.

– Hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng nghe cụ (thầy) kể chuyện *Tre ngà*.

– GV kể toàn bộ cõu chuyện lần 1.

– GV kể chuyện lần 2 theo tranh minh hoạ và hỏi HS nội dung của từng tranh vẽ là gỡ. Vớ dụ:

+ Người mẹ sinh con cú gỡ đặc biệt?

+ Cậu bộ lớn mới sinh ra cú gỡ khỏc với những em bộ khỏc?

+ Khi nghe sẻ thỡn thụng bỏo cậu bộ đó làm gỡ?

+ Cậu bộ đó giỏt giặc như thế nào?

+ Nhõn dõn ta gọi cậu bộ là gỡ?

GV cú thể ghi bảng để HS ghi nhớ được (tranh 1: Mẹ sinh con kỡ lạ; tranh 2: Sẻ giỏ rao vua tỡm người đỏnh giặc; tranh 3: Cậu bộ lớn nhanh như thổi; tranh 4: Cậu bộ đỏnh giặc; tranh 5: Giặc sợt gúy, cậu nhổ bụi tre làm vũ khớ; tranh 6: Dẹp xong giặc cậu bay về trời).

– GV tổ chức cho HS kể chuyện theo tranh.

– Cỏch tiến hành:

+ Chia lớp thành cỏc nhúm nhỏ, mỗi nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm dựa vào tranh minh hoạ và nội dung của tranh để kể lại.

+ HS tiếp nối nhau kể trong nhúm.

+ Tổ chức cho HS cả lớp thi kể chuyện theo hỡnh thức nối tiếp (mỗi nhúm kể 1 tranh).

+ Gọi 1 HS khỏ kể lại toàn bộ cõu chuyện.

– Hỏi: Cõu chuyện cho em biết điều gỡ?

– Nhận xột khen ngợi HS kể chuyện tốt, HS chỳ ý lắng nghe và thuộc truyện nhanh.

3. Củng cố, dặn dũ

– Gọi HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà kể lại cõu chuyện cho người thõn nghe và chuẩn bị bài sau.

Bài 28 CHỮ THƯỜNG – CHỮ HOA

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Nhận diện được chữ thường, chữ viết hoa trong cỏc vần bắn bắt kể.

• Đọc được cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Ba Vỡ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bảng chữ thường – chữ hoa trong SGK.

• Tranh minh họa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LV. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc tờn đó học do 1 HS đọc: *quả nho, tre ngà, ý nghĩ, nhà ga,...*

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc tờn, cõu ứng dụng và phần luyện núi của bài 27.

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau kể chuyện *Tre ngà.*

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu bài: Từ bài 1 đến bài 27 cỏc em đó được đọc, viết cỏc chữ và õm Tiếng Việt. Đú là những chữ in thường và viết thường. Hụm nay, chỳng mỡnh bắt đầu làm quen với chữ in hoa và chữ viết hoa.

– GV viết tờn bài lờn bảng và treo bảng chữ thường – chữ hoa. HS đồng thanh đọc tờn bài.

2.2. Nhận diện chữ hoa

– GV chỉ lờn bảng và giới thiệu đõu là chữ thường, đõu là chữ hoa.

– Hỏi: + Đõu là chữ thường? Đõu là chữ hoa? (3HS lờn bảng chỉ).

+ Những chữ in hoa nào gần giống chữ thường? (C, E, ấ, K, L, O ,ễ, Ộ, P, S, T, U, Ỗ, V, X, Y) .

+ Những chữ in hoa nào khụng giống chữ thường? (A, Ắ, Â, B, D, Đ, G, H, M, N, Q, R).

– GV tổ chức cho HS nhận diện chữ thường, chữ hoa theo cỏch sau:

+ Gọi HS lờn bảng chỉ chữ do GV đọc.

+ Gọi HS núi chữ do GV đọc.

+ Gọi HS chỉ chữ do bạn đọc hoặc núi chữ do bạn chỉ.

Nhận xột, khen ngợi HS phõn biệt được chữ thường và chữ hoa.

LVI. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV chỉ chữ trong bảng cho HS đọc cỏ nhõn.

– GV viết tờn một số địa danh và yờu cầu HS gạch chõn dưới chữ in hoa. Vớ dụ: Hà Nội, Hồ Chớ Minh, …

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh ở đõu?

+ Cảnh trong tranh cú gỡ đẹp?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng: *Bộ mặt cho bộ và chữ Kha đại nghĩa hố ở Sa Pa* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS.

– Hỏi: + Những chữ nào trong bài cú chữ in hoa?

+ Vỡ sao những chữ này phải viết hoa?

– Giới thiệu: Tờn người, tờn địa danh và những chữ đầu cõu phải viết hoa. Sa Pa là một nơi nghỉ mỏt nổi tiếng vào bậc nhất của nước ta. Nơi đõy cú khớ hậu mỏt mẻ, cú hoa thơm trỏi ngọt.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh hỏa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh ở đõu?

+ Khung cảnh nơi đõy cú gỡ đẹp?

+ Ở Ba Vỡ người dõn chủ yếu làm nghề gỡ?

+ Nuụi bũ sữa cú ớch lợi gỡ?

– Giới thiệu: Ba Vỡ là địa phận thuộc tỉnh Hà Tõy. Nơi đõy gắn liền với truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh, nơi cú rừng quốc gia Ba Vỡ. Đặc biệt, nơi đõy nổi tiếng với những đàn bũ sữa và sản phẩm sữa tươi nguyờn chất.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS chơi trũ chơi: Thi tỡm chữ.

– Cỏch tiến hành:

+ Chia lớp thành 2 đội.

+ GV đọc tờn chữ, yờu cầu cỏc đội tỡm chữ. Trong 5 phỳt đội nào tỡm đỳng nhiều chữ sẽ thắng cuộc.

– Nhận xột, tuyờn dương đội thắng cuộc.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 29 IA

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *ia*.

• Đọc và viết được *ia, lỏ tỏa tụ*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *ia* bắt kỡ trong vốn bốn.

• Đọc được cỏc tờ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Chia quà.

II. Đồ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LVII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng gạch chõn dưới những chữ in hoa cú trong cõu sau:

+ Hà N□i cú H□ G□□m.

+ V□n Mi□u Qu□c T□ Giỏm là tr□□ng □□i h□c □□u tiờn c□a n□□c ta.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 28.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ia*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

– H□i: Lỏ tớa tụ th□□ng dựng □□ làm gỡ?

2.2. D□y v□n

a) ia

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ia* và h□i: V□n *ia* □□□*c t□o b□i nh□ng õm nào?*

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ia* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: i – a – ia và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ia* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *tớa*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: i – a – ia; t□ – ia – tia – s□c – tớa.

– GV vi□t t□ khúa *lỏ tớa tụ* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ia – tớa – lỏ – tớa – tụ theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phõn tớch ti□ng *tớa*.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *lỏ tớa tụ*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV vi□t lờn b□ng *ia, lỏ tớa tụ* theo m□u ch□ quy □□nh. V□a vi□t v□a nhỏc l□i quy trỡnh vi□t.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ia, lỏ tớa tụ*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p *ia, lỏ tớa tụ*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c GV gi□i thớch cho HS hi□u.

– Gi□i thớch cỏc t□: + V□a hố: n□i dành cho ng□□i □i b□ trờn □□□ng ph□.

+ T□a lỏ: ng□t, hỏi b□t lỏ trờn cõy.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

LVIII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ia, lỏ tớa tụ*.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Hai ch□ em □ang làm gỡ?

+ Nh□ c□ và t□a lỏ cú ớch l□i gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *Bộ Hà nh□ c□, ch□ Kha t□a lỏ* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ia, lỏ tớa tụ* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chỗ đồi luyện núi hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện núi dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Bà chia cho cỏc chỏu những quả gỡ?

+ Nhận được quả của bà thỏi độ của cỏc chỏu như thế nào?

+ Em thường được ai chia quà?

+ Em thớch quả gỡ nhất? Vỡ sao?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 30 UA, ƯA

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *ua*.

• Đọc và viết được *ua, lưa, cua bể, ngựa gỗ*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *ua, ựa* bất kỳ trong vần bản.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Giữa trưa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *ia, lỏ tỏa tụ.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nỳi c□a bài 29.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ua, □a*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ua

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ua* và h□i: V□n *ua* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ua* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: u – a – ua và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ua* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *cua*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: u – a – ua; c□ – ua – cua.

– GV vi□t t□ khúa *cua b□* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ua – cua – cua b□ theo h□nh th□c: cỏ nhỗn, nhúm, c□ l□p.

– Yờu c□u HS phỗn tớch ti□ng *cua*.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *cua b□*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV vi□t lờn b□ng *ua, cua b□* theo m□u ch□ quy □□nh. V□a vi□t v□a nh□c l□i quy trỡnh vi□t.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ua, cua b□*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, khoảng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p *ua, cua b□*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □a (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *ua*.

– So sỏnh *ua, □a*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

– Gi□i thớch: Cà chua: lo□i cõy c□ thõn và lỏ cú lụng, lỏ x□ hỡnh chõn v□t, hoa vàng, qu□ chớn màu □□, v□ h□i chua.

+ Tre n□a: là nh□ng lo□i cõy cú □□t, gi□ng nh□ mớa nh□ng lỏ nh□.

+ Nụ □ựa: ch□i □ựa m□t cỏch □n ào, vui v□.

+ X□a kia: núi v□ kho□ng th□i gian cỏch õy r□t lõu.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo h□nh th□c cỏ nhỗn, nhúm, l□p.

LX. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ua, □a, cua b□, ng□a g□*.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ M□ □i ch□ mua nh□ng gỡ?

+ M□ mua nh□ng quà gỡ cho bộ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *M□ □i ch□ mua kh□, mớa, d□a, th□ cho bộ* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ua, □a, cua b□, ng□a g□* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Vỡ sao em bi□t □õy là bu□i tr□a mựa hố?

+ Bu□i tr□a m□i ng□□i th□□ng làm gỡ?

+ Em th□□ng làm gỡ vào bu□i tr□a mựa hố?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói.

(N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho cỏc em nói thành □o□n (3 – 5cõu) v□ gi□a tr□a mựa hố).

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *ua, □a*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 31 ÔN TẬP

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Ghộp □□□c cỏc õm v□i cỏc v□n và d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành cỏc ti□ng m□i.

• □□c, vi□t □ỳng, □□p t□t c□ cỏc v□n, t□ ng□ □ó h□c.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□, cõu cú trong bài h□c.

• Nghe, hi□u và k□ l□i theo tranh truy□n k□ *Kh□ và Rựa*.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• B□ng ụn trong SGK.

• Tranh minh h□a trong SGK.

• Tranh minh h□a cho truy□n k□.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS □□c ti□p n□i cỏc ti□ng □ó h□c trong bài 30.

– 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□: *tre n□a, x□a kia, cà chua, ng□a g□,...*

– G□i HS d□□i l□p □□c ti□p n□i toàn b□ bài 30.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

– GV ghi b□ng cỏc v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a □□□c h□c cỏc õm: *i, ua, □a*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc ch□ và õm □ó h□c*

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn

	u	ua	□	□a	i	ia
tr						
ng						
ngh						

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV □□c ch□.

• *Ghộp ch□ thành ti□ng*

– GV treo b□ng ụn trang 64 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: L□y t□ng ch□ □ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc ti□ng. Vớ d□: *tr* ghộp v□i *u* ta □□oc ti□ng *tru*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV gi□i thi□u: Nh□ng ụ màu tớm là nh□ng ụ khụng ghộp □□□c ti□ng ho□c nh□ng ti□ng ớt dựng.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn.

LXII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *□□c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 64.

– L□u ý: GV cú th□ cho HS gi□i thớch cỏc t□ ng□ v□a tỡm □□□c b□ng cỏc cõu h□i. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV cú th□ gi□i thớch cho HS hi□u.

– T□ ch□c cho HS □□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS.

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ t□p vi□t tựy theo trỡnh □□ c□a HS.

• *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

+ B□n nh□ □ang làm gỡ?

– Tranh minh h□a cho □o□n th□ □ng d□ng:

+ □□c t□ng cõu th□ rừ ràng.

+ GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

• K□ chuy□n:*Kh□ và Rựa*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *Kh□ và Rựa*.

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a t□ng tranh v□ là gỡ. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ Cõu chuy□n x□y ra □ □õu?

+ Kh□ m□i rựa □i □õu?

+ Kh□ d□n rựa nh□ th□ nào?

+ Kh□ □ó làm gỡ khi □□n nhà rựa?

+ Chuy□n gỡ □ó x□y ra v□i rựa?

+ Cõu chuy□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo h□nh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Kh□ và Rựa

Cú m□t □ụi b□n thõn là Kh□ và Rựa. Rựa thỡ ch□m ch□p nh□ng nhanh m□m nhanh mi□ng, cũn Kh□ thỡ nhanh nhen nh□ng tớnh l□i r□t c□u th□.

M□t hụm, Kh□ bảo cho Rựa bi□t là nhà Kh□ cú tin m□ng: V□ Kh□ v□a sinh con. Rựa li□n v□i vàng theo Kh□ t□i th□m nhà Kh□.

□□n n□i, Rựa b□n kho□n khụng bi□t làm cỏch nào lờn th□m v□ Kh□ □□□c vỡ nhà Kh□ □ trờn ch□c cao. B□ng Kh□ n□y ra sảng ki□n:

– Bảc c□ ng□m ch□t vào □uụi tụi. Tụi □i □□n □õu thỡ bảc c□ng □i □□n □ú.

Rựa nghe cú lớ, v□i ng□m vào □uụi Kh□. Kh□ trốo th□t nhanh v□ nhà. Chỳng v□a v□ t□i c□ng, v□ Kh□ □ó □on □□ ch□y ra:

– Chào bảc Rựa, quý húa quỏ. Bảc là v□ khỏch □□u tiờn c□a v□ ch□ng em □□y. Bảc gải □ nhà cú kh□e khụng? D□o này bảc làm □n th□ nào?

B□n tớnh là ng□□i hay nỳi, Rựa quờn c□ vi□c ng□m □uụi Kh□, li□n m□ mi□ng □ỏp l□. Th□ là b□ch m□t cỏi Rựa r□i c□ xu□ng □□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 32 OI, AI

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *oi, ai*.

• □□c và vi□t □□□c *oi, ai, nhà ngúi, bộ gởi*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *oi, ai* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: S□, ri, búi cỏ, le le.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ *tr□a* □□, *mua mớa*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 30.

– G□i HS ti□p n□i nhau k□ chuy□n *Kh□ và Rựa*.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *oi, ai*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) oi

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *oi* và h□i: V□n *oi* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yêu cầu HS ghộp vần *oi* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: o – i – oi và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *oi* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yêu cầu HS ghộp tiếng *ngúi*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: o – i – oi – ngờ – oi – ngoi – sắc – ngúi.

– GV viết từ khúa *nhà ngúi* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: oi – ngúi – nhà ngúi theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yêu cầu HS ghộp từ *nhà ngúi*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV viết lờn bảng *oi, nhà ngúi* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết *oi, nhà ngúi*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp *oi, nhà ngúi*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ai (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ai*.

– So sỏnh *ai, oi*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– Giải thớch: Ngà voi: răng nanh của con voi mọc chĩa ra ngoài hai bờn miệng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

LXIV. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *oi, ai, nhà ngúi, bộ gởi.*

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng.

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *Chỳ Búi Cỏ ngh□ gỡ th□? Chỳ ngh□ v□ b□a tr□a* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tỏch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *oi, ai, nhà ngúi, bộ gởi* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Hóy ch□ t□ng loài chim cú trong tranh?

+ Em cũn bi□t loài chim nào n□a?

+ Hóy núi v□ m□t trong s□ nh□ng con chim cú trong tranh (hỡnh dỏng, n□i s□ng, th□c □n)

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

(N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho cỏc em núi thành □o□n (3 – 5cõu) núi v□ m□t loài chim).

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *oi, ai.*

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 33 ÔI, ƠI

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *ụi, ợi*.

• Đọc và viết được *ụi, ợi, trởi ơi, bơi lội*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *ụi, ợi* bất kỳ trong vốn bản.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Lễ hội.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh họa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LXV. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc từ *gà mỏi, ngà voi,....*

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc từ, cõu ứng dụng và phần luyện nói của bài 32.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa từ khúa và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *ụi, ỏi*. HS đồi lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) ụi

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *ụi* và hỏi: Vần *ụi* được tạo bởi nhỡng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ụi* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– Đỏnh vần mẫu: ụ – i – ụi và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ụi* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *ỏi*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chữ: ụ – i – ụi – hỏi – ỏi.

– GV viết từ khúa *trỏi ỏi* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ụi – ỏi – trỏi ỏi theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhỡng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp từ *trỏi ỏi*.

– Nhận xột, khen ngợi nhỡng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV viết lờn bảng *ụi, trỏi ỏi* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết *ụi, trỏi ỏi*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp *ụi, trởi đi*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) đi (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *oi*.

– So sỏnh *ụi* với *đi*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– Giải thớch: + Cỏi chổi: là dụng cụ để quột nhà.

+ Thổi cũi: Dựng hơi thổi vào cũi cho phỏt ra õm thanh.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

LXVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ụi, đi, trởi đi, bơi lội*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Em thường được bố mẹ cho đi chơi ở đõu?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng: *Bộ trai, bộ gỏi đi chơi phố với bố mẹ* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu phẩy.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yêu cầu HS viết *ụi, ủi, trỏi ủi, bủi lủi* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chỗ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện núi hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện núi dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Đõy là lễ hội gỡ?

+ Lễ hội này thường tổ chức vào thời gian nào? ở đõu?

+ Em đó từng tham gia lễ hội nào?

+ Hóy núi về một lễ hội mà em cú dịp tham gia.

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi.

(Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV cú thể cho cỏc em núi thành đoạn (3 – 5cõu) núi về lễ hội mà em đó từng tham gia).

3. Củng cố, dặn dũ

– GV cú thể tổ chức cho HS tỡm tiếng cú vần *ụi, ủi.*

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 34 UI, ƯI

I. MỤC TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ui, □i*.

• □□c và vi□t □□□c *ui, □i, □□i nỳi, g□i th□*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ui, □i* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: □□i nỳi.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *cỏi ch□i, th□i cũi, ngúi m□i, □□ ch□i,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 33.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ui, □i*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ui

• *Nh□n di□n v□n*

– GV viết bảng vần *ui* và hỏi: Vần *ui* được tạo bởi những õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ui* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– Đỏnh vần mẫu: u – i – ui và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ui* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *nỳi*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: u – i – ui – nờ – ui – nui – sắc – nỳi.

– GV viết tờ khúa *đồi nỳi* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ui – nỳi – đồi nỳi theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *đồi nỳi*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV viết lờn bảng *ui, đồi nỳi* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết *ui, đồi nỳi*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp *ui, đồi nỳi*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) *Đi* (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *đi*.

– So sỏnh *đi* với *ui*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, tự động dạng*

– GV gọi HS đọc cỏc tự động dạng trong SGK. GV cú thể giải thớch tự động dạng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– Gi□i thớch: + Cỏi tỳi: v□t dựng □□ □□ng, □□□c làm b□ng v□i ho□c b□ng da, th□□ng cú quai xỏch.

+ Vui v□: tõm tr□ng r□t vui l□ rừ ra bờn ngoài.

+ G□i quà: hành □□ng g□i v□t gỡ □ú cho ng□□i khỏc.

+ Ng□i mựi: hớt vào m□i □□ nh□n bi□t mựi.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

LXVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ui, □i, □□i nỳi, g□i th□*.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ M□i ng□□i trong tranh □ang làm gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *Dỡ Na g□i th□ v□. C□ nhà vui quỏ* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ui, □i, □□i nỳi, g□i th□* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Hóy k□ tờn nh□ng v□ng □□i nỳi mà em bi□t?

+ Em □ó nhỡn th□y □□i nỳi bao gi□ ch□a? □ □õu?

+ Theo em, □□i nỳi th□□ng cú gỡ?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi.

(Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV cú thể cho cỏc em núi thành đoạn (3 – 5cõu) núi về đồi nỳi mà em biết).

3. Củng cố, dặn dũ

– GV cú thể tổ chức cho HS tỡm tiếng cú vần *ui, ồi*.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 35 UÔI, ƯƠI

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *uụi, ươi*.

• Đọc và viết được *uụi, ươi, nụi chuồi, mỳi bươi*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *uụi, ươi* bất kỳ trong vốn bộn.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Chuồi, bươi, vỳ sao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hoạ trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *cỏi tỳi, vui v□, g□i quà, ng□i mựi,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 34.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *uụi, □□i* cú trong ti□ng *chu□i, b□□i*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) uụi

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *uụi* và h□i: V□n *uụi* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *uụi* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: u – ụ – i – uụi và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *uụi* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *chu□i*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: u – ụ – i – uụi – ch□ – uụi – chuụi – s□c – chu□i.

– GV vi□t t□ khúa *n□i chu□i* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: uụi – chu□i – n□i chu□i theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *n□i chu□i*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV vi□t lờn b□ng *uụi, n□i chu□i* theo m□u ch□ quy □□nh. V□a vi□t v□a nh□c l□i quy trỡnh vi□t.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *uụi, n□i chu□i*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p *uụi, n□i chu□i*, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □□i (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □□*i*.

– So sỏnh *uụi* v□i □□*i*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

LXX. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *uụi, □□i, n□i chu□i, mỳi b□□i*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Vỡ sao em bi□t □õy là c□nh bu□i t□i?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *Bu□i t□i, ch□ Kha r□ b□ ch□i trũ □□ ch□* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *uụi, □□i, n□i chu□i, mỳi b□□i* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Hóy ch□ và núi tờn t□ng lo□i qu□ cú trong tranh v□?

+ Trong ba lo□i qu□ trờn em thớch qu□ nào nh□t? Vỡ sao?

+ Hóy k□ v□ m□t lo□i qu□ mà em thớch □n nh□t (hỡnh dỏng, màu s□c, h□□ng v□).

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

(N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho cỏc em núi thành □o□n (3 – 5cõu) núi v□ m□t lo□i qu□ mà em □ó □□□c □n).

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *uụi, □□i*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 36 AY, Â – ÂY

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ay, õy*.

• □□c và vi□t □□□c *ay, õy, mỏy bay, nh□y dõy*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ay, õy* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ch□y, bay, □i b□, □i xe.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *tu□i th□, tỳi l□□i, bu□i t□i, t□□i c□□i,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 35.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sát tranh minh họa từ khúa và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *ay, õy*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) ay

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *ay* và hỏi: Vần *ay* được tạo bởi những õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ay* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– Đỏnh vần mẫu: a – y – ay và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ay* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *bay*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: a – y – ay – bờ – ay – bay.

– GV viết từ khúa *mỏy bay* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ay – bay – mỏy bay theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp từ *mỏy bay*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV viết lờn bảng *ay, mỏy bay* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết *ay, mỏy bay*. GV quan sát chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp *ay, bay*, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) õ – õy (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– C□u t□o c□a v□n *õy*.

– So sánh *õy* v□i *ay*.

– Cách n□i gi□a các con ch□, cách vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c các t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thích t□ □ng d□ng b□ng cách h□i HS ho□c cho HS quan sát m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thích □□□c, GV gi□i thích cho HS hi□u.

+ C□i xay: v□t dựng □□ xay g□m hai th□t trũn, th□t d□□i c□ □□nh, th□t trờn quay □□□c xung quanh 1 tr□c.

+ Cõy c□i: t□ dựng □□ ch□ các lo□i cõy núi chung.

– GV t□ ch□c cho HS □□c các t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

LXXII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ay, õy, mỏy bay, nh□y dõy*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sát tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Các b□n HS □ang ch□i nh□ng trũ ch□i gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng: *Gi□ ra ch□i, bộ trai thi ch□y, bộ gỏi thi nh□y dõy* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tích m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ay, õy, nh□y dõy, mỏy bay* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS các ch□ cách nhau 1 ụ vuụng con, các ti□ng cách nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu có) hoặc cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Hóy chỉ và núi tờng hoạt động cú trong tranh vẽ?

+ Hằng ngày em đi đến trường bằng phương tiện gỡ?

+ Khi tham gia giao thụng chỳng ta cần phải chỳ ý điều gỡ?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chốm chỉ luyện núi.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV cú thể tổ chức cho HS tỡm tiếng cú vần *ay, õy* tiếp sức.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 37 ÔN TẬP

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp được cỏc õm với cỏc vần và dấu thanh để học để tạo thành cỏc tiếng mới.

• Đọc, viết đỳng, đẹp tất cả cỏc vần, từ ngữ đó học.

• Đọc được cỏc từ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Cõy khế*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh hỏa trong SGK.

• Tranh minh hỏa cho truyện kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LXXIII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng đó học trong bài 36.

– 2 HS lờn bảng viết cỏc từ: *ngày hội, võy cỏ, cõy cối, cỏi xay,...*

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối toàn bộ bài 36.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Hỏi: Cỏc em đó được học những vần gỡ trong tuần qua?

– GV ghi bảng cỏc vần HS nhắc lại lờn bảng.

– GV treo bảng ụn và giới thiệu: Cỏc em vừa được học cỏc vần cú kết thỳc bằng õm *i,y*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn tập những kiến thức đó học.

2.2. Ổn tập

• *Cỏc chữ và õm đó học*

– GV cho HS phõn biệt *ai/ay* bằng quan sỏt bàn tay và cỏi tai.

– GV yờu cầu HS đọc tiếp nối cỏ nhõn theo tay mỡnh chỉ trong bảng ụn trang 76. SGK.

– Gọi 2 HS lờn bảng chỉ õm, vần do GV đọc chỉ.

• *Ghộp chữ thành vần*

– GV treo bảng ụn trang 76 SGK hoặc dựng bảng gài.

– GV nói: Lấy từng chữ ở hàng dọc ghộp với từng chữ ở hàng ngang ta sẽ được cỏc õm. Vớ dụ: *a* ghộp với *i* ta được tiếng *ai*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV gi□i thi□u: Nh□ng ụ màu tớm là nh□ng ụ khụng ghộp □□□c v□n.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn.

LXXIV. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *□□c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 76.

– T□ ch□c cho HS □□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS.

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ t□p vi□t tựy theo trỡnh □□ c□a HS.

• *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Tranh minh h□a cho □o□n th□ □ng d□ng, qua □o□n th□ ta th□y □□□c tỡnh yờu con thi□t tha c□a ng□□i m□.

– □□c t□ng cõu th□ rừ ràng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

• K□ chuy□n:*Cõy kh□*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *Cõy kh□*.

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a t□ng tranh v□ là gỡ. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ Hai anh em cú gỡ khỏc nhau?

+ Cõy kh□ c□a ng□□i em cú gỡ l□?

+ Nh□ □õu ng□□i em tr□ nờn giàu cú?

+ Ng□□i anh làm gỡ khi th□y em mỡnh tr□ nờn giàu cú?

+ Vỡ sao ng□□i anh b□ r□i xuúng bi□n?

+ Cõu chuy□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hỡnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Cõy kh□

Nhà kia cú hai anh em, b□ m□ m□t s□m. Ng□□i anh tham lam cũn ng□□i em thỡ th□t thà hi□u th□o. Ng□□i anh l□y v□, ra □ riờng, chia cho em m□i m□t cõy kh□ □ gúc v□□n. Ng□□i em li□n làm nhà c□nh cõy kh□ và ch□m súc cõy. Cõy kh□ ra r□t nhi□u qu□ to và ng□t.

M□t hụm, cú m□t con □□i bàng r□t to t□ □õu bay t□i. □□i bàng □n kh□ và h□a s□ □□a ng□□i em ra m□t hũn □□o r□t nhi□u vàng b□c, chõu bỏu. Ng□□i em theo □□i bàng □□n hũn □□o □ú và nghe l□i □□i bàng, ch□ nh□n l□y m□t ớt vàng b□c. Tr□ v□ nhà, ng□□i em thành ng□□i giàu cú.

Ng□□i anh sau khi nghe chuy□n c□a em li□n b□t em □□i cõy kh□ l□y nhà c□a, ru□ng v□□n c□a mỡnh.

R□i m□t hụm, con □□i bàng l□i □□n □n kh□. Ng□□i anh c□ng theo □□i bàng ra □□o. Nh□ng khỏc v□i ng□□i em, ng□□i anh l□y quỏ nhi□u vàng b□c. Khi ngang qua bi□n, □□i bàng □u□i s□c vỡ ch□ n□ng quỏ. Nú x□ cỏnh, ng□□i anh bi r□i xu□ng bi□n.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 38 EO, AO

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *eo, ao*.

• □□c và vi□t □□□c *eo, ao, chỳ mốo, ngụi sao*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *eo, ao* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Giú, mõy, m□a, bóo l□.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *tu□i th□, □ụi □□a, mõy bay, nh□y dõy,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 37.

– G□i HS n□i ti□p nhau k□ l□i truy□n *Cõy kh□*.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *eo, ao*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) eo

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *eo* và h□i: V□n *eo* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *eo* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: e – o – eo và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *eo* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *mốo*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: e – o – eo – m□ – eo – meo – huy□n – mốo.

– GV vi□t t□ khúa *chỳ mốo* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: eo – mốo – chỳ mốo theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *chỳ mốo*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV vi□t lờn b□ng *eo, chỳ mốo* theo m□u ch□ quy □□nh. V□a vi□t v□a nh□c l□i quy trỡnh vi□t.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *eo, chỳ mốo*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ao (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ao*.

– So sỏnh *ao* với *eo*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

LXXVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *eo, ao, chỳ mốo, ngại sao.*

* *Đọc cõu lệnh dựng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu lệnh dựng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Khung cảnh trong tranh vẽ cú gỡ đẹp?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc đoạn thể lệnh dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu lệnh dựng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *eo, ao, chỳ mốo, ngại sao* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh hoạ (nếu có) hoặc cho HS quan sát tranh minh hoạ trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Hóy chỉ và núi hiện tượng thiờn nhiờn trong tranh?

+ Bầu trời nhỡ thế nào khi cú giú (mưa, bóo)?

+ Bóo, lũ cú hại gỡ cho đời sống của con người?

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS hửng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV cú thể cho HS núi thành bài (3 – 5 cõu) về một hiện tượng thời tiết mà em cú dịp quan sỏt.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV cú thể tổ chức cho HS tỡm tiếng cú vần *eo, ao* tiếp sức.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 39 AU, ÂU

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *au, õu*.

• Đọc và viết được *au, õu, cỗy cau, cỏi cầu*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *au, õu* bất kỳ trong văn bản.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Bà chỏu.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• S□ch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *cỏi kộo, leo trốo, trỏi □ào, chào c□*,...

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 38.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *au, õu*. – HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) au

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *au* và h□i: V□n *au* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *au* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: a – u – au và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *au* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *cau*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: a – u – au – c□ – au – cau.

– GV vi□t t□ khúa *cõy cau* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: au – cau – cõy cau theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *cõy cau.*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV vi□t lờn b□ng *au, cõy cau* theo m□u ch□ quy □□nh. V□a vi□t v□a nh□c l□i quy trỡnh vi□t.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *au, cõy cau*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, khoảng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) õu (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *õu.*

– So sỏnh *õu* v□i *au.*

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Rau c□i: lo□i rau th□□ng cú lỏ to, m□m, màu xanh, th□□ng dựng trong cỏc b□a □n.

+ Lau s□y: cõy thõn dài cựng h□ v□i lỳa, lỏ dài th□□ng m□c □ ven b□ n□□c.

+ Chõu ch□u: b□ cỏnh th□ng, □□u trũn, thõn m□p, màu nõu và vàng, nh□y gi□i, □n h□i lỳa.

+ Sỏo s□u: lo□i sỏo □□u tr□ng, c□ □en, l□ng màu nõu xỏm, b□ng tr□ng, ki□m □n t□ng □ụi trờn n□□ng bói.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

LXXVIII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *au, õu, cỗy cau, cởi cửu.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Chim chào mào cú đặc điểm gỡ dễ nhận ra?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc đoạn thơ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *au, õu, cỗy cau, cởi cửu* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Mỗi người trong tranh đang làm gỡ?

+ Bà thường dạy em những gỡ?

+ Bà cú hay kể chuyện cho em nghe khụng? Bà em hay kể chuyện gỡ?

+ Hóy kể một kỉ niệm của em với bà.

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chốm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV cú thể cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu về bà của mỡnh.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *au, õu* ti□p s□c.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 40 IU, ÊU

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *iu, ờu*.

• □□c và vi□t □□□c *iu, ờu, l□□i rỡu, cỏi ph□u*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *iu, ờu* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ai ch□u khú?

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *rau c□i, lau s□y, chõu ch□u, sỏo s□u.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 39.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *iu, ờu*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) iu

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *iu* và h□i: V□n *iu* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *iu* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: i – u – iu và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *iu* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *rỡu*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: i – u – iu – r□ – iu – riu – huy□n – rỡu.

– GV vi□t t□ khúa *l□□i rỡu* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: iu – rỡu – l□□i rỡu theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *l□□i rỡu*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV viết lờn bảng *iu, lưỡi rỡu* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết *iu, lưỡi rỡu*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ờu (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ờu*.

– So sỏnh *ờu* với *iu*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Cõy nờu: là cõy tre cao, trờn thường cú treo trấu cau và bựa để yểm ma quỷ, cắm trước nhà trong những ngày Tết.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

LXXX. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *iu, ờu, lưỡi rỡu, cỏi phễu*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Cõy trỏi trong vườn cú gỡ lạ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo h□nh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *iu, ờu, l□□i rỡu, cỏi ph□u* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ M□i con v□t trong tranh □ang làm gỡ?

+ Theo em, trong cỏc con v□t trờn con nào ch□u khú nh□t?

+ Hóy k□ v□ con v□t mà em thớch nh□t.

+ Th□ nào là ch□u khú?

+ Là HS em c□n ph□i làm gỡ?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t con v□t mà em thớch.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *iu, ờu* ti□p s□c.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 41 IÊU, YÊU

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ìu, yàu*.

• □□c và vi□t □□□c *ìu, yàu, di□u sáo, yàu quý*.

• Tìm □□□c cóc ti□ng cú ch□a v□n *ìu, yàu* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cóc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Bộ t□ gi□i thi□u?

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *lớu lo, ch□u khú, cõy nờu, kờu g□i,...*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 40.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ièu, yèu*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ièu

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ièu* và h□i: V□n *ièu* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ièu* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: i – ờ – u – ièu và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ièu* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *di□u*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: i – ờ – u – ièu – d□ – ièu – dièu – huy□n – di□u.

– GV vi□t t□ khúa *di□u sỏo* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ièu – di□u – di□u sỏo theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *di□u sỏo*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV vi□t lờn b□ng *ièu, di□u sỏo* theo m□u ch□ quy □□nh. V□a vi□t v□a nh□c l□i quy trỡnh vi□t.

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ièu, di□u sỏo*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) yèu (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *yèu*.

– So sỏnh *yèu* v□i *ièu*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Buổi chiều: khoảng thời gian từ sau trưa đến trước tối.

+ Hiểu bài: nhận biết được những gỡ GV giảng và vận dụng được để làm bài tập.

+ Già yếu: tuổi già sức yếu.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

LXXXII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *iờu, yờu, diều sỏo, yờu cầu.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc đoạn thơ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu phẩy.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *iờu, yờu, diều sỏo, yờu quý* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện núi hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện núi dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Cỏc bạn trong tranh đang làm gỡ?

+ Khi nào chỳng ta c□n gi□i thi□u v□ mỡnh cho m□i ng□□i bi□t?

+ Chỳng ta k□ gỡ v□ mỡnh khi gi□i thi□u v□i m□i ng□□i?.

+ Hóy gi□i thi□u v□ em cho cỏc b□n nghe: tờn, tu□i, n□i □, s□ thớch, gia □ỡnh,…

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS t□ gi□i thi□u v□ mỡnh.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *iờu, yờu* ti□p s□c.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 42 ƯU, ƯƠU

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n □*u*, □□*u*.

• □□c và vi□t □□□c □*u*, □□*u*, *trỏi l□u, h□□u sao*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n □*u*, □□*u* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: H□, bỏo, g□u, h□□u, nai, voi.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXXIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *bu□i chi□u, hi□u bài, yờu c□u, yờu chi□u.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 41.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n □*u, □□u*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) □u

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n □*u* và h□i: V□n □*u* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n □*u* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: □ – u – □u và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n □*u* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *l□u*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: □ – u – □u – l□ – □u – l□u – n□ng – l□u.

– GV vi□t t□ khúa *trỏi l□u* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: □u – l□u – trỏi l□u theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *trỏi l□u*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV viết lờn bảng ưu, *trỏi lựu* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỡnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết ưu, *trỏi lựu*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) Đọc (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần ưu.

– So sỏnh ưu với ưu.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Cừu: con vật cựng họ với dờ, nuụi để lấy thịt, lụng.

+ Mưu trớ: mưu kế và tài trớ.

+ Bưu rửu: để đồ chứa rượu hỡnh quả bầu nậm.

+ Bướu cổ: một cơn bệnh ở người do thiếu iốt dẫn tới biểu hiện là cú một cục thịt ở cổ.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

LXXXIV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết ưu, ưu, *trỏi lựu, hưu sao*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Cỏc con vật ra đời vào thời điểm nào?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo h□nh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y, d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t □*u, □□u, trỏi l□u, h□□u sao* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Hóy ch□ và núi tờn t□ng con v□t trong tranh?

+ Nh□ng con v□t này s□ng □ □õu?

+ Con nào là thỳ □n th□t?.

+ Con nào là thỳ □n c□, lỏ cõy?

+ Con nào là thỳ d□ nguy hi□m?

+ Em cũn bi□t nh□ng con v□t nào n□a?

+ Hóy k□ v□ m□t con v□t mà em bi□t: h□nh dỏng, n□i s□ng, th□c □n, □□c □i□m.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u tr□nh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t con v□t mà m□nh bi□t..

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n □*u, □□u* ti□p s□c.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 43 ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp được cỏc õm với cỏc vần và dấu thanh để học để tạo thành cỏc tiếng mới.

• Đọc, viết đỳng, đỏp tốt cỏc cỏc vần, từ ngữ đó học.

• Đọc được cỏc từ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Sói và Cừu*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh hỏa trong SGK.

• Tranh minh hỏa cho truyện kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

LXXXV. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng đó học trong bài 42.

– 2 HS lờn bảng viết cỏc từ: *chày cối, mẫu trớ, bầu rượu, bầu cử*.

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối toàn bộ bài 42.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– H□i: Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

– GV ghi b□ng cỏc v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a □□□c h□c cỏc v□n cú k□t thỳc b□ng õm *u*, hay *o*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc v□n v□a h□c*

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV □□c ch□.

• *Ghộp õm thành v□n*

– GV treo b□ng ụn trang 88 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: L□y t□ng ch□ □ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc õm. Vớ d□: *a* ghộp v□i *u* ta □□oc ti□ng *au*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc ti□ng ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV gi□i thi□u: Nh□ng ụ màu tớm là nh□ng ụ khụng ghộp □□□c v□n.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn.

LXXXVI. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *□□c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 88.

– T□ ch□c cho HS □□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS. GV cú th□ gi□i thớch nh□ng t□ ng□ mà HS ch□a hi□u (n□u c□n).

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ t□p vi□t tựy theo trỡnh □□ c□a HS.

• *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Sỏo s□u là con v□t nh□ th□ nào?

– □□c t□ng cõu □ng d□ng rừ ràng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

• K□ chuy□n: *Súi và C□u*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *Súi và C□u*.

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a truy□n □□ HS ghi nh□. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ C□u g□p chú súi trong hoàn c□nh nào?

+ Chú súi mu□n gỡ □ c□u?

+ Chú súi là con v□t nh□ th□ nào?

+ Nh□ □õu mà c□u thoỏt ch□t?

+ Cõu chuy□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hỡnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Súi và C□u

Cú m□t con C□u □ang g□m c□ trờn cỏnh □□ng. M□i □n, C□u □i mói, ra t□n gi□a bói, ch□ng th□y búng dỏng m□t ng□□i quen nào. M□t con Chú Súi □ang l□ng

l□n □i tỡm th□c □n b□ng g□p C□u. Nú ch□c m□m □□□c m□t b□a ngon lành. Nú ti□n l□i và núi:

– Này C□u, hụm nay mày t□n s□ r□i. Tr□□c khi ch□t mày cú mong mu□n gỡ khụng?

C□u nhanh trớ tr□ l□i:

– Tụi nghe núi, súi là b□c anh hựng. Tr□□c khi □n Súi bao gi□ c□ng hỏt. V□y c□ sao □n th□t tụi mà anh l□i khụng hỏt lời?

Súi ngh□ con m□i này khụng th□ thoỏt □□□c. Nú li□n h□ng gi□ng r□i c□t ti□ng s□a th□t to.

T□n cu□i bói, ng□□i ch□n c□u b□ng nghe ti□ng gào c□a Chú Súi. Anh li□n ch□y nhanh □□n. Súi v□n □ang ng□a m□t lời, r□ng ụng □ng. Ng□□i ch□n c□u li□n giỏng cho nú m□t g□y. C□u thoỏt n□n.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 44 ON, AN

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *on, an*.

• □□c và vi□t □□□c *on, an, m□ con, nhà sàn*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *on, an* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Bộ và b□n bố.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *ao bốo, cỏ s□u, kỡ di□u, dóy nỳi,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 43.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau k□ l□i chuy□n *Súi và C□u*.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *on, an*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) on

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *on* và h□i: V□n *on* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *on* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: o – n – on và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *on* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *con*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỗnh chỉ: o – n – on – cờ – oc – con.

– GV viết tờ khúa *mẹ con* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: on – con – mẹ con theo hỗnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhửng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *mẹ con.*

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV viết lờn bảng *on, mẹ con* theo mẫu chữ quy định. Vừa viết vừa nhắc lại quy trỗnh viết.

– GV tổ chức cho HS viết *on, mẹ con.* GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) an (quy trỗnh tương tự)

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *an.*

– So sỏnh *an* với *on.*

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ửng dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ửng dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ửng dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ửng dụng theo hỗnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

LXXXVIII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *on, an, m□ con, nhà sàn.*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Gia □ỡnh nhà Th□ □ang làm gỡ? Gia □ỡnh nhà G□u □ang làm gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *on, an, m□ con, nhà sàn* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Cỏc b□n trong tranh ch□i v□i nhau nh□ th□ nào?

+ Em th□□ng ch□i trũ ch□i gỡ v□i b□n?

+ Hóy k□ v□ m□t ng□□i b□n thõn c□a em □ tr□□ng ho□c □ nhà.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ ng□□i b□n thõn c□a em.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ t□ ch□c cho HS tỡm t□ cú v□n *on, an* ti□p s□c.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 45 ÂN, Ă – ĂN

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *õn, □n*.

• □□c và vi□t □□□c *õn, □n, cỏi cõn, con tr□n*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *õn, □n* b□t k□ trong v□n b□n.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: N□n □□ ch□i.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

LXXXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *rau non, hũn □ỏ, th□ hàn, bàn gh□,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 44.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa tỏ khúa và hỏi: Tranh vỏ gỡ?

– Giỏi thiỏu: Hụm nay lỏp mỡnh cựng hỏc vỏn *õn, ỏn.* – HS dỏi lỏp ỏc ỏng thanh theo.

2.2. Dỏy vỏn

a) õn

• *Nhỏn diỏn vỏn*

– GV viỏt bỏng vỏn *õn* và hỏi: Vỏn *õn* ỏỏc tỏo bỏi nhỏng õm nào?

– GV yờu cỏu HS ghộp vỏn *õn* trong bỏ chỏ HVTV.

• *Ỏnh vỏn*

– Ỏnh vỏn mỏu: ỏ – n – õn và cho HS Ỏnh vỏn lỏi theo hỡnh thỏc cỏ nhõn, nhúm, cả lỏp.

– GV hỏng dỏn HS ỏc trỏn *õn* theo hỡnh thỏc cỏ nhõn, nhúm, lỏp.

– GV yờu cỏu HS ghộp tiỏng *cõn.*

– GV Ỏnh vỏn mỏu và cho HS Ỏnh vỏn theo tay mỡnh chỏ: ỏ – n – õn – cả – õn – cõn.

– GV viỏt tỏ khúa *cỏi cõn* và gỏi HS ỏc.

– GV gỏi HS tiỏp nỏi nhau ỏc trỏn: õn – cõn – cỏi cõn theo hỡnh thỏc: cỏ nhõn, nhúm, cả lỏp.

– GV chỏnh sỏa lỏi phỏt õm cho HS (nỏu cú), nhỏn xột khen ngỏi nhỏng HS phỏt õm ỏỳng.

– GV yờu cỏu HS ghộp tỏ *cỏi cõn.*

– Nhỏn xột, khen ngỏi nhỏng HS ghộp nhanh và ỏỳng.

• *Viỏt*

– GV viỏt lờn bỏng *õn, cỏi cõn* theo mỏu chỏ quy ỏỏnh. Vỏa viỏt vỏa nhỏc lỏi quy trỡnh viỏt.

– GV tỏ chỏc cho HS viỏt *õn, cỏi cõn.* GV quan sỏt chỏnh sỏa cho HS. Lỏu ý nhỏc HS cỏch nỏi giỏa cỏc con chỏ, khoỏng cỏch giỏa cỏc chỏ.

– Nhỏn xột, khen ngỏi nhỏng HS viỏt ỏỳng, ỏỏp, chỏnh sỏa cho HS viỏt chỏa ỏỳng, chỏa ỏỏp.

b) ỏn (quy trỡnh tỏỏng tỏ).

Lỏu ý:

– C□u t□o c□a v□n □*n*.

– So sánh □*n* v□i *õn*.

– Cách n□i gi□a các con ch□, cách vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c các t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thích t□ □ng d□ng b□ng cách h□i HS ho□c cho HS quan sát m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thích □□□c, GV gi□i thích cho HS hi□u.

– GV t□ ch□c cho HS □□c các t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

XC. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t □*n, õn*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sát tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ B□n Lờ mu□n khoe v□i b□n mỡnh □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tích m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *õn, □n, cỏi cõn, con tr□n* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sát tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo các cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ M□i b□n n□n □□ ch□i gỡ?

+ □□ ch□i th□□ng □□□c n□n b□ng gỗ?

+ Em □ó bao gi□ ch□i n□n □□ ch□i ch□a?

+ Em thớch nh□t □□ ch□i nào?

+ Khi ch□i □□ ch□i b□ng b□t, hay □□t n□n chỳng ta ph□i chỳ ý □i□u gỡ?

+ Hóy k□ v□ m□t mún □□ ch□i mà em thớch nh□t.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ múm □□ ch□i mà em thớch nh□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS ti□p n□i nhau tỡm t□ cú v□n *õn, □n.*

– GV ghi b□ng nh□ng t□ HS tỡm □□□c. Nh□n xột, khen ng□i HS tỡm □□□c nhi□u t□.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 46 ÔN, ƠN

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ụn, □n.*

• □□c và vi□t □□□c *ụn, □n, con ch□n, s□n ca.*

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *õn, □n.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Mai sau khụn l□n.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sởch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XCI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *b□n thõn, g□n g□i, kh□n r□n, d□n dũ,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 45.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Tranh v□ con ch□n và chim s□n ca. Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ụn, □n*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ụn

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ụn* và h□i: V□n *ụn* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ụn* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ụ – n□ – ụn và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ụn* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *ch□n*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: ụ – n□ – ụn – ch□ – ụn – chụn – huy□n – ch□n.

– GV vi□t t□ khúa *con ch□n* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ụn – ch□n – con ch□n theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *con ch□n.*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ụn, con ch□n.* GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □n (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □*n.*

– So sỏnh □*n* v□i *ụn*

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ ễn bài: h□c l□i ho□c nh□c l□i nh□ng □i□u □ó h□c.

+ Khụn l□n: ch□ s□ tr□□ng thành, s□ hi□u bi□t c□a m□t ng□□i nào □ú.

+ M□n m□n: s□ non m□□t, t□□i t□t c□a cõy lỏ.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

XCII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ụn, □n, con ch□n, s□n ca.*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ụn, □n, con ch□n, s□n ca* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Mai sau em thớch làm ngh□ gỡ?

+ Vỡ sao em l□i thớch làm ngh□ □ú?

+ Mu□n th□c hi□n □□□c □□c m□ em ph□i làm gỡ?

+ Hóy k□ v□ □□c m□ c□a em.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ □□c m□ c□a em.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 47 EN, ÊN

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *en, ờn*.

• □□c và vi□t □□□c *en, ờn, l□ sen, con nh□n*.

• Tì□m □□□c c□c ti□ng cú ch□a v□n *en, ờn*.

• □□c □□□c c□c t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Cỏc v□ trớ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XCIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *ụn bài, khụn l□n, c□n m□a, m□n m□n,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 46.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *en, ờn*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) en

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *en* và h□i: V□n *en* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yêu cầu HS ghộp vần *en* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: e – nờ – en và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *en* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yêu cầu HS ghộp tiếng *sen*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: e – nờ – en – sờ – en – sen.

– GV viết tờ khúa *lỏ sen* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: en – sen – lỏ sen theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yêu cầu HS ghộp tờ *lỏ sen*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV tổ chức cho HS viết *en, lỏ sen*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ờn (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ờn*.

– So sỏnh *ờn* với *en*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ứng dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ứng dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Mỗi tờn: vẽ mỗi tờn cho HS quan sỏt.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

XCIV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *en, ờn, lỏ sen, con nhộn.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ những con vật nào? Chỳng đang ở đõu?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc đoạn thơ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *en, ờn, lỏ sen, con nhộn* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch cầm bỳt cỏch nhau 1 nụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Cỏi bàn ở vị trớ nào?

+ Con chú, con mốo, cỏi ghế, quả búng nằm ở vị trớ nào của cỏi bàn?

+ Bờn dưới con mốo là những gỡ?

+ Bờn trỏi con chú là gỡ?

+ Bờn trờn con chú là những gỡ?

+ Bờn trỏi em là bạn nào?

+ Bờn phải em là bạn nào?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV cú thể cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu về vị trớ những vật xung quanh em.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV cú th□ □□a ra 1 □o□n v□n, □o□n th□ b□t k□ □□ HS tõm t□ cú v□n *en, ờn*.

– Nh□n xột, □ỏnh giỏ m□i □□i ch□i tõm ch□.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 48 IN, UN

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *in, un*.

• □□c và vi□t □□□c *in, un, □ốn pin, con giun*.

• Tõm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *in, un*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Núi l□i xin l□i.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XCV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *ỏo len, khen ng□i, m□i tờn, n□n nhà,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 47.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

m□i. Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *in, un*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) in

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *in* và h□i: V□n *in* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *in* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: i – n□ – in và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *in* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *pin*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: i – n□ – in – p□ – in – pin.

– GV vi□t t□ khúa *□ốn pin* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: in – pin – □ốn pin theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *□ốn pin*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *in, □ốn pin*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) un (quy trõnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *un*.

– So sỏnh *un* v□i *in*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ M□a phựn: m□a nh□ nh□ng dày h□t, kộo dài nhi□u ngày, th□□ng cú vào mựa □ụng □ mi□n B□c.

+ Xin l□i: xin □□□c tha th□ vỡ bi□t l□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

XCVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *in, un, □ốn pin, con giun.*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ nh□ng con v□t nào? Chỳng □ang làm gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *in, un, □ốn pin, con giun* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Vỡ sao b□n l□i bu□n?

+ Khi □i h□c mu□n cú ph□i xin l□i cụ giỏo và cỏc b□n khụng?

+ Khi nào ph□i núi l□i xin l□i?

+ Em □ó bi□t núi xin l□i ch□a?

+ Hóy k□ v□ m□t l□n em m□c l□i?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t l□n em m□c l□i.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *in, un.*

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 49 IÊN, YÊN

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *iờn, yờn*

• □□c và vi□t □□□c *iờn, yờn. □ốn □i□n, con y□n.*

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *iờn, yờn.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Bi□n c□.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

XCVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *nhà in, xin l□i, m□a phựn, vun x□i,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 48.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a t□ khúa và h□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Trong t□ *□ốn □i□n, con y□n* cú v□n *iờn, yờn* m□i. Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *iờn, yờn*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) iờn

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *iờn* và h□i: V□n *iờn* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *iờn* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: iờ – n□ – iờn và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *iờn* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *□i□n*

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: iờ – n□ – iờn – □□ – iờn – □iờn – n□ng – □i□n.

– GV vi□t t□ khúa *□ốn □i□n* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ời – □i□n – □ốn □i□n theo hình th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *□ốn □i□n*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ời, □ốn □i□n*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) ờn (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *ờn*.

– So sỏnh *ờn* v□i *ời*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Cỏ bi□n: loài cỏ s□ng □ bi□n.

+ Ờn ng□a: v□t □□t lờn l□ng ng□a □□ ng□□i c□□i.

+ Ờn vui: s□ bỡnh ờn và vui v□ trong cu□c s□ng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

XCVIII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ời, ờn, □ốn □i□n, con y□n*.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ con v□t nào? Chùng □ang làm gì?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hình th□c cá nhân, nhóm, l□p. Ch□nh s□a l□i phát âm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y, d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phân tích m□t s□ ti□ng trong câu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yêu c□u HS vi□t *iòn, yòn, □ốn □i□n, con y□n* trong v□ Tập vi□t.

– L□u ý nh□c HS cách ch□ cách nhau 1 ụ vuụng con, cách ti□ng cách nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sát tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gì?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cách câu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gì?

+ Trờn m□t bi□n cú gì?

+ N□□c bi□n màu gì?

+ Bi□n cho con ng□□i nh□ng gì?

+ Em □ó □i bi□n bao gi□ ch□a?

+ Bi□n cú gì □□p?

+ Hóy k□ v□ chuy□n □i bi□n c□a em

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phát bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trình □□ HS khỏ, GV cú th□ cho HS núi thành bài 3 – 5 câu v□ chuy□n □i bi□n c□a em.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tìm t□ cú v□n *ờn, yờn*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 50 UÔN, ƯƠN

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *uụn, ươn*.

• Đọc và viết được *uụn, ươn, chuồn chuồn, vườn vai*.

• Tìm được cỏc tiếng cú chứa vần *uụn, ươn*.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Chuồn chuồn, chõu chấu, cào cào.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

XCIX. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết: *nhà in, xin lỗi, mưa phựn, vun xới,...*

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc từ, cõu ứng dụng và phần luyện nói của bài 49.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa từ khúa và hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần cú õm cuối *n* đú là vần *uụn, …n*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) uụn

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *uụn* và hỏi: Vần *uụn* được tạo bởi nhưng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *uụn* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: uụ – nờ – uụn và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *uụn* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *chuẩn*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chữ: uụ – nờ – uụn – chờ – uụn – chuụn – huyền – chuẩn.

– GV viết tờ khúa *chuẩn chuẩn* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: uụn – chuẩn – chuẩn chuẩn theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhưng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *chuẩn chuẩn*.

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV tổ chức cho HS viết *uụn, chuẩn chuẩn*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) Đọn (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *…n*.

– So sỏnh *…n* với *uụn*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, tờ đọng dọng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ í mu□n: □i□u mong mu□n s□ th□c hi□n □□□c.

+ Con l□□n: lo□i cỏ n□□c ng□t, thõn trũn, dài nh□ r□n, da tr□n cú nh□t, mà nõu vàng, s□ng trong bựn.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

C. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *u□n, □□n, chu□n chu□n, v□□n vai.*

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y, d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *u□n, □□n, chu□n chu□n, v□□n vai* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1 □ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ nh□ng con gỡ?

+ Em □ó nhõn th□y con chu□n chu□n, chõu ch□u, cào cào bao gi□ ch□a?

+ Hóy nói v□ m□t trong ba con trờn: hỡnh dỏng, màu s□c, n□i s□ng, th□c □n.

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV cú thể cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu về con chuồn chuồn, chõu chấu, cào cào.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tiếng cú vần *uụn, uốn*.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 51 ÔN TẬP

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp được cỏc õm với cỏc vần và dấu thanh để học sinh tạo thành cỏc tiếng mới.

• Đọc, viết đỳng, đẹp tất cả cỏc vần, từ ngữ đó học.

• Đọc được cỏc từ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Chia phần*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh hoạ trong SGK.

• Tranh minh hoạ cho truyện kể.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS □□c ti□p n□i cỏc ti□ng □ó h□c trong bài 50.

– 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□: *cu□n dõy, ý mu□n, con l□□n, v□□n vai.*

– G□i HS d□□i l□p □□c ti□p n□i toàn b□ bài 50.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: + Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ cỏc v□n □ú?

– GV ghi b□ng cỏc v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a □□□c h□c cỏc v□n cú k□t thỳc b□ng õm *n*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc v□n v□a h□c*

– GV ch□ vào tranh minh h□a và h□i: □õy là hoa gỡ? Ti□ng *lan* cú v□n gỡ?

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV □□c ch□.

• *Ghộp õm thành v□n*

– GV treo b□ng ụn trang 104 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: L□y t□ng ch□ □ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc õm. Vớ d□: *a* ghộp v□i *n* ta □□□c v□n *an*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc v□n ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn.

CII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• □□*c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 104.

– T□ ch□c cho HS □□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS. GV cú th□ gi□i thớch nh□ng t□ ng□ mà HS ch□a hi□u (n□u c□n).

+ Cu□n cu□n: s□ chuy□n □□ng nh□ cu□n l□p này ti□p theo l□p khỏc, d□n d□p, m□nh m□.

+ Thụn b□n: khu v□c dõn c□ sinh s□ng c□a m□t s□ vựng dõn t□c.

+ V□□n: loài kh□ cú hỡnh dỏng gi□ng nh□ ng□□i, khụng cú □uụi, hai chi tr□□c r□t dài, cú ti□ng hút hay.

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ T□p vi□t tựy theo trỡnh □□ c□a HS.

• □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

– GV □□c t□ng cõu □ng d□ng rừ ràng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Nh□c HS ng□t h□i sau d□u ph□y, ngh□ h□i sau d□u ch□m.

• K□ chuy□n: *Chia ph□n*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *Chia ph□n*.

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a truy□n □□ HS ghi nh□. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ Hai ng□□i s□n □□□c m□y con sỳc?

+ Chuy□n gỡ x□y ra khi h□ khụng th□ chia ph□n b□ng nhau?

+ Ng□□i ki□m c□i chia ph□n nh□ th□ nào?

+ Cõu chuy□n khuyòn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hỡnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Chia ph□n

Cú hai ng□□i □i s□n. T□ s□m □□n g□n t□i h□ ch□ s□n □□□c cú ba chỳ súc nh□. Khi quay tr□ v□, h□ tỡm cỏch chia s□ súc v□a s□n □□□c.

H□ chia □i chia l□i, chia mói nh□ng ph□n c□a hai ng□□i v□n khụng □□u nhau. Lỳc □□u cũn vui v□, sau h□ □õm ra b□c mỡnh, nỳi nhau ch□ng ra gỡ.

V□a khi □y, cú m□t ng□□i ki□m c□i □i qua. Anh ki□m c□i li□n □□t gỏnh c□i xu□ng r□i nghe hai ng□□i nỳi. Ng□m ngh□ m□t lỳc, anh ki□m c□i l□y s□ súc ra chia.

– Cỏc anh □i s□n v□t v□. M□i anh □□u nh□n □□□c m□t con. Cũn tụi chia giỳp cỏc anh, tụi c□ng nh□n □□□c m□t con.

Th□ là s□ súc □ú □□□c chia □□u.Th□t cụng b□ng! C□ ba ng□□i vui v□ chia tay, ai v□ nhà n□y.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 52 ONG, ÔNG

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ong, ụng*.

• □□c và vi□t □□□c *ong, ụng, cỏi vừng, dũng sụng*..

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ong, ụng*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: □ỏ búng.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *cu□n cu□n, con v□□n, thụn b□n,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 51.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần cú õm cuối *ng* đú là vần *ong, ụng*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) ong

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *ong* và hỏi: Vần *ong* được tạo bởi nhưng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ong* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: o – ngờ – ong và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ong* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong tờ cỏi vừng cú vần *ong?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *vừng*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: o – ngờ – ong – vờ – ong – vong – ngó – vừng.

– GV viết tờ khúa *cỏi vừng* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ong – vừng – cỏi vừng theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhưng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *cỏi vừng*.

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV tổ chức cho HS viết *ong, cỏi vừng*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ụng (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ụng*.

– So sỏnh *ụng* với *ong*.

– Cách nối giữa các con chữ, cách viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dưới*

– GV gọi HS đọc các từ ngữ dưới trong SGK. GV có thể giải thích từ ngữ dưới bằng cách hỏi HS hoặc cho HS quan sát mẫu vật thật. Nếu HS khựng giải thích được, GV giải thích cho HS hiểu.

+ Con ong: loài côn trùng cánh màng, có ngòi đốt ở đuôi, thường sống thành đàn, một số loài hút mật hoa để làm mật.

+ Cụng viờn: nơi mọi người đến vui chơi, giải trớ.

– GV tổ chức cho HS đọc các từ ngữ dưới theo hình thức cá nhân, nhóm, lớp.

CIV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đó cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ong, ụng, cỏi vừng, dũng sụng.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sát tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? Bỗnh minh trờn biển cú gỡ đẹp?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc đoạn thơ ứng dụng theo hình thức cá nhân, nhóm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV có thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *ong, ụng, cỏi vừng, dũng sụng* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo các cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Đỏ búng thưởng là trũ chơi của ai?

+ Đỏ búng cú lợi gỡ?

+ Chừng ta nờn đỏ búng vào thời gian nào? Đ Đõu?

+ Sau này lớn lờn em cú thớch làm cậu thỏ búng đỏ khụng? Vỡ sao?

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS hỏng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tỡ cú vần *ong, ụng.*

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 53 ĂNG, ÂNG

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *ăng, õng.*

• Đọc và viết được *ăng, õng, măng tre, nhà tầng.*

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *ăng, õng.*

• Đọc được cỏc tỡ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Võng lời cha mẹ.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CV. <u>TIẾT 1</u>

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *con ong, vũng trũn, cõy thụng, cụng viờn,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 52.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n cú õm cu□i *ng* □ú là v□n □*ng*, *õng*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) □ng

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n □*ng* và h□i: V□n □*ng* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n □*ng* trong b□ ch□ HVTV.

• □*ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ỏ – ng□ – □ng và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n □*ng* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *m□ng tre* cú v□n □*ng?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *m□ng*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỗnh chỉ: ỏ – ngờ – ơng – mờ – ơng – mơng.

– GV viết tờ khúa *mơng tre* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ơng – mơng – mơng tre theo hỗnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhửng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *mơng tre*.

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV tổ chức cho HS viết đ*ng, mơng tre*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chửa đỳng, chửa đẹp.

b) õng (quy trỗnh tửơng tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *õng*.

– So sỏnh *õng* với ơng.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, tờ ửng dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc tờ ửng dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch tờ ửng dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Nõng niu: cầm trờn tay với tỗnh cảm trõn trọng, yờu quý.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc tờ ửng dụng theo hỗnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CVI. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết đ*ng, õng, mơng tre, nhà tửng*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? Vỡ sao em bi□t □õy là c□nh ban □ờm?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c □o□n th□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ng□t h□i sau d□u ph□y, ngh□ h□i sau d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t □*ng, õng, m□ng tre, nhà t□ng* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ gỡ?

+ B□n nh□ trong tranh □ang làm gỡ?

+ Võng l□i cha m□ cú l□i gỡ?

+ Th□ nào là võng l□i cha m□?

+ Em cú võng l□i cha m□ khụng?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n □*ng, õng*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 54 UNG, ƯNG

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *ung*, *ưng*.

• Đọc và viết được *ung*, *ưng*, *bụng sừng*, *sưng húp*.

• Tìm được cỏc tiếng cú chứa vần *ung*, *ưng*.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Rừng, thung lũng, suối, đốo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CVII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết: *rừng dừa, phỏng lũng, vũng trũng, nõng niu,...*

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc tờ, cõu ứng dụng và phần luyện nói của bài 53.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *ung*, *ưng*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ung

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ung* và h□i: V□n *ung* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yêu c□u HS ghộp v□n *ung* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: u – ng□ – ung và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ung* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *bụng sùng* cú v□n *ung?*

– GV yêu c□u HS ghộp ti□ng *sùng*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: u – ng□ – ung – s□ – ung – sung – s□c – sùng.

– GV vi□t t□ khúa *bụng sùng* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ung – sùng – bụng sùng theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yêu c□u HS ghộp t□ *bụng sùng*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ung, bụng sùng*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □ng (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □*ng*.

– So sỏnh □*ng* v□i *ung*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Cõy sung: lo□i cõy cú qu□ m□c t□ng chựm trờn thõn và cỏc cành to, khi chớn qu□ màu □□, □n □□□c.

+ Trung thu: ngày t□t c□a thi□u nhi (ngày 15 thỏng 8 õm l□ch hàng n□m).

+ C□ g□ng: lo□i c□ cú v□ cay, cú nhi□u nhỏnh, dựng □□ làm thu□c ho□c gia v□.

+ Vui m□ng: vui, thớch thỳ khi m□i vi□c di□n ra nh□ ý mu□n.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CVIII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ung, □ng, bụng sỳng, s□ng h□□u*..

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ nh□ng hi□n t□□ng thiờn nhiờn nào?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV g□i HS gi□i cõu □□.

– Nh□n xột, k□t lu□n l□i gi□i □ỳng: m□t tr□i, s□m, m□a.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ung, □ng, bụng sỳng, s□ng h□□u* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Hóy ch□ và núi tờn t□ng s□ v□t cú trong bài luy□n núi?

+ Em □ó □i r□ng bao gi□ ch□a? □ r□ng cú gỡ l□?

+ N□□c su□i cú màu gỡ?

+ □ốo cú □□c □i□m gỡ?

+ Hóy k□ nh□ng □i□u em bi□t v□ r□ng, thung l□ng, su□i, □ốo.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *ung, □ng*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 55 ENG, IÊNG

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *eng, iờng*.

• □□c và vi□t □□□c *eng, iờng, l□□i x□ng, tr□ng, chiờng*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *eng, iờng*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ao, h□, gi□ng.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• S□ch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *cõy sung, trung thu, c□ g□ng, vui m□ng*...

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 54.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *eng, iờng*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) eng

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *eng* và h□i: V□n *eng* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *eng* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: e – ng□ – eng và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *eng* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *l□□i x□ng* cú v□n *eng?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *x□ng*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: e – ng□ – eng – x□ – eng – xeng – h□i – x□ng.

– GV vi□t t□ khúa *l□□i x□ng* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: eng – x□ng – l□□i x□ng theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *l□□i x□ng*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *eng, l□□i x□ng*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) iờng (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *iờng*.

– So sỏnh *iờng* v□i *eng*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Cỏi k□ng: m□t d□ng c□ khi gừ phỏt ra ti□ng kờu □□ bỏo hi□u.

+ Xà beng: v□t dựng □□ l□n, b□y cỏc v□t n□ng.

+ C□ ri□ng: lo□i cõy cựng h□ v□i g□ng, thõn ng□m hỡnh c□, v□ cay và th□m, dựng làm gia v□.

+ Bay li□ng: bay l□□n và chao nghiờng trờn khụng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CX. TIếT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *eng, iờng, l□□i x□ng, tr□ng chiờng*.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Thỏi □□ c□a b□n nh□ ra sao khi □ang h□c bài mà cỏc b□n r□ □i □ỏ búng?

– Gi□i thi□u: Kiờn trỡ, v□ng vàng dự cho ai cú núi gỡ thỡ v□n gi□ ý ki□n c□a mỡnh chớnh là n□i dung c□a cõu □ng d□ng.

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *eng, iờng, l□□i x□ng, tr□ng chiờng* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Hóy ch□ và núi tờn t□ng s□ v□t cú trong bài luy□n núi?

+ Ao th□□ng cú □ õu?

+ Ao dựng □□ làm gỡ?

+ Ao, h□, gi□ng cú gỡ gi□ng nhau?

+ Gi□ng dựng □□ làm gỡ?

+ H□ dựng □□ làm gỡ?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ ao, h□, gi□ng.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *eng, ờìng*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 56 UÔNG, ƯƠNG

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *uụng*, □□*ng*.

• □□c và vi□t □□□c *uụng*, □□*ng*, *qu□ chuụng*, *con* □□□*ng*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *uụng*, □□*ng*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: □□ng ru□ng.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *cỏi k□ng, xà beng, c□ ri□ng, bay li□ng.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 55.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *uụng, □□ng*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) uụng

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *uụng* và h□i: V□n *uụng* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *uụng* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– □ỏnh v□n m□u: uụ – ng□ – uụng và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *uụng* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *qu□ chuụng* cú v□n *uụng?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *chuụng*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: uụ – ng□ – uụng – ch□ – uụng – chuụng.

– GV vi□t t□ khúa *qu□ chuụng* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: uụng – chuụng – qu□ chuụng theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *qu□ chuụng*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *u□ng, qu□ chu□ng*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □□ng (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □□*ng*.

– So sỏnh □□*ng* v□i *u□ng*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Rau mu□ng: lo□i rau □n thõn, th□□ng tr□ng □ n□i cú n□□c.

+ Lu□ng cày: khi cày □□t l□t lờn thành nh□ng □□□ng rónh g□i là lu□ng.

+ N□□ng r□y: □□t tr□ng tr□t c□a □□ng bào trung du, mi□n nỳi.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CXII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *u□ng, □□ng, qu□ chu□ng, con □□□ng*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Thỏi □□ c□a m□i ng□□i nh□ th□ nào?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yêu c□u HS vi□t *u□ng, □□ng, qu□ chu□ng, con □□□ng* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS c□c ch□ c□ch nhau 1□ vu□ng con, c□c ti□ng c□ch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo c□c cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Tranh v□ c□nh □□ng ru□ng □ □õu?

+ Khụng khớ trờn □□ng ru□ng nh□ th□ nào?

+ □õu là ru□ng b□c thang?

+ Ai tr□c ti□p làm ra lỳa g□o, ngụ, khoai, s□n?

+ Chỳng ta c□n cú thỏi □□ nh□ th□ nào v□i nh□ng ng□□i nụng dõn?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ ng□□i nụng dõn.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *u□ng, □□ng* trong m□t □o□n th□ hay □o□n v□n.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 57 ANG, ANH

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ang, anh*.

• □□c và vi□t □□□c *ang, anh, cõy bàng, cành chanh*..

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ang, anh*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Bu□i sỏng.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *rau mu□ng, lu□ng cày, nhà tr□□ng, n□□ng r□y*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 56.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ang, anh*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ang

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ang* và h□i: V□n *ang* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ang* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: a – ng□ – ang và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ang* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *cõy bàng* cú v□n *ang?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *bàng*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: a – ng□ – ang – b□ – ang – bang – huy□n – bàng.

– GV vi□t t□ khúa *cõy bàng* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ang – bàng – cõy bàng theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *cõy bàng*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ang, cõy bàng*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) anh (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *anh*.

– So sỏnh *ang* v□i *anh*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Buụn làng: n□i □ c□a ng□□i dõn t□c.

+ H□i c□ng: n□i neo □□u c□a tàu, thuy□n □i bi□n ho□c buụn bỏn trờn bi□n.

+ Bỏnh chưng: loại bỏnh làm bằng gạo nếp, đỗ xanh, hành, thịt lợn, được gúi bằng lỏ dong vào nhằng dập tắt.

+ Hiền lành: tớnh tỡnh rất hiền trong quan hệ đối xử với người khỏc.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc tổ ợng dẫng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXIV. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ang, anh, cõy bàng, cành chanh.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *ang, anh, cõy bàng, cành chanh* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Cõy là cảnh ở đõu?

+ Buổi sỏng mọi người làm gỡ?

+ Buổi sỏng em thường làm gỡ?

+ Buổi sỏng ở nhà em mọi người thường làm gỡ?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV tổ chức cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu về buổi sỏng ở nhà em.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tiếng cú vần *ang, anh* trong một đoạn thơ hay đoạn văn.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 58 INH, ÊNH

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *inh, ờnh*.

• Đọc và viết được *inh, ờnh, mỏy vi tớnh, dũng kờnh*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *inh, ờnh*.

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Mỏy cày, mỏy nổ, mỏy khõu, mỏy tớnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh họa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *buụn làng, h□i c□ng, bỏnh ch□ng, hi□n lành.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 58.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *inh, ờnh*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) inh

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *inh* và h□i: V□n *inh* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *inh* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: i – nh□ – inh và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *inh* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *mỏy vi tớnh* cú v□n *inh?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *tớnh*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: i – nh□ – inh – t□ – inh – tinh – s□c – tớnh.

– GV vi□t t□ khúa *mỏy vi tớnh* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: inh – tớnh – mỏy vi tớnh theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *mỏy vi tớnh*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV tổ chức cho HS viết *inh, mỏy vi tớnh*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ờnh (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *inh*.

– So sỏnh *ờnh* với *inh*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Đỡnh làng: ngụi đỡnh của làng, nơi dõn làng thường tổ hợp bàn việc làm, tổ chức lễ hội.

+ Thụng minh: hiểu nhanh, tiếp thu tốt.

+ Bệnh viện: nơi khỏm chữa bệnh và những người ốm đau vào điều trị.

+ Đỉnh đồng: loài vật giống như ốc, nhỏi.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *inh, ờnh, mỏy vi tớnh, dũng kờnh*..

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □□ theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV t□ ch□c cho HS gi□i cõu □□.

– GV nh□n xột, k□t lu□n l□i gi□i □ỳng: cỏi thang.

– GV cú th□ cho HS phõn tỏch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *inh, ỡnh, mỏy vi tớnh, dũng kỡnh* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Ch□ và nói tờn t□ng v□t trong tranh?

+ Trong cỏc lo□i mỏy trờn, em □ó th□y lo□i mỏy nào?

+ Mỏy cày th□□ng cú □ □õu? Dựng □□ làm gỡ?

+ Hóy nói v□ m□t lo□i mỏy trờn mà em bi□t: hỡnh dỏng, □□c □i□m, cụng d□ng.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t lo□i mỏy mà em bi□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *inh, ỡnh*.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 59 ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp đợc cỏc õm vỏi cỏc vần và dấu thanh đó học để tạo thành cỏc tiếng mỏi.

• Đọc, viết đỳng, đỏp tốt cỏc cỏc vần, tỏ ngữ đó học.

• Đọc đợc cỏc tỏ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Quạ và Cụng*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh hỏa trong SGK.

• Tranh minh hỏa cho truyện kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CXVII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng đó học trong bài 58.

– 2 HS lờn bảng viết cỏc tỏ: *lỗnh làng, thụng minh, bỏnh viện, ỏnh đốn,*

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối toàn bộ bài 58.

– Nhận xột, cho điểm tửng HS.

2. Dạy – học bài mỏi

2.1. Giới thiệu bài

– H□i: + Cỏc em đ□ đ□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ cỏc v□n đ□?

– GV ghi b□ng cỏc v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a đ□□c h□c cỏc v□n cú k□t thỳc b□ng õm *ng, nh*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c đ□ h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc v□n v□a h□c*

– GV ch□ vào tranh minh h□a và h□i: Tranh minh h□a cho ti□ng gỡ? Trong ti□ng đ□ cú v□n gỡ?

– GV yờu c□u HS đ□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV đ□c ch□.

• *Ghộp õm thành v□n*

– GV treo b□ng ụn trang 120 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: L□y t□ng ch□ đ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ đ hàng ngang ta s□ đ□□c cỏc õm. Vớ d□: *a* ghộp v□i *ng* ta đ□oc v□n *ang*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau đ□c cỏc v□n ghộp đ□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ đ□ HS đ□c cỏc ti□ng v□a ghộp đ□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS đ□c đ□ỳng. Nh□c HS ụ màu tớm là nh□ng v□n khụng ghộp đ□□c

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau đ□c toàn b□ng ụn.

CXVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Đ□c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS đ□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 104.

– T□ ch□c cho HS đ□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS. GV cú th□ gi□i thớch nh□ng t□ ng□ mà HS ch□a hi□u (n□u c□n)

+ Bỡnh minh: bu□i sỏng s□m khi m□t tr□i v□a m□c.

+ Nhà rụng: nhà đ□ t□ h□p ch□a ng□□i dõn trong làng, b□n dõn t□c đ Tõy Nguyờn.

+ N□ng chang chang: n□ng to, núng n□c.

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ t□p vi□t tự theo trỡnh □□ c□a HS.

• *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

+ Mõy và bụng cú □□c □i□m gỡ gi□ng nhau?

– GV □□c t□ng cõu □ng d□ng rừ ràng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Nh□c HS ng□t h□i sau d□u ph□y, ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

• K□ chuy□n: *Qu□ và Cụng*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *Qu□ và Cụng*.

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a truy□n □□ HS ghi nh□. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ Cụng và Qu□ bàn nhau □i□u gỡ?

+ Qu□ v□ cho Cụng nh□ th□ nào? K□t qu□ ra sao?

+ Cụng là con v□t nh□ th□ nào?

+ Khi □ang v□ Qu□ ngh□ □□n □i□u gỡ? Nú núi gỡ v□i Cụng?

+ Cụng □ó v□ cho Qu□ nh□ th□ nào? K□t qu□ ra sao?

+ Cõu chuy□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo h□nh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Qu□ và Cụng

Ngày x□a b□ lụng c□a Qu□ và Cụng ch□a cú màu nh□ bõy gi□. M□t hụm chỳng bàn nhau □i tễm màu □□ v□ cho th□t □□p.

Qu□ v□ cho Cụng tr□□c. Qu□ v□ r□t khộo. Tho□t tiờn nú dựng màu xanh tụ □□u, c□ và mỡnh Cụng. R□i nú l□i nh□n nha t□a v□ cho t□ng chi□c lụng □ □uụi Cụng. M□i chi□c lụng □□u □□□c v□ nh□ng vũng trũn nh□ và □□□c tụ màu úng ỏnh r□t □□p. V□ xong, Cụng cũn ph□i xũe □uụi ph□i cho th□t khụ.

□□n l□n Cụng v□ cho Qu□. Cụng v□n khụng khộo tay, nờn lỳng tỳng l□m. B□ng cú ti□ng l□n kờu, trong làng □ang cú □ỏm. Qu□ ngh□: Giỏ k□p thỡ mỡnh s□ ki□m □□□c b□a ngon lành. Qu□ li□n gi□c Cụng:

– V□ nhanh lờn. Mỡnh khụng □a màu lũe lo□t.

B□ gi□c, Cụng l□i càng lỳng tỳng. Ti□ng l□n kờu ngày m□t to. Qu□ s□t ru□t. Nú b□o Cụng □□ h□t cỏc màu lờn mỡnh nú. Cụng khuyờn mói ch□ng □□□c, □ành làm theo l□i b□n.

C□ b□ lụng Qu□ b□ng tr□ nờn xỏm x□t, □en t□i. Qu□ h□p t□p bay □i. Nú ch□ng cũn tõm trớ □õu mà □□ ý □□n b□ lụng c□a mỡnh lỳc này.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 60 OM, AM

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *om, am*.

• □□c và vi□t □□□c *om, am, làng xóm, r□ng tràm*.

• Tõm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *om, am*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Núi l□i c□m □n.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *bỡnh minh, nhà rụng, n□ng chang chang*.

– G□i HS n□i ti□p nhau k□ chuy□n *Qu□ và Cụng*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 59.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *om, am*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) om

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *om* và hỏi: Vần *om* được tạo bởi nhỡng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *om* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– Đỏnh vần mẫu: o – mờ – om và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *om* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong tờ *làng xúm* cú vần *om?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *xúm.*

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: o – mờ – om – xờ – om – xom – sắc – xúm.

– GV viết tờ khúa *làng xúm* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: om – xúm – làng xúm theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhỡng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *làng xúm.*

– Nhận xột, khen ngợi nhỡng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết*

– GV tổ chức cho HS viết *om, làng xúm*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhỡng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) am (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *am*.

– So sánh *am* với *om*.

– Cách nối giữa các con chữ, cách viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dùng*

– GV gọi HS đọc các từ ngữ dùng trong SGK. GV có thể giải thích từ ngữ dùng bằng cách hỏi HS hoặc cho HS quan sát mẫu vật thật. Nếu HS khựng giải thích được, GV giải thích cho HS hiểu.

+ Chũm rõu: rõu của người đàn ụng mọc nhiều, thành chũm.

+ Đom đúm: con vật rất nhỏ, cú thể phỏt sỏng vào ban đờm.

– GV tổ chức cho HS đọc các từ ngữ dùng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXX. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *om, am, làng xúm, rừng tràm,...*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sát tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? Đõu là cảnh trời nắng? Đõu là cảnh trời mưa?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu đó theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *om, am, làng xúm, rừng tràm* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Theo em bạn nhỏ sẽ nói gỡ với mẹ?

+ Khi nào cần nói lời cảm ơn?

+ Núi lời cảm ơn mang lại cho mình và người khác điều gì?

+ Hãy nói về một lần em biết nói lời cảm ơn.

– Nhận xét, khen ngợi những HS hăng hái phát biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trình độ HS khá, GV tổ chức cho HS nói thành bài 3 – 5 câu về một lần nói lời cảm ơn của em.

3. Củng cố, dặn dò

– GV tổ chức cho HS thi tìm tiếng có vần *om, am.*

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 61 ĂM, ÂM

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *ăm, ôm.*

• Đọc và viết được *ăm, ôm, nuụi tằm, hỏi năm.*

• Tìm được cỏc tiếng cú chứa vần *ăm, ôm.*

• Đọc được cỏc từ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Thỏ, ngày, thỏng, năm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *chũm rõu, □om □úm, qu□ trỏm, trỏi cam,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 60.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n □*m, õm*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) □m

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n □*m* và h□i: V□n □*m* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n □*m* trong b□ ch□ HVTV.

• □*ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ỏ – m□ – □m và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n □*m* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *nuụi t□m* cú v□n □*m?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *t□m*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: ỏ – m□ – □m – t□ – □m – t□m – huy□n – t□m.

– GV vi□t t□ khúa *nuụi t□m* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: □m – t□m – nuụi t□m theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *nuụi t□m*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *ăm, nuụi tằm*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) õm (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *õm*.

– So sỏnh *õm* với *ăm*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Mầm non: mầm cõy non mới mọc, hay bậc học đầu tiờn trước khi em đi học lớp 1.

+ đường hầm: con đường dưới lũng đất.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXXII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ăm, õm, nuụi tằm, hỏi năm*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm.

– GV cú th cho HS phõn tích m t s ting trong cõu ng d ng.

• *Luy n vi t*

– GV yờu c u HS vi t *m, õm, nuụi t m, hỏi n m* trong v Tp vi t.

– L u ý nh c HS cỏc ch cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ting cỏch nhau 1 con ch o.

• *Luy n nói*

– GV treo tranh minh h a (n u cú) ho c cho HS quan sỏt tranh minh h a trong SGK và h i: Ch luy n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch vào b c tranh và t ch c cho HS luy n nói d a theo cỏc cõu h i sau:

+ Tranh v gỡ?

+ Quy n l ch dựng làm gỡ?

+ Th i khúa bi u dựng làm gỡ?

+ Hụm nay là th m y? Ngày bao nhiờu? Thỏng nào? N m nào?

+ Bi t ngày, thỏng, n m làm gỡ?

+ Trong n m em thớch ngày, thỏng nào nh t?

– Nh n xột, khen ng i nh ng HS h ng hỏi phỏt bi u, ch m ch luy n nói. N u trỡnh HS khỏ, GV t ch c cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v m t ngày em thớch nh t.

3. C ng c , d n dũ

– GV t ch c cho HS thi tỡm t cú v n *m, õm* cú trong o n v n hay o n th .

– GV t ch c cho HS c l i toàn bài.

– Nh n xột ti t h c.

– D n HS v nhà h c bài, làm bài và chu n b bài sau.

Bài 62 ÔM, ƠM

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ụm, □m.*

• □□c và vi□t □□□c *ụm, □m, con tụm, □□ng r□m..*

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ụm, □m.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: B□a c□m.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXIII. <u>TIếT 1</u>

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *t□m tre, □□ th□m, m□m non, con □□□ng.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 61.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ụm, □m.* HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ụm

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ụm* và h□i: V□n *ụm* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yêu c□u HS ghộp v□n *ụm* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ụ – m□ – ụm và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ụm* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *con tụm* cú v□n *ụm?*

– GV yêu c□u HS ghộp ti□ng *tụm.*

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: ụ – m□ – ụm – t□ – ụm – tụm.

– GV vi□t t□ khúa *con tụm* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ụm – tụm – con tụm theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yêu c□u HS ghộp t□ *con tụm.*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ụm, con tụm.* GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □m (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □*m.*

– So sỏnh □*m* v□i *õm.*

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Chú ỏm: loài chú cú bộ lụng ỏm.

+ Sỏng sớm: khi trời mới sỏng, chưa cú ỏnh mặt trời.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXXIV. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ụm, ỏm, con tụm, đồng rỏm*..

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *ụm, ỏm, con tụm, đồng rỏm* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ B□a c□m gia □ỡnh b□n cú nh□ng ai?

+ Nhà em th□□ng sum h□p b□a c□m gia □ỡnh vào khi nào?

+ Em cú thớch □n c□m □ nhà khụng? Vỡ sao?

+ Khi □n c□m em chỳ ý □i□u gỡ?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t ngày sum h□p gia □ỡnh mà em nh□ nh□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *ụm, □m* cú trong □o□n v□n hay □o□n th□.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 63 EM, ÊM

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *em, ờm.*

• □□c và vi□t □□□c *em, ờm, con tem, sao □ờm.*

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *em, ờm.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Anh ch□ em trong nhà.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lòn b□ng vi□t: *chú □□m, chụm chụm, sởng s□m, mựi th□m,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 62.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *em ,ờm*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) em

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *em* và h□i: V□n *em* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *em* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: e – m□ – em và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *em* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *con tem* cú v□n *em?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *tem*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: e – m□ – em – t□ – em – tem.

– GV vi□t t□ khúa *con tem* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: em – tem – con tem theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tỡ *con tem.*

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *em, con tem.* GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ờm (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ờm.*

– So sỏnh *ờm* với *em.*

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Trẻ em: chỉ những em bộ nỳi chung.

+ Ghế đẩm: ghế cú lút đệm, ngồi cho ờm.

+ Mầm mỉ: mầm, gỉ cằm giỏc khi sỏ.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXXVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *em, ờm, con tem, sao đờm.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hõnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *em, ờm, con tem, sao* □ờm trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh cú nh□ng ai?

+ H□ □ang làm gỡ?

+ Anh ch□ em trong nhà ph□i c□ x□ v□i nhau nh□ th□ nào?

+ Là anh, ch□, em ph□i làm gỡ v□i em nh□?

+ Hóy k□ v□ anh, ch□ hay em c□a em?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ anh, ch□, em c□a mỡnh.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *em ,ờm* n□i ti□p.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 64 IM, UM

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *im, um.*

• □□c và vi□t □□□c *im, um, chim cõu, trụm kh□n..*

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *im, um.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Xanh, □□, tớm, vàng.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *tr□ em, que kem, gh□ □□m, m□m m□i.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 63.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *im, um*. HS đọc lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) im

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *im* và hỏi: Vần *im* được tạo bởi nhửng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *im* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: i – mờ – im và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hửớng dẫn HS đọc trơn *im* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong từ *chim cõu* cú vần *im?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *chim.*

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: i – mờ – im – chờ – im – chim.

– GV viết từ khúa *chim cõu* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: im – chim – chim cõu theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhửng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp từ *chim cõu.*

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *im, chim cõu.* GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chửa đỳng, chửa đẹp.

b) um (quy trỡnh tửơng tự).

Lưu ý:

– C□u t□o c□a v□n *um*.

– So sánh *um* v□i *im*.

– Cách n□i gi□a các con ch□, cách vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c các t□ □ng d□ng trong SGK. GV có th□ gi□i thích t□ □ng d□ng b□ng cách h□i HS ho□c cho HS quan sát m□u v□t th□t. N□u HS khung gi□i thích □□□c, GV gi□i thích cho HS hi□u.

+ Con nhím: con v□t nh□, có b□ lông nh□n, khi g□p k□ thù nó xù lông lên.

+ Tr□n tìm: □ây là trò ch□i dân gian, nhi□u ng□□i □i tr□n, m□t ng□□i □i tìm.

+ T□m t□m: c□□i nh□ nh□, khoe nhe r□ng và khoe h□ mũi.

+ M□m m□m: t□ ch□ em b□ m□p m□p, xinh x□n.

– GV t□ ch□c cho HS □□c các t□ □ng d□ng theo hình th□c cá nhân, nhóm, l□p.

CXXVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trên b□ng, sau □ó c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lên b□ng vi□t *im, um, chim cõu, trụm kh□n*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sát tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gì?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hình th□c cá nhân, nhóm, l□p. Ch□nh s□a l□i phát âm cho HS. Nh□c HS nghe h□i sau m□i dùng th□.

– GV cú th□ cho HS phân tích m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yêu c□u HS vi□t *im, um, chim cõu, trụm kh□n* trong v□ Th□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cách ch□ cách nhau 1□ vuông con, cách ti□ng cách nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh hoạ (nếu có) hoặc cho HS quan sát tranh minh hoạ trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ gỡ?

+ Hóy chỉ tờng vật trong tranh và núi màu sắc của nú?

+ Em biết nhỡng vật gỡ cú màu xanh, đỏ, tớm, vàng?

+ Trong bốn màu trờn em thớch màu nào nhất? Vỡ sao?

+ Em cũn biết nhỡng màu nào nữa?

+ Hóy kể về một mún đồ chơi cú màu sắc của em.

– Nhận xột, khen ngợi nhỡng HS hỡng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện núi. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV tổ chức cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu về mún đồ chơi của mỡnh.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tiếng cú vần *im, um* nối tiếp.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 65 IÊM, YÊM

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *iờm, yờm.*

• Đọc và viết được *iờm, yờm, dưa xiờm, cỏi yếm.*

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *iờm, yếm.*

• Đọc được cỏc tờ ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: điểm mười.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CXXIX. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết: *con nhớm, trốn tỡm, tủm tỉm, mỉm mỉm.*

– Gọi HS đọc lần nối tiếp nhau đọc từ, cõu ứng dụng và phần luyện nói của bài 64.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *ờm, ợm*. HS đọc lần lượt đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) ờm

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *ờm* và hỏi: Vần *ờm* được tạo bởi những õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ờm* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: ờ – mờ – ờm và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ờm* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sát tranh minh họa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong tờ *dưa xiờm* cú vần *iờm?*

– Giới thiệu: dưa xiờm: loại dưa thõn lựn, quả nhỏ, nước rất ngọt.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *xiờm.*

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỗnh chữ: iờ – mờ – iờm – xờ – iờm – xiờm.

– GV viết tờ khúa *dưa xiờm* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: iờm – xiờm – dưa xiờm theo hỗnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *dưa xiờm.*

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *iờm, dưa xiờm.* GV quan sát chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) yờm (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *yờm.*

– So sỏnh *yờm* với *iờm.*

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sát mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỗnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXXX. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *iờm, yờm, d□a xiờm, cỏi y□m.*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ng□t h□i sau d□u ph□y, ngh□ h□i sau d□u ch□m.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *iờm, yờm, d□a xiờm, cỏi y□m* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh □ □õu?

+ Khi em □□□c □i□m m□□i nh□ng ai vui m□ng?

+ Ph□i h□c nh□ th□ nào thỡ m□i th□□ng xuyờn □□□c □i□m m□□i?

+ L□p mỡnh b□n nào □□□c nhi□u □i□m m□□i nh□t?

+ Hóy k□ v□ m□t l□n em □□□c □i□m m□□i.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ l□n em □□□c □i□m m□□i em nh□ nh□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *iờm, yờm* n□i ti□p.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 66 UÔM, ƯƠM

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *uụm, □□m*.

• □□c và vi□t □□□c *uụm, □□m, cỏnh bu□m, làn b□□m*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *uụm, □□m*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ong, b□□m, chim, cỏ c□nh.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXXI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *thanh ki□m, quý hi□m, õu y□m, y□m dói*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 65.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *uụm,* □□*m*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) uụm

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *uụm* và h□i: V□n *uụm* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *uụm* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: uụ – m□ – uụm và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *uụm* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *cỏnh bu□m* cú v□n *uụm?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *bu□m.*

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: uụ – m□ – uụm – b□ – uụm – buụm – huy□n – bu□m.

– GV vi□t t□ khúa *cỏnh bu□m* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: uụm – bu□m – cỏnh bu□m theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *cỏnh bu□m.*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *uụm, cỏnh bu□m.* GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □□m (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □□*m.*

– So sánh □□*m* với *uụm*.

– Cách nối giữa các con chữ, cách viết dấu thanh.

• □□*c tiếng, từ ngữ dùng*

– GV gọi HS □□c các từ ngữ dùng trong SGK. GV cú thể giải thích từ ngữ dùng bằng cách hỏi HS hoặc cho HS quan sát mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thích □□□c, GV giải thích cho HS hiểu.

+ Ao chuụm: ao, hồ núi chung.

+ Nhuộm vải: làm cho vải cú màu khỏc lại.

+ V□□n □□m: vườn cõy giống chuyờn □□ trồng, □□m cõy giống.

+ Chỏy □□□m: chỏy to và lõu tàn.

– GV tổ chức cho HS □□c các từ ngữ dùng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXXXII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện □□c*

– GV gọi 3 – 5 HS □□c lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp □□c đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *uụm, □□m, cỏnh buồm, đàn b□□m*.

* □□c cõu ứng dụng

– GV cho HS quan sát tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau □□c cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS ngắt hơi sau dấu phẩy, nghỉ hơi sau dấu chấm.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *uụm, □□m, cỏnh buồm, đàn b□□m* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện núi*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện núi hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện núi dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh v□ nh□ng con v□t nào?

+ Ch□ vào tranh và g□i tờn t□ng con v□t?

+ Trong s□ cỏc con v□t này, con nào s□ng d□□i n□□c?

+ Chim sõu cú l□i gỡ?

+ Cỏ c□nh □□ làm gỡ?

+ Ong cú l□i gỡ?

+ B□□m cú l□i gỡ?

+ Em thớch con v□t nào trong s□ cỏc con v□t trờn. Hóy k□ v□ nú.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ con v□t mà em thớch nh□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *uụm, □□m* n□i ti□p.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 67 ÔN TẬP

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• Ghộp □□□c cỏc õm v□i cỏc v□n và d□u thanh □ó h□c □□ t□o thành cỏc ti□ng m□i.

• □□c, vi□t □ỳng, □□p t□t c□ cỏc v□n, t□ ng□ □ó h□c.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□, cõu cú trong bài h□c.

• Nghe, hi□u và k□ l□i theo tranh truy□n k□ □*i tõm b□n*.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• S□ch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• B□ng ụn trong SGK.

• Tranh minh h□a trong SGK.

• Tranh minh h□a cho truy□n k□.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXXIII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS □□c ti□p n□i c□c ti□ng □ó h□c trong bài 67.

– 2 HS lờn b□ng vi□t c□c t□: *ao chuụm, nhu□m v□i, v□□n □□m, ch□y □□□m,...*

– G□i HS d□□i l□p □□c ti□p n□i toàn b□ bài 66.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: + C□c em □ó □□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ c□c v□n □ú?

– GV ghi b□ng c□c v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: C□c em v□a □□□c h□c c□c v□n cú k□t th□c b□ng õm *m*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *C□c v□n v□a h□c*

– GV ch□ vào tranh minh h□a và h□i: Tranh minh h□a cho ti□ng gỡ? Trong ti□ng □ú cú v□n gỡ?

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i c□ nhừn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV □□c ch□.

• *Ghộp õm thành v□n*

– GV treo b□ng ụn trang 136 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: lấy từng chữ ở hàng dọc ghộp với từng chữ ở hàng ngang ta sẽ được cỏc vần. Vớ dụ: *a* ghộp với *m* ta được vần *am*.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc cỏc vần ghộp được theo thứ tự từng hàng.

– GV chỉ bảng khụng theo thứ tự để HS đọc cỏc tiếng vừa ghộp được.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS đọc đỳng.

– GV gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc toàn bảng ụn.

CXXXIV. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Đọc từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK trang 104.

– Tổ chức cho HS đọc từ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. GV chỉnh sửa phỏt õm cho HS. GV cú thể giải thớch những từ ngữ mà HS chưa hiểu (nếu cần).

+ Lưỡi liềm: dụng cụ làm bằng sắt, thộp, cú răng cưa để cắt cỏ, gặt hỏi.

+ Xõu kim: luồn sợi chỉ qua lỗ kim.

+ Nhúm lửa: làm cho chỏy lờn thành ngọn lửa.

• *Hướng dẫn viết từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS viết chữ cũn lỗi trong vở tập viết tựy theo trỡnh độ của HS.

• *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

– GV đọc từng cõu ứng dụng rừ ràng.

– GV tổ chức cho HS đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Nhắc HS ngắt hơi sau dấu phẩy, nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

• Kể chuyện: *Đi tỡm bạn*

– GV treo tranh minh hỏa truyện kể (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK.

– Hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng nghe cụ (thầy) kể chuyện *Đi tỡm bạn*.

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a truy□n □□ HS ghi nh□. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ Súc và Nhớm ch□i thõn v□i nhau nh□ th□ nào?

+ Vỡ sao Súc bu□n?

+ Súc g□p l□i Nhớm khi nào?

+ Súc hi□u ra □i□u gỡ v□ b□n?

+ Cõu chuy□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hỡnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

□i tỡm b□n

Súc và Nhớm là □ụi b□n thõn. Chỳng th□□ng nụ □ựa, hỏi hoa, □ào c□ cựng nhau.

Nh□ng cú m□t ngày giú l□nh t□ □õu kộo v□. R□ng cõy thi nhau trỳt lỏ, kh□p n□i l□nh giỏ. Chi□u □□n, Súc ch□y □i tỡm Nhớm. Th□ nh□ng □ □õu c□ng ch□ th□y c□ cõy im lỡm, Nhớm thỡ bi□t t□m. V□ng b□n, Súc bu□n l□m.

G□p b□n Th□, Súc bốn h□i Th□ cú th□y b□n Nhớm □ □õu khụng? Th□ l□c □□u b□o khụng, khi□n Súc càng thờm bu□n bó. □ụi l□c nú ngh□ d□i: Hay Nhớm b□ Súi b□t m□t r□i. Súc l□i ch□y □i tỡm Nhớm kh□p n□i.

Mói □□n khi mưa xuốn □□a □m ỏp □□n t□ng nhà. Cõy c□i thi nhau n□y l□c, chim hút vộo von, Súc m□i g□p l□i Nhớm. G□p l□i nhau chỳng vui l□m. Chỳng l□i

vui □ựa nh□ ngày nào. H□i chuy□n mói r□i Súc c□ng bi□t: C□ mựa □ụng □□n, h□ nhà Nhớm l□i ph□i □i tỡm ch□ trỏnh rột nờn c□ mựa □ụng, chỳng b□t tin nhau.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 68 OT, AT

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ot, at*.

• □□c và vi□t □□□c *ot, at, ti□ng hút, ca hỏt*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ot, at*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Gà gỏy, chim hút, chỳng em ca hỏt.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXXV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *l□□i li□m, xõu kim, nhúm l□a.*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 67.

– G□i HS ti□p n□i nhau k□ chuy□n □i tỡm b□n.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ot, at*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ot

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ot* và h□i: V□n *ot* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ot* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: o – t□ – ot và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ot* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *ti□ng hút* cú v□n *ot?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *hút.*

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: o – t□ – ot – h□ – ot – hút – s□c – hút.

– GV vi□t t□ khúa *ti□ng hút* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ot – hot – ti□ng hút theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *ti□ng hút.*

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *ot, tiếng hút*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) at (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *at*.

– So sỏnh *at* với *ot*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Bỏnh ngọt: loại bỏnh làm bằng bột mỡ và cỏc chất khỏc khi ăn cú vị ngọt.

+ Trỏi nhút: loại quả nhỏ, khi chớn màu đỏ, ăn rất chua.

+ Chẻ lạt: chẻ tre, nứa ra thành những sợi nhỏ để buộc.

+ Bói cỏt: khu vực khụng cú đất, thường ở ven sụng, ven biển.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXXXVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ot, at, tiếng hút, ca hỏt*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? Trồng cõy cú ớch lợi gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS ngắt hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú th cho HS phõn tớch m t s ting trong cõu ng dng.

• *Luyn vit*

– GV yờu cu HS vit *ot, at, ting hút, bói cỏt* trong v Tp vit.

– Lu ý nhc HS cỏc ch cỏch nhau 1 ụ vuụng con, cỏc ting cỏch nhau 1 con ch o.

• *Luyn nói*

– GV treo tranh minh ha (nu cú) hoc cho HS quan sỏt tranh minh ha trong SGK và hi: Ch luyn núi hụm nay là gỡ?

– GV ch vào bc tranh và t chc cho HS luyn núi da theo cỏc cõu hi sau:

+ Tranh v cnh gỡ?

+ Chim hút nh th nào?

+ Em hóy bt chc ting gà gỏy?

+ Em cú hay hỏt khụng?

+ Khi tham gia hỏt cựng cỏc bn em thy th nào?

+ Hóy k v mt ln em tham gia thi hỏt.

– Nhn xột, khen ngi nhng HS hng hỏi phỏt biu, chm ch luyn núi. Nu trỡnh HS khỏ, GV t chc cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v mt ln em tham gia thi hỏt.

3. Cng c, dn dũ

– GV t chc cho HS thi tỡm t cú vn *ot, at* trong on th hay on vn.

– GV t chc cho HS c li toàn bài.

– Nhn xột tit hc.

– Dn HS v nhà hc bài, làm bài và chun b bài sau.

Bài 69 ĂT, ÂT

I. MC TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n □*t, õt*.

• □□c và vi□t □□□c □*t, õt, r□a m□t, □□u v□t*.

• Tõm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n □*t, õt*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ngày ch□ nh□t.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXXVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *bỏnh ng□t, trỏi nhút, bói cỏt, ch□ l□t*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 68.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n □*t, õt*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) □t

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n □*t* và h□i: V□n □*t* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n □*t* trong b□ ch□ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: ỏ – tờ – ớt và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ớt* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hoạ và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong tờ *rựa một* cú vần *ựt?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *một.*

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: ỏ – tờ – ớt – mờ – ớt – một – nặng – một.

– GV viết tờ khúa *rựa một* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ớt – một – rựa một theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tờ *rựa một.*

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *ớt, rựa một.* GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) õt (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *õt.*

– So sỏnh *õt* với *ớt.*

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CXXXVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *□t, õt, r□a m□t, □□u v□t.*

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? Chỳ gà con cú gỡ □ỏng yờu?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ng□t h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *□t, õt, r□a m□t, □□u v□t* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Em th□□ng □□□c b□ m□ cho □i ch□i vào d□p nào?

+ Ngày ch□ nh□t em th□□ng làm gỡ?

+ Em cú thớch ngày ch□ nh□t khụng? Vỡ sao?

+ Hóy k□ v□ ngày ch□ nh□t c□a em

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ ngày ch□ nh□t c□a em.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tìm t□ cú v□n □t, õt ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 70 ÔT, ƠT

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ụt, □t*.

• □□c và vi□t □□□c *ụt, □t, c□t c□, cởi v□t*.

• Tìm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ụt, □t*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Nh□ng ng□□i b□n t□t.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXXXIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *□ụi m□t, b□t tay, m□t ong, th□t thà*.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 69.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ụt, □t*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ụt

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ụt* và h□i: V□n *ụt* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ụt* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ụ – t□ – ụt và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ụt* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *c□t c□* cú v□n *ụt?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *c□t*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: ụ – t□ – ụt – c□ – ụt – cụt – n□ng – c□t.

– GV vi□t t□ khúa *c□t c□* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ụt – c□t – c□t c□ theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *c□t c□*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ụt, c□t c□*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) Ột (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần Ột.

– So sỏnh Ột với ụt.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Cõn sột: Khi ẩm, nhiệt độ cú thể cú lỳc đột ngột tăng lờn cao.

+ Xay bột: làm cho cỏc loại hạt ngụ, gạo, đỗ,… bị nghiền nhỏ ra thành bột.

+ Quả Ột: loại quả nhỏ, cú vị cay, dựng làm gia vị hoặc thuốc.

+ Ngột mưa: trời đang mưa to, nặng hạt bỗng tạnh dần.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXL. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ụt, Ột, cột cờ, cỏi vột.*

* *Đọc cõu lệnh dựng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu lệnh dựng và hỏi:

+ Tranh vẽ cõy gỡ? Em hóy đoỏn xem cõy đa này được trồng từ khi nào?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu lệnh dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS ngắt hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu lệnh dựng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *ụt, Ột, cột cờ, cỏi vột* trong vở Tập viết.

– L□u ý nh□c HS c□c ch□ c□ch nhau 1□ vu□ng con, c□c ti□ng c□ch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo c□c cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Th□ nào là ng□□i b□n t□t?

+ Em cú □□i x□ t□t v□i b□n khụng? Em ch□i v□i b□n nh□ th□ nào?

+ Hóy k□ v□ ng□□i b□n t□t c□a em.

– Nh□n xột, khen ngợi nhửng HS hửng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ ng□□i b□n t□t c□a em.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *ựt, □t* ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 71 ET, ÊT

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *et, ờt*.

• □□c và vi□t □□□c *et, ờt, bỏnh tột, d□t v□i*.

• Tỡm □□□c c□c ti□ng cú ch□a v□n *et, ờt*.

• □□c □□□c c□c t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt triển lỏi núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Chủ Tết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CXLI. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết: *cần sắt, xay bột, quả ớt, ngọt mỏa.*

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc tờ, cõu ứng dụng và phần luyện núi của bài 70.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *et, ờt*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) et

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *et* và hỏi: Vần *et* được tạo bởi nhưng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *et* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: e – tờ – et và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *et* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong tỏ *bỏnh tột* cú vần *et?*

– Giỏi thiệu: bỏnh tột loại bỏnh cú nguyờn liệu làm giũng bỏnh chưng nhưng gúi thành hỡnh trỏ.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *tột*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: e – tờ – et – tờ – ột – tột – sắc – tột.

– GV viết tỏ khúa *bỏnh tột* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: et – tột – bỏnh tột theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhưng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tỏ *bỏnh tột*.

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *et, bỏnh tột*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi nhưng HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ờt (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ờt*.

– So sỏnh *ờt* với *et*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ứng dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ứng dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Một chữ: cỏc một cấu tạo thành chữ viết.

+ Sỏm sột: hiện tượng thường cú khi mưa to vào mựa hố.

+ Con rết: con vật nhỏ, cú nhiều chõn, cú nọc độc.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXLII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *et, ờt, bỏnh tột, dột vải.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cõy gỡ? Em hóy đoỏn xem nhỡng con chim này bay đi đõu?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết *et, ờt, bỏnh tột, dột vải* trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏch tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh hỏa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh hỏa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Cảnh chợ Tột cú gỡ vui?

+ Em đó được đi chợ Tột bao giờ chưa?

+ Hóy kể một buổi chợ Tột.

– Nhận xột, khen ngợi nhỡng HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV tổ chức cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu về buổi chợ Tột.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tiếng cú vần *et, ờt* tiếp nối.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 72 UT, ƯT

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ut, □t*

• □□c và vi□t □□□c *ut, □t, bỳt chỡ, m□t g□ng.*

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ut, □t.*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ngún ỳt, em ỳt, sau r□t.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXLIII. <u>TIếT 1</u>

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *nột ch□, s□m sột,con r□t, k□t b□n,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 71.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ut, □t* d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ut

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ut* và h□i: V□n *ut* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yêu c□u HS ghộp v□n *ut* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: u – t□ – ut và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ut* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *bỳt chụ* cú v□n *ut?*

– GV yêu c□u HS ghộp ti□ng *bỳt*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: eu – t□ – ut – b□ – ut – but – s□c – bỳt.

– GV vi□t t□ khúa *bỳt chụ* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ut – but – bỳt chỡ theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yêu c□u HS ghộp t□ *bỳt chỡ*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ut, bỳt chụ* GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, khoảng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □t (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □*t*.

– So sỏnh □*t* v□i *ut*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Chim cỳt: loài chim nh□, □□ tr□ng nh□ nh□ □□u ngún tay.

+ Sỳt búng: ho□t □□ng □ỏ m□nh vào qu□ búng.

+ S□t r□ng: r□ng b□ m□ khụng cũn lành.

+ N□t n□: hi□n t□□ng n□t thành nhi□u □□□ng ngang d□c ch□ng ch□t.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CXLIV. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ut, □t, bỳt chỡ, m□t g□ng,...*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ? Em hóy □oỏn xem cỏc b□n □ang nhỡn gỡ v□y?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *ut, □t, bỳt chỡ, m□t g□ng* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ nh□ng gỡ?

+ Đâu là ngún ỳt trờn bàn tay?

+ Đâu là con vật đi sau rốt?

+ Ngún ỳt, em ỳt, sau rốt cú đặc điểm gỡ chung?

+ Ở nhà em ai là con ỳt?

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS hửng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ, GV tổ chức cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu nói về ngửời em ỳt mà mỡnh biết.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tử cú vần *ut, ựt* tiếp nối.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 73 IT, IÊT

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Cấu tạo của vần *it, iờt*.

• Đọc và viết được *it, iờt, trỏi mớt, chỉ viết*.

• Tỡm được cỏc tiếng cú chứa vần *it, iờt*.

• Đọc được cỏc tử ngữ và cõu ứng dụng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời nói tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Em tụ, vở, viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXLV. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t: *chim cỳt, sỳt búng, s□t r□ng, n□t n□,...*

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 72.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *it, iờt*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) it

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *it* và h□i: V□n *it* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *it* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: i – t□ – it và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *it* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *trỏi mớt* cú v□n *it?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *mớt*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: i – t□ – it – m□ – it – mit – s□c – mớt.

– GV vi□t t□ khúa *trỏi mớt* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: it – mớt – trỏi mớt theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tỉ *trỏi mớt.*

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *it, trỏi mớt.* GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ời (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ời.*

– So sỏnh *ời* với *it.*

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc tổ ợng dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch tổ ợng dụng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc tổ ợng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CXLVI. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *it, ời, trỏi mớt, con vịt.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV g□i HS gi□i cõu □□ và k□t lu□n l□i gi□i □ùng: con v□t.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t *it, iờt, trỏi mớt, ch□ vi□t* trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ M□i b□n trong tranh □ang làm gỡ?

+ Em th□y cỏc b□n làm vi□c nh□ th□ nào?

+ Em thớch tụ, v□ hay vi□t?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu núi v□ s□ thớch c□a mỡnh.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *it, iờt* ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 74 UÔT, ƯƠT

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *uụt, □□t*.

• □□c và vi□t □□□c *u□t, □□t, chu□t nh□t, l□□t súng*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *u□t, □□t*

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ch□i c□u tr□□t.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXLVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ng d□ng □ bài 73.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 73.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *u□t, □□t*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) uụt

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *u□t* và h□i: V□n *u□t* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *u□t* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: uụ – t□ – uụt và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *uụt* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *chu□t nh□t* cú v□n *uụt?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *chu□t.*

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: uụ – t□ – uụt – ch□ – uụt – chuụt – n□ng – chu□t.

– GV vi□t t□ khúa *chu□t nh□t* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: uụt – chu□t – chu□t nh□t theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *chu□t nh□t.*

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *uụt, chu□t nh□t.* GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □□t (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □□*t.*

– So sỏnh □□*t* v□i *uụt.*

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Tr□ng mu□t: r□t tr□ng, tr□ng m□n.

+ Tu□t lỳa: làm cho h□t lỳa r□i kh□i bụng.

+ V□□t lờn: □i nhanh, ti□n lờn phớa tr□□c.

+ □m □□t: ch□a nhi□u h□i n□□c, h□i n□□c.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CXLVIII. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *uụt, □□t, chu□t nh□t, l□□t vỏn*

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tỏch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ Em □ó ch□i c□u tr□□t bao gi□ ch□a?

+ Ch□i c□u tr□□t cú vui khụng?

+ Chỳng ta nờn ch□i c□u tr□□t vào th□i gian nào trong ngày?

+ Khi ch□i c□u tr□□t em c□n chỳ ý □i□u gỡ?

– Nhận xột, khen ngợi những HS hăng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tỉ cú vần *uựt,* đặt tiếp nối.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhận xột tiết học.

– Dặn HS về nhà học bài, làm bài và chuẩn bị bài sau.

Bài 75 ÔN TẬP

I. MỤC TIấU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp được cỏc õm với cỏc vần và dấu thanh để học để tạo thành cỏc tiếng mới.

• Đọc, viết đỳng, đỳp tất cả cỏc vần, tỉ ngữ đó học.

• Đọc được cỏc tỉ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Chuột nhà và Chuột đồng*.

II. Đỉ DỤNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh hỏa trong SGK.

• Tranh minh hỏa cho truyện kể.

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CXLIX. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS □□c ti□p n□i cỏc ti□ng □ó h□c trong bài 74.

– 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ng d□ng c□a bài 74.

– G□i HS d□□i l□p □□c ti□p n□i toàn b□ bài 74.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: + Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ cỏc v□n □ú?

– GV ghi b□ng cỏc v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a □□□c h□c cỏc v□n cú k□t thỳc b□ng õm *t*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc v□n v□a h□c*

– GV ch□ vào tranh minh h□a và h□i: Tranh minh h□a cho ti□ng gỡ? Trong ti□ng □ú cú v□n gỡ?

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV □□c ch□.

• *Ghộp õm thành v□n*

– GV treo b□ng ụn trang 152 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nỳi: L□y t□ng ch□ □ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc v□n. Vớ d□: *a* ghộp v□i *t* ta □□oc v□n *at*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc v□n ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn.

CL. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Đọc từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK trang 152.

– Tổ chức cho HS đọc từ ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. GV chỉnh sửa phỏt õm cho HS. GV cú thể giải thớch nhỡng từ ngữ mà HS chưa hiểu (nếu cần).

+ Chút vút: rất cao, nối cao nhất.

+ Bỏt ngỏt: rất rỡng, nhỡn hất tỏm mất.

• *Hướng dẫn viết từ ngữ ứng dụng*

– GV tổ chức cho HS viết chữ cũn lỗi trong vở tập viết tựy theo trỡnh độ của HS.

• *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ?

– GV đọc từng cõu ứng dụng rừ ràng.

– GV tổ chức cho HS giải cõu đố.

– GV kết luận lời giải đỳng: cỏi bỏt.

– GV tổ chức cho HS đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Nhắc HS ngắt hơi sau mỗi dũng thơ.

• Kể chuyện: *Chuột nhà và Chuột đồng*

– GV treo tranh minh họa truyện kể (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK.

– Hỏi: Tranh vẽ gỡ?

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng nghe cụ (thầy) kể chuyện *Chuột nhà và Chuột đồng*.

– GV kể toàn bộ cõu chuyện lần 1.

– GV kể chuyện lần 2 theo tranh minh họa và hỏi HS nội dung của truyện để HS ghi nhớ. Vớ dụ:

+ Cõu chuyện cú nhỡng nhõn vật nào?

+ Chuột đồng mời Chuột nhà ăn nhỡng gỡ?

+ Vỡ sao Chu□t □□ng b□ quờ lờn thành ph□?

+ Chuy□n gỡ □ó x□y ra khi t□i □□u tiờn hai con □i ki□m □n?

+ Chu□t □□ng núi gỡ v□i b□n tr□□c khi v□ nhà?

+ Cõu chuy□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo hỡnh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Chu□t nhà và Chu□t □□ng

M□t ngày n□ng rỏo, Chu□t nhà v□ quờ th□m Chu□t □□ng. G□p Chu□t □□ng, nú li□n h□i:

– D□o này bỏc s□ng th□ nào? □□a th□ th□c □n hàng ngày c□a bỏc ra □õy tụi xem nào?

Chu□t □□ng chui vào gúc hang bờ ra nào là nh□ung thõn cõy □ó khụ queo, nào là nh□ng c□, qu□ v□o v□ mà. Chu□t □□ng □ó khú nh□c ki□m chỳng trờn cỏnh □□ng. Chu□t nhà chờ:

– Th□ mà c□ng g□i là th□c □n à, □ thành ph□ th□c □n s□ch s□, ngon lành mà d□ ki□m. Thụi bỏc lờn thành ph□ v□i em □i, no □úi cú nhau.

Nghe bựi tai, Chu□t □□ng b□ quờ lờn thành ph□.

T□i □□u tiờn □i ki□m □n, Chu□t nhà phõn cụng:

– Em ch□y vào nhà khuõn th□c □n ra, cũn bỏc thỡ tha v□ hang nhộ. V□a □i □□□c m□t lỏt, Chu□t nhà □ó h□t h□i quay l□i. M□t con Mốo □ang r□□t theo, hai con v□i chui t□t vào hang.

Chu□t nhà an □i Chu□t □□ng.

– Thua keo này bày keo khỏc. Ta s□ □i l□i khỏc ki□m th□c □n.

L□n này chừng bữ □□n kho th□c ph□m. V□a lực □y, ch□ nhà m□ kho □□ l□y hàng. M□t con chú d□ d□n c□ nh□m vào hai ch□ em Chu□t mà s□a. Chừng □ành ph□i rỳt v□ hang v□i cởi b□ng □úi meo.

Sởnh hụm sau, Chu□t □□ng thu x□p hành lý, v□i chia tay Chu□t nhà, nú núi:

– Thụi, thà v□ nhà g□m m□y th□ xoàng x□nh nh□ng do chớnh tay mỡnh làm ra cũn h□n □ □õy th□c □n thỡ cú v□ ngon □□y nh□ng khụng ph□i c□a mỡnh. Lực nào c□ng ph□i lo l□ng, □□ phũng s□ l□m!

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

Bài 76 OC, AC

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *oc, ac*.

• □□c và vi□t □□□c *oc, ac, con súc, bỏc s□*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *oc, ac*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: V□a vui v□a h□c.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CLI. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ng d□ng □ bài 75.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n núi c□a bài 75.

– G□i HS ti□p n□i nhau k□ l□i truy□n *Chu□t nhà và Chu□t □□ng*.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *oc, ac*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) oc

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *oc* và h□i: V□n *oc* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *oc* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: o – c□ – oc và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *oc* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *con súc* cú v□n *oc?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *súc*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: o – c□ – oc – s□ – oc – soc – s□c – súc.

– GV vi□t t□ khúa *con súc* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: oc – súc – con súc theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *con súc*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *oc, con súc*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ac (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ac*.

– So sỏnh *ac* với *oc*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc tiếng từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Con vực: loài chim cú chõn cao, cựng họ với diệc, cũ, thường đi ăn đờm, kờu rất to.

+ Con cúc: động vật thuộc loài ếch nhỏi, mừm ngắn, da xự xỡ, thường ở cạn, di chuyển bằng cỏch nhảy.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc tiếng từ ngữ dựng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CLII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *oc, ac, con súc, bỏc sĩ*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ chựm quả gỡ?

– G□i HS gi□i cõu □□.

– GV k□t lu□n l□i gi□i □ùng: qu□ nhón.

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Cỏc b□n trong tranh □ang ch□i trũ ch□i gỡ?

+ Ai là cụ giỏo?

+ Em cú thớch trũ ch□i l□p h□c khụng? Ch□i trũ ch□i □ú cú gỡ thỳ v□?

+ □ l□p em th□□ng □□□c ch□i nh□ng trũ ch□i gỡ trong gi□ h□c?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n nói. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu v□ trũ ch□i l□p h□c mà em thớch.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *oc, ac* cú trong □o□n th□, □o□n v□n.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 72 ĂC, ÂC

I. M□C TIÊU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n □*c, õc*.

• □□c và vi□t □□□c □*c, õc, m□c ỏo, qu□ g□c*..

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n □*c, õc*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ru□ng b□c thang.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CLIII. <u>TIẾT 1</u>

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ng d□ng □ bài 76.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 76.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n □*c, õc*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) □c

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n □*c* và h□i: V□n □*c* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n □*c* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ỏ – c□ – □c và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n □*c* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *m□c ỏo* cú v□n □*c?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *m□c*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: ỏ – c□ – □c – m□ – □c – m□c – s□c – m□c.

– GV vi□t t□ khúa *m□c ỏo* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: □c – m□c – m□c ỏo theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *m□c ỏo*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t □*c, m□c ỏo*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) õc (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n *õc*.

– So sánh *õc* với *c*.

– Cách nối giữa các con chữ, cách viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dụng*

– GV gọi HS đọc các từ ngữ dụng trong SGK. GV có thể giải thích từ ngữ dụng bằng cách hỏi HS hoặc cho HS quan sát mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thích được, GV giải thích cho HS hiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc các từ ngữ dụng theo hình thức cá nhân, nhóm, lớp.

CLIV. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *c, õc, mọc ỏo, quả gọc*.

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sát tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? Đàn chim gỏy cú gỡ đặp?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hình thức cá nhân, nhóm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏch chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sát tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ?

+ Đõu là ruộng bậc thang?

+ Ở đõu cú ruộng bậc thang?

+ Ruộng bậc thang để làm gỡ?

+ Em nhỡn th□y ru□ng b□c thang □ □õu?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n □*c, õc* ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 78 UC, ƯC

I. M□C TIẤU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *uc, □c*.

• □□c và vi□t □□□c *uc, □c, c□n tr□c, l□c s□*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *uc, □c*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Ai th□c d□y s□m nh□t.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CLV. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc từ ứng dụng ở bài 77.

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc từ, cõu ứng dụng và phần luyện núi của bài 77.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *uc, ắc*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) uc

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *uc* và hỏi: Vần *uc* được tạo bởi nhửng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *uc* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: u – cờ – uc và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *uc* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong từ *cần trục* cú vần *uc?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *trục*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chữ: u – cờ – uc – trờ – uc – truc – nặng – trục.

– GV viết từ khúa *cần trục* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: uc – trục – cần – trục theo hỡnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi nhửng HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp từ *cần trục*.

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *uc, c□n tr□c* GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □c (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □*c*.

– So sỏnh □*c* v□i *uc*.

– Cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, cỏch vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

+ Cỳc v□n th□: loài hoa cỳc cú hoa màu s□m, lỏ x□ sõu thành thựy nh□, m□i h□i, tr□ng làm c□nh.

+ Mỏy xỳc: mỏy □□ □ào, xỳc □□t.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CLVI. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *uc, □c, c□n tr□c, l□c s□*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ?

– GV g□i HS gi□i cõu □□.

– GV k□t lu□n l□i gi□i □ỳng: con gà tr□ng.

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th cho HS phõn tớch mt s ting trong cõu ng dng.

• *Luyn vit*

– GV yờu cu HS vit trong v Tp vit.

– Lu ý nhc HS cỏc ch cỏch nhau 1 vuụng con, cỏc ting cỏch nhau 1 con ch o.

• *Luyn núi*

– GV treo tranh minh ha (nu cú) hoc cho HS quan sỏt tranh minh ha trong SGK và hi: Ch luyn núi hụm nay là gỡ?

– GV ch vào bc tranh và t chc cho HS luyn núi da theo cỏc cõu hi sau:

+ Tranh v cnh thi gian nào trong ngày?

+ Tranh v cnh õu?

+ Bỏc nụng dõn làm gỡ?

+ Con gà làm gỡ?

+ Con trõu làm gỡ?

+ àn chim làm gỡ?

+ Theo em, con vt nào dy sm nht?

+ Em cú thớch dy sm khụng? Dy sm cú ớch li gỡ?

– Nhn xột, khen ngi nhng HS hng hỏi phỏt biu, chm ch luyn núi.

3. Cng c, dn dũ

– GV t chc cho HS thi tỡm t cú vn *uc*, *c* tip ni.

– GV t chc cho HS c li toàn bài.

– Nhn xột tit hc.

– Dn HS v nhà hc bài, làm bài và chun b bài sau.

Bài 79 ÔC, UÔC

I. MC TIấU

Sau bài hc, HS bit:

• Cu to ca vn *ục, uục*.

• □□c và vi□t □□□c *ục, uục, th□ m□c, ngon □u□c*.

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ục, uục*.

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i nói t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Tiờm ch□ng, u□ng thu□c.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sỏch Ti□ng Vi□t 1, t□p 1.

• B□ ghộp ch□ H□c v□n Ti□ng Vi□t c□a GV và HS.

• Tranh minh h□a trong SGK phúng to (n□u cú).

III. C□C HO□T □□NG D□Y - H□C CH□ Y□U

CLVII. TIẾT 1

1. Ki□m tra bài c□

– G□i 2 HS lờn b□ng vi□t cỏc t□ □ng d□ng □ bài 79.

– G□i HS d□□i l□p n□i ti□p nhau □□c t□, cõu □ng d□ng và ph□n luy□n nói c□a bài 79.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ục

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ục* và h□i: V□n *ục* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ục* trong b□ ch□ HVTV.

• *Đánh vần*

– GV đánh vần mẫu: ụ – cờ – ục và cho HS đánh vần lại theo hình thức cỏ nhỏn, nhóm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ục* theo hình thức cỏ nhỏn, nhóm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỏa và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong từ *thợ mộc* cú vần *ục?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *mộc*.

– GV đánh vần mẫu và cho HS đánh vần theo tay mỗnh chỉ: ụ – cờ – ục – mờ – ục – mộc – nặng – mộc.

– GV viết từ khúa *thợ mộc* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ục – mộc – thợ mộc theo hình thức: cỏ nhỏn, nhóm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp từ *thợ mộc*.

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *ục, thợ mộc*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) uục (quy trỡnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *uục*.

– So sỏnh *uục* với *ục*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ngữ dựng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ngữ dựng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ngữ dựng bằng cỏch hỏi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ngữ dựng theo hình thức cỏ nhỏn, nhóm, lớp.

CLVIII. TIẾT 2

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV gọi 3 – 5 HS đọc lại toàn bộ bài trờn bảng, sau đú cả lớp đọc đồng thanh do GV chỉ.

– GV gọi 2 HS lờn bảng viết *ục, uục, thợ mộc, ngọn đuốc.*

* *Đọc cõu ứng dụng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh họa cõu ứng dụng và hỏi:

+ Tranh vẽ gỡ? Mỏi nhà của bộ, của ục cú gỡ đặc?

– GV tổ chức cho HS tiếp nối nhau đọc cõu ứng dụng theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp. Chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS. Nhắc HS nghỉ hơi sau mỗi dũng thơ.

– GV cú thể cho HS phõn tớch một số tiếng trong cõu ứng dụng.

• *Luyện viết*

– GV yờu cầu HS viết trong vở Tập viết.

– Lưu ý nhắc HS cỏc chữ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc tiếng cỏch nhau 1 con chữ o.

• *Luyện nói*

– GV treo tranh minh họa (nếu cú) hoặc cho HS quan sỏt tranh minh họa trong SGK và hỏi: Chủ đề luyện nói hụm nay là gỡ?

– GV chỉ vào bức tranh và tổ chức cho HS luyện nói dựa theo cỏc cõu hỏi sau:

+ Tranh vẽ cảnh gỡ? Ở đõu?

+ Khi được tiờm chủng bạn trai cảm thấy thế nào?

+ Em cú đi tiờm chủng, uống thuốc đầy đủ nhỉ khụng?

+ Khi nào phải uống thuốc?

+ Tiờm chủng, uống thuốc cú lợi gỡ?

– Nhận xột, khen ngợi nhửng HS hửng hỏi phỏt biểu, chăm chỉ luyện nói. Nếu trỡnh độ HS khỏ GV tổ chức cho HS nói thành bài 3 – 5 cõu về ớch lợi của việc tiờm chủng, uống thuốc.

3. Củng cố, dặn dũ

– GV tổ chức cho HS thi tỡm tỉ cú vần *ục, uục* tiếp nối.

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài.

– Nhn xột tit hc.

– Dn HS v nhà hc bài, làm bài và chun b bài sau.

Bài 80 IÊC, ƯƠC

I. MC TIU

Sau bài hc, HS bit:

• Cu to ca vn *ièc*, c.

• c và vit c *ièc*, c, *xem xic*, *rc ốn*.

• Tm c cỏc ting cú cha vn *ièc*, c.

• c c cỏc t ng và cõu ng dng cú trong SGK.

• Phỏt trin li núi t nhiờn theo ni dung tranh v trong SGK vi ch : Xic, mỳa ri, ca nhc.

II. D NG D Y - H C

• Sỏch Ting Vit 1, tp 1.

• B ghộp ch Hc vn Ting Vit ca GV và HS.

• Tranh minh ha trong SGK phúng to (nu cú).

III. C C HO T NG D Y - H C CH Y U

CLIX. TIẾT 1

1. Kim tra bài c

– Gi 2 HS lờn bng vit cỏc t ng dng bài 79.

– Gi HS di lp ni tip nhau c t, cõu ng dng và phn luyn núi ca bài 79.

– Nhn xột, cho im tng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng h□c v□n *ời, □□c*. HS d□□i l□p □□c □□ng thanh theo.

2.2. D□y v□n

a) ời

• *Nh□n di□n v□n*

– GV vi□t b□ng v□n *ời* và h□i: V□n *ời* □□□c t□o b□i nh□ng õm nào?

– GV yờu c□u HS ghộp v□n *ời* trong b□ ch□ HVTV.

• *□ỏnh v□n*

– GV □ỏnh v□n m□u: ời – c□ – ời và cho HS □ỏnh v□n l□i theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV h□□ng d□n HS □□c tr□n *ời* theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i: Tranh v□ gỡ? Ti□ng nào trong t□ *xem xi□c* cú v□n *ời?*

– GV yờu c□u HS ghộp ti□ng *xi□c*.

– GV □ỏnh v□n m□u và cho HS □ỏnh v□n theo tay mỡnh ch□: ời – c□ – ời – x□ – ời – xời – s□c – xi□c.

– GV vi□t t□ khúa *xem xi□c* và g□i HS □□c.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ời – xi□c – xem xi□c theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *xem xi□c*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ời, xem xi□c*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

b) □□c (quy trỡnh t□□ng t□).

L□u ý:

– C□u t□o c□a v□n □□*c*.

– So sánh □□*c* v□i *ìòc*.

– Cách n□i gi□a các con ch□, cách vi□t d□u thanh.

• □□*c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c các t□ □ng d□ng trong SGK. GV có th□ gi□i thích t□ □ng d□ng b□ng cách h□i HS ho□c cho HS quan sát m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thích □□□c, GV gi□i thích cho HS hi□u.

+ Cá di□c: lo□i cá g□n gi□ng cá chộp nh□ng nh□ h□n.

+ Cụng vi□c: vi□c c□ th□ ph□i b□ cụng s□c ra làm.

– GV t□ ch□c cho HS □□c các t□ □ng d□ng theo hình th□c cá nhân, nhúm, l□p.

CLX. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trên b□ng, sau đó c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lên b□ng vi□t *ìòc, □□c*.

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sát tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ □ đõu? C□nh trong tranh có gì đ□p?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hình th□c cá nhân, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phát õm cho HS. Nh□c HS nghỉ h□i sau m□i dũng th□.

– GV có th□ cho HS phân tích m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yêu c□u HS vi□t trong v□ Tập vi□t.

– L□u ý nh□c HS các ch□ cách nhau 1ụ vuụng con, các ti□ng cách nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u có) ho□c cho HS quan sát tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gì?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo các cõu h□i sau:

+ Tranh v□ c□nh gỡ?

+ □õu là c□nh di□n xi□c? □õu là c□nh mỳa r□i? □õu là c□nh ca nh□c?

+ Trong cỏc lo□i hỡnh ngh□ thu□t trờn em thớch lo□i hỡnh nào?

+ Em □ó □□□c xem lo□i hỡnh ngh□ thu□t nào?

+ Hóy k□ v□ m□t l□n em □□□c □i xem xi□c, xem mỳa r□i hay xem ca nh□c.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t l□n em □□□c □i xem bi□u di□n ngh□ thu□t.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *ời*, □□*c* ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 81 ACH

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ach*.

• □□c và vi□t □□□c *ach*, *cu□n sỏch*..

• Tỡm □□□c cỏc ti□ng cú ch□a v□n *ach*..

• □□c □□□c cỏc t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt tri□n l□i núi t□ nhiờn theo n□i dung tranh v□ trong SGK v□i ch□ □□: Gi□ gỡn sỏch v□.

II. □□ D□NG D□Y - H□C

• Sách Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hoạ trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CLXI. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc từ ứng dụng ở bài 80.

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc từ, cõu ứng dụng và phần luyện núi của bài 80.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

– Giới thiệu: Hụm nay lớp mỡnh cựng học vần *ach*. HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

ach

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *ach* và hỏi: Vần *ach* được tạo bởi nhửng õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ach* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: a – chờ – ach và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ach* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hoạ và hỏi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong từ *cuốn sỏch* cú vần *ach?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *sỏch*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỡnh chỉ: a – chờ – ach – sờ – ach – sach – sắc – sỏch.

– GV viết từ khúa *cuốn sỏch* và gọi HS đọc.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c tr□n: ach – sỏch – cu□n sỏch theo hỡnh th□c: cỏ nhõn, nhúm, c□ l□p.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS phỏt õm □ỳng.

– GV yờu c□u HS ghộp t□ *cu□n sỏch*.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS ghộp nhanh và □ỳng.

• *Vi□t ch□*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t *ach, cu□n sỏch*. GV quan sỏt ch□nh s□a cho HS. L□u ý nh□c HS cỏch n□i gi□a cỏc con ch□, kho□ng cỏch gi□a cỏc ch□.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS vi□t □ỳng, □□p, ch□nh s□a cho HS vi□t ch□a □ỳng, ch□a □□p.

• *□□c ti□ng, t□ □ng d□ng*

– GV g□i HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK. GV cú th□ gi□i thớch t□ □ng d□ng b□ng cỏch h□i HS ho□c cho HS quan sỏt m□u v□t th□t. N□u HS khụng gi□i thớch □□□c, GV gi□i thớch cho HS hi□u.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p.

CLXII. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luy□n t□p

• *Luy□n □□c*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ach, cu□n sỏch*.

* *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ? M□i ng□□i trong tranh □ang làm gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS c□c ch□ c□ch nhau 1□ vu□ng con, c□c ti□ng c□ch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n núi*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n núi hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n núi d□a theo c□c cõu h□i sau:

+ B□n nh□ trong tranh □ang làm gỡ?

+ T□i sao c□n ph□i gi□ gỡn sỏch v□?

+ Em □ó gi□ gỡn sỏch v□ nh□ th□ nào?

+ Hóy gi□i thi□u cho c□c b□n bi□t quy□n sỏch ho□c v□ em gi□ gỡn c□n th□n.

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ c□ch em gi□ gỡn sỏch v□.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *ach* ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 88 ICH, ÊCH

I. M□C TIấU

Sau bài h□c, HS bi□t:

• C□u t□o c□a v□n *ich, ờch*.

• □□c và vi□t □□□c *ich, ờch, t□ l□ch, con □ch*.

• Tỡm □□□c c□c ti□ng cú ch□a v□n *ich, ờch*.

• □□c □□□c c□c t□ ng□ và cõu □ng d□ng cú trong SGK.

• Phỏt triển lời núi tự nhiờn theo nội dung tranh vẽ trong SGK với chủ đề: Chỳng em đi du lịch.

II. Đồ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Tranh minh hỏa trong SGK phúng to (nếu cú).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CLXIII. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS lờn bảng viết cỏc tử ngữ dựng ở bài 81.

– Gọi HS dưới lớp nối tiếp nhau đọc từ, cõu ứng dụng và phần luyện núi của bài 81.

– Nhận xột, cho điểm từng HS.

2. Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài

HS dưới lớp đọc đồng thanh theo.

2.2. Dạy vần

a) ich

• *Nhận diện vần*

– GV viết bảng vần *ich* và hỏi: Vần *ich* được tạo bởi những õm nào?

– GV yờu cầu HS ghộp vần *ich* trong bộ chữ HVTV.

• *Đỏnh vần*

– GV đỏnh vần mẫu: i – chờ – ich và cho HS đỏnh vần lại theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc trơn *ich* theo hỡnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

– GV cho HS quan sỏt tranh minh hỗa và hỗi: Tranh vẽ gỡ? Tiếng nào trong tỗ *t*ỗ *l*ỗ*ch* cú vần *ich?*

– GV yờu cầu HS ghộp tiếng *l*ỗ*ch*.

– GV đỏnh vần mẫu và cho HS đỏnh vần theo tay mỗnh chỉ: i – chỉ – ich – lỗ – ich – nặng – lỗch.

– GV viết tỗ khúa *t*ỗ *l*ỗ*ch* và gọi HS đọc.

– GV gọi HS tiếp nối nhau đọc trơn: ich – lỗch – tỗ lỗch theo hỗnh thức: cỏ nhõn, nhúm, cả lớp.

– GV chỉnh sửa lỗi phỏt õm cho HS (nếu cú), nhận xột khen ngợi những HS phỏt õm đỳng.

– GV yờu cầu HS ghộp tỗ *t*ỗ *l*ỗ*ch*

– Nhận xột, khen ngợi những HS ghộp nhanh và đỳng.

• *Viết chữ*

– GV tổ chức cho HS viết *ich, t*ỗ *l*ỗ*ch*. GV quan sỏt chỉnh sửa cho HS. Lưu ý nhắc HS cỏch nối giữa cỏc con chữ, khoảng cỏch giữa cỏc chữ.

– Nhận xột, khen ngợi những HS viết đỳng, đẹp, chỉnh sửa cho HS viết chưa đỳng, chưa đẹp.

b) ờch (quy trỗnh tương tự).

Lưu ý:

– Cấu tạo của vần *ờch*.

– So sỏnh *ờch* với *ich*.

– Cỏch nối giữa cỏc con chữ, cỏch viết dấu thanh.

• *Đọc tiếng, từ ứng dụng*

– GV gọi HS đọc cỏc từ ứng dụng trong SGK. GV cú thể giải thớch từ ứng dụng bằng cỏch hỗi HS hoặc cho HS quan sỏt mẫu vật thật. Nếu HS khụng giải thớch được, GV giải thớch cho HS hiểu.

+ Vở kịch: chỉ một đơn vị tỏc phẩm, sõn khấu.

+ Chỡnh chỉnh: hỗi lỗch, khụng thẳng.

– GV tổ chức cho HS đọc cỏc từ ứng dụng theo hỗnh thức cỏ nhõn, nhúm, lớp.

CLXIV. <u>TIẾT 2</u>

2.3. Luyện tập

• *Luyện đọc*

– GV g□i 3 – 5 HS □□c l□i toàn b□ bài trờn b□ng, sau □ú c□ l□p □□c □□ng thanh do GV ch□.

– GV g□i 2 HS lờn b□ng vi□t *ich, ờch, t□ l□ch, con □ch.*

* □□*c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a cõu □ng d□ng và h□i:

+ Tranh v□ gỡ? Chỳ chim sõu □ang làm gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS ti□p n□i nhau □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS. Nh□c HS ngh□ h□i sau d□u ph□y, sau m□i dũng th□.

– GV cú th□ cho HS phõn tớch m□t s□ ti□ng trong cõu □ng d□ng.

• *Luy□n vi□t*

– GV yờu c□u HS vi□t trong v□ T□p vi□t.

– L□u ý nh□c HS cỏc ch□ cỏch nhau 1ụ vuụng con, cỏc ti□ng cỏch nhau 1 con ch□ o.

• *Luy□n nói*

– GV treo tranh minh h□a (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK và h□i: Ch□ □□ luy□n nói hụm nay là gỡ?

– GV ch□ vào b□c tranh và t□ ch□c cho HS luy□n nói d□a theo cỏc cõu h□i sau:

+ Cỏc b□n trong tranh □ang làm gỡ?

+ Em □ó □i du l□ch bao gi□ ch□a?

+ Khi □i du l□ch c□n mang nh□ng gỡ?

+ Em cú thớch □i du l□ch khụng? □i du l□ch cú gỡ vui?

+ Em □ó □□□c □i du l□ch □ nh□ng □õu?

– Nh□n xột, khen ng□i nh□ng HS h□ng hỏi phỏt bi□u, ch□m ch□ luy□n núi. N□u trỡnh □□ HS khỏ, GV t□ ch□c cho HS núi thành bài 3 – 5 cõu v□ m□t l□n em □□□c □i du l□ch.

3. C□ng c□, d□n dũ

– GV t□ ch□c cho HS thi tỡm t□ cú v□n *ich, ờch* ti□p n□i.

– GV t□ ch□c cho HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà h□c bài, làm bài và chu□n b□ bài sau.

Bài 83 ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

• Ghộp được cỏc õm với cỏc vần và dấu thanh để học để tạo thành cỏc tiếng mới.

• Đọc, viết đỳng, đẹp tất cả cỏc vần, từ ngữ đó học.

• Đọc được cỏc từ ngữ, cõu cú trong bài học.

• Nghe, hiểu và kể lại theo tranh truyện kể *Anh chàng ngốc và con ngỗng vàng*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

• Sỏch Tiếng Việt 1, tập 1.

• Bộ ghộp chữ Học vần Tiếng Việt của GV và HS.

• Bảng ụn trong SGK.

• Tranh minh họa trong SGK.

• Tranh minh họa cho truyện kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU

CLXV. TIẾT 1

1. Kiểm tra bài cũ

– Gọi 2 HS đọc tiếp nối cỏc tiếng đó học trong bài 82.

– 2 HS lờn bảng viết cỏc từ ứng dụng của bài 82.

– Gọi HS dưới lớp đọc tiếp nối toàn bộ bài 82.

– Nh□n xột, cho □i□m t□ng HS.

2. D□y – h□c bài m□i

2.1. Gi□i thi□u bài

– H□i: + Cỏc em □ó □□□c h□c nh□ng v□n gỡ trong tu□n qua?

+ Em cú nh□n xột gỡ v□ cỏc v□n □ú?

– GV ghi b□ng cỏc v□n HS nh□c l□i lờn b□ng.

– GV treo b□ng ụn và gi□i thi□u: Cỏc em v□a □□□c h□c cỏc v□n cú k□t thỳc b□ng õm *c, h*. Hụm nay chỳng mỡnh cựng ụn t□p nh□ng ki□n th□c □ó h□c.

2.2. ễn t□p

• *Cỏc v□n v□a h□c*

– GV ch□ vào tranh minh h□a và h□i: Tranh minh h□a cho ti□ng gỡ? Trong ti□ng □ú cú v□n gỡ?

– GV yờu c□u HS □□c ti□p n□i cỏ nhõn theo tay mỡnh ch□ trong b□ng ụn.

– G□i 2 HS lờn b□ng ch□ õm, v□n do GV □□c ch□.

• *Ghộp õm thành v□n*

– GV treo b□ng ụn trang 168 SGK ho□c dựng b□ng gài.

– GV nói: L□y t□ng ch□ □ hàng d□c ghộp v□i t□ng ch□ □ hàng ngang ta s□ □□□c cỏc v□n. Vớ d□: *a* ghộp v□i *c* ta □□oc v□n *ac*.

– GV g□i HS ti□p n□i nhau □□c cỏc v□n ghộp □□□c theo th□ t□ t□ng hàng.

– GV ch□ b□ng khụng theo th□ t□ □□ HS □□c cỏc ti□ng v□a ghộp □□□c.

– GV ch□nh s□a l□i phỏt õm cho HS (n□u cú), nh□n xột khen ng□i nh□ng HS □□c □ỳng.

– GV g□i 2 HS ti□p n□i nhau □□c toàn b□ng ụn.

CLXVI. TIẾT 2

2.3. Luy□n t□p

• *□□c t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS □□c cỏc t□ □ng d□ng trong SGK trang 168.

– T□ ch□c cho HS □□c t□ □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. GV ch□nh s□a phỏt õm cho HS. GV cú th□ gi□i thớch nh□ng t□ ng□ mà HS ch□a hi□u (n□u c□n).

+ N□□c t□ trờn cao □□ xu□ng t□o thành thỏc.

• *H□□ng d□n vi□t t□ ng□ □ng d□ng*

– GV t□ ch□c cho HS vi□t ch□ cũn l□i trong v□ t□p vi□t tự theo trỡnh □□ c□a HS.

• *□□c cõu □ng d□ng*

– GV cho HS quan sỏt tranh minh h□a và h□i:

+ Tranh v□ gỡ? Núi l□i chào cú l□i gỡ?

– GV □□c t□ng cõu □ng d□ng rừ ràng.

– GV t□ ch□c cho HS □□c cõu □ng d□ng theo hỡnh th□c cỏ nhõn, nhúm, l□p. Nh□c HS ng□t h□i sau m□i dũng th□.

• K□ chuy□n: *Anh chàng ng□c và con ng□ng vàng.*

– GV treo tranh minh h□a truy□n k□ (n□u cú) ho□c cho HS quan sỏt tranh minh h□a trong SGK.

– H□i: Tranh v□ gỡ?

– Gi□i thi□u: Hụm nay l□p mỡnh cựng nghe cụ (th□y) k□ chuy□n *Anh chàng ng□c và con ng□ng vàng.*

– GV k□ toàn b□ cõu chuy□n l□n 1.

– GV k□ chuy□n l□n 2 theo tranh minh h□a và h□i HS n□i dung c□a truy□n □□ HS ghi nh□. Vớ d□:

+ Cõu chuy□n cú nh□ng nhõn v□t nào?

+ Nh□ □õu chàng ng□c cú □□□c con ng□ng vàng?

+ Chuy□n gỡ l□ x□y ra khi anh chàng ng□c vào quỏn tr□?

+ □ kinh □ụ cú chuy□n gỡ l□?

+ Vỡ sao cụng chỳa c□□i nh□ n□c n□?

+ K□t thỳc cõu chuy□n ra sao?

+ Cõu chuy□n mu□n khuyờn chỳng ta □i□u gỡ?

– GV t□ ch□c cho HS k□ chuy□n theo tranh.

– Cỏch ti□n hành:

+ Chia l□p thành cỏc nhúm nh□, m□i nhúm 4 HS.

+ Cỏc nhúm d□a vào tranh minh h□a và n□i dung c□a tranh □□ k□ l□i.

+ HS ti□p n□i nhau k□ trong nhúm.

+ T□ ch□c cho HS c□ l□p thi k□ chuy□n theo h□nh th□c n□i ti□p (m□i nhúm k□ 1 tranh).

+ G□i 1 HS khỏ k□ l□i toàn b□ cõu chuy□n.

– Nh□n xột khen ng□i HS k□ chuy□n t□t, HS chỳ ý l□ng nghe và thu□c truy□n nhanh.

N□i dung cõu chuy□n:

Anh chàng ng□c và con ng□ng vàng

Nhà kia cú m□t anh con ỳt r□t ng□c. M□i ng□□i g□i anh là Ng□c. M□t l□n vào r□ng, Ng□c g□p m□t c□ già. C□ xin Ng□c nh□□ng th□c □n cho mỗnh, Ng□c li□n m□i c□ □n ngay. □n xong, c□ núi:

– Con là ng□□i r□t t□t. Con x□ng □ỏng nh□n □□□c m□t mún quà quý t□ sau cỏi cõy kia.

Theo h□□ng c□ ch□, Ng□c b□t □□□c m□t con ng□ng cú b□ lụng vàng, Ng□c m□ng quỏ □m ng□ng □i v□.

Trờn □□□ng v□ nhà anh t□t vào m□t quỏn tr□. Ba cụ con gỏi c□a ụng ch□ □□u mu□n nh□ng chi□c lụng ng□ng b□ng vàng. Nh□ng khi h□ □□n rỳt lụng ng□ng thỡ tay h□ b□ dớnh ch□t vào con ng□ng, khụng rỳt ra □□□c.

Ng□c ti□p t□c lờn □□□ng, anh khụng bi□t cú ba cụ gỏi l□o □□o theo sau. D□c □□□ng, cú m□t ng□□i □àn ụng □□nh kộo giỳp nh□ng tay ụng c□ng b□ dớnh vào luụn. R□i cú hai ng□□i nụng dõn □ang vỏc cu□c c□ng gi□ tay ra c□u ng□□i □àn ụng nh□ng c□ng b□ dớnh vào luụn.

V□a lỳc □ kinh □ụ cú chuy□n l□. cụng chỳa ch□ng c□□i, ch□ng núi và vua □ó treo gi□i ai làm cho cụng chỳa c□□i thỡ s□ □□□c c□□i nàng làm v□.

Cụng chỳa nhỡn th□y c□ □oàn b□y ng□□i cụng con ng□ng □i l□ch th□ch thỡ bu□n c□□i quỏ. Nàng c□t ti□ng c□□i nh□ n□c n□. Ng□c □□□c gi□i, anh c□□i □□□c cụ cụng chỳa xinh □□p làm v□.

3. C□ng c□, d□n dũ

– G□i HS □□c l□i toàn bài.

– Nh□n xột ti□t h□c.

– D□n HS v□ nhà k□ l□i cõu chuy□n cho ng□□i thõn nghe và chu□n b□ bài sau.

MỤC LỤC

Bài 1 e 6

Bài 2 b 9

Bài 3 / 13

Bài 4 ?, . 16

Bài 5 \, ~ 22

Bài 6 be, bè, bé, bẻ, bẽ, bẹ 27

Bài 7 ê, v 31

Bài 8 ê, v 35

Bài 9 o, c 39

Bài 10 ô, ơ 43

Bài 11 Ôn tập 47

Bài 12 i, a 51

Bài 13 n, m 55

Bài 14 d, đ 59

Bài 15 t, th 63

Bài 16 Ôn tập 67

Bài 17 u, ư 71

Bài 18 x, ch 75

Bài 19 s, r 79

Bài 20 k, kh 83

Bài 21 Ôn tập 87

Bài 22 p – ph, nh 91

Bài 23 g, gh 95

Bài 24 q – qu, gi 99

Bài 25 ng, ngh 103

Bài 26 y, tr 106

Bài 27 Ôn tập 110

Bài 28 Chữ thường – Chữ hoa 114

Bài 29 ia 117

Bài 30 ua, ưa 120

Bài 31 Ôn tập 124

Bài 32 oi, ai 127

Bài 33 ôi, ơi 131

Bài 34 ui, ưi 134

Bài 35 uôi, ươi 138

Bài 36 ay, â – ây 142

Bài 37 Ôn tập 145

Bài 38 eo, ao 149

Bài 39 au, âu 152

Bài 40 iu, êu 156

Bài 41 iêu, yêu 160

Bài 42 ưu, ươu 163

Bài 43 Ôn tập 167

Bài 44 on, an 170

Bài 45 ân, ă – ăn 174

Bài 46 ôn, ơn 177

Bài 47 en, ên 180

Bài 48 in, un 184

Bài 49 iên, yên 187

Bài 50 uôn, ươn 191

Bài 51 Ôn tập 194

Bài 52 ong, ông 198

Bài 53 ăng, âng 201

Bài 54 ung, ưng 205

Bài 55 eng, iêng 208

Bài 56 uông, ương 212

Bài 57 ang, anh 215

Bài 58 inh, ênh 219

Bài 59 Ôn tập 223

Bài 60 om, am 227

Bài 61 ăm, âm 230

Bài 62 ôm, ơm 234

Bài 63 em, êm 237

Bài 64 im, um 241

Bài 65 iêm, yêm 244

Bài 66 uôm, ươm 248

Bài 67 Ôn tập 251

Bài 68 ot, at 255

Bài 69 ăt, ât 258

Bài 70 ôt, ơt 262

Bài 71 et, êt 265

Bài 72 ut, ưt 269

Bài 73 it, iêt 272

Bài 74 uôt, ươt 275

Bài 75 Ôn tập 279

Bài 76 oc, ac 283

Bài 77 ăc, âc 287

Bài 78 uc, ưc 290

Bài 79 ôc, uôc 293

Bài 80 iêc, ươc 297

Bài 81 ach 300

Bài 82 ich, êch 303

Bài 83 Ôn tập 307

Bài *1* e 6

Bài *2* b 9

Bài *3* ′ 13

Bài *4* ?, . 16

Bài *5* , ~ 22

Bài *6* be, bố, bộ, b□, b□, b□ 27

Bài *7* ờ, v 31

Bài *8* ờ, v 35

Bài *9* 9 o, c 39

Bài *10* 10 ụ, □ 43

Bài *11* Ôn tập 47

Bài *12* i, a 51

Bài *13* n, m 55

Bài *14* d, □ 59

Bài *15* t, th 63

Bài *16* Ôn tập 67

Bài *17* u, □ 71

Bài *18* x, ch 75

Bài *19* s, r 79

Bài *20* k, kh 83

Bài *21* Ôn tập 87

Bài *22* p □ ph, nh 91

Bài *23* g, gh 95

Bài *24* q qu, gi 99
Bài *25* ng, ngh 103
Bài *26* y, tr 106
Bài *27* Ôn tập 110
Bài *28* Chữ thường Chữ hoa 114
Bài *29* ia 117
Bài *30* ua, a 120
Bài *31* Ôn tập 124
Bài *32* oi, ai 127
Bài *33* ôi, ơi 131
Bài *34* ui, ưi 134
Bài *35* uôi, ươi 138
Bài *36* ay, â ây 142
Bài *37* Ôn tập 145
Bài *38* eo, ao 149
Bài *39* au, âu 152
Bài *40* iu, êu 156
Bài *41* iêu, yêu 160
Bài *42* ưu, ươu 163
Bài *43* Ôn tập 167
Bài *44* on, an 170
Bài *45* ân, ă ăn 174
Bài *46* ôn, ơn 177
Bài *47* en, ên 180

Bài *48* in, un 184
Bài *49* iên, yên 187
Bài *50* uôn, ươn 191
Bài *51* Ôn tập 194
Bài *52* ong, ông 198
Bài *53* ăng, âng 201
Bài *54* ung, ưng 205
Bài *55* eng, iêng 208
Bài *56* uông, ương 212
Bài *57* ang, anh 215
Bài *58* inh, ênh 219
Bài *59* Ôn tập 223
Bài *60* om, am 227
Bài *61* ăm, âm 230
Bài *62* ôm, ơm 234
Bài *63* em, êm 237
Bài *64* im, um 241
Bài *65* iêm, yêm 244
Bài *66* uôm, ươm 248
Bài *67* Ôn tập 251
Bài *68* ot, at 255
Bài *69* ăt, ât 258
Bài *70* ôt, ơt 262
Bài *71* et, êt 265

Bài *72* ut, ưt 269

Bài *73* it, iêt 272

Bài *74* uôt, ươt 275

Bài *75* Ôn tập 279

Bài *76* oc, ac 283

Bài *72* ăc, âc 287

Bài *78* uc, ưc 290

Bài *79* ôc, uôc 293

Bài *80* iêc, ươc 297

Bài *81* ach 300

Bài *88* ich, êch 303

Bài *83* Ôn tập 307

Mục lục 311